

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O



**Tuổi trẻ với
Phật giáo**

Tr. 18

Chúa Thượng Ngàn

Tr. 12

...Lương quốc
trạng nguyên

Tr. 36



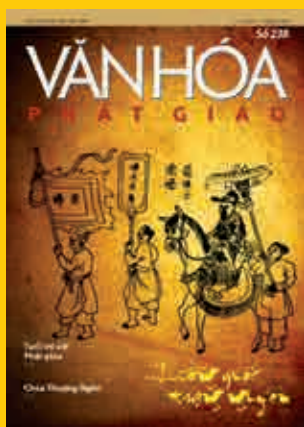
ZEN ART



Tôn tượng
Địa Tạng Vương
Bồ Tát

ĐỂ THỈNH TƯỢNG PHẬT, QUÝ VỊ HÃY LIÊN HỆ VỚI ZEN ART:

Địa chỉ: Số 64 đường 27, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TP.HCM - Điện thoại: 0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)
Email: mythuatzen@gmail.com - Website: zenart.vn - Facebook: www.facebook.com/mythuat.zen



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1131297
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Thư gửi học trò Ngày Nhà giáo 2015 (Nguyễn Cẩn)	4
Đạo đức là một giá trị của văn minh (Nguyễn Thế Đăng)	8
Từ câu chuyện “lá cờ khăn gói” đến sự thật lịch sử (Tôn Thất Thọ)	10
Chúa Thượng Ngàn (Lê Hải Đăng)	12
Phẫn nộ tự hại mình (Thiên Chương)	14
Tuổi trẻ với Phật giáo (Cao Huy Hóa)	18
Tâm Phật (Đạt-lai Lạt-ma, Như Tâm dịch)	21
Kiểm soi tâm (Thích Hạnh Tuệ)	24
Thấy Phật A-súc (Đỗ Hồng Ngọc)	26
Ngài Cẩn Tín hầu và Cửu vị thần công (Đỗ Minh Điền)	30
Nghi lễ Then của người Tày Quảng Ninh (Phạm Học)	34
Tản mạn về “Lưỡng quốc trạng nguyên” (Trương Hoàng Minh)	36
Mới phát hiện: thiền sư ẩn mình trong tượng Phật hàng thế kỷ (Nguyễn Văn Thông)	40
Đạo và đời (Hoàng Tá Thích)	42
Văn hóa... ăn nhậu (Thành Công)	44
Đồng nghiệp gợi suy nghĩ (Hồ Anh Thái)	46
Hoa dã quỳ Tây Nguyên (Nguyễn Thánh Ngã)	47
Ngày mưa (Nguyễn Thị Sương)	48
Đồng quê yêu dấu (Bùi Sỹ Căn)	49
Neak Tà trong văn hóa Khmer Nam Bộ (Thạch Ba Xuyên)	50
Thơ (Tiến Văn, Vi Ánh Ngọc, Phạm Ánh, Trường Khánh, Đào Phước Giao, Kim Hoa, Trà Kim Long)	52
Về nơi ấm áp (Trương Đình Phương)	54
Khói bếp quê (Trần Duy Đức)	57
Hỏi đáp (Bàng Ấn)	59

Bìa 1: Vinh quy bái tổ. Tranh Việt nam

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Lâu nay, tòa soạn Văn Hóa Phật Giáo thường nhận được những lời than phiền từ những độc giả có đăng ký báo dài hạn về việc báo gửi qua đường bưu điện bị thất lạc. Trường hợp báo thất lạc hầu hết xảy ra với những vị độc giả ở các tỉnh, thuộc vùng sâu vùng xa, chung cư... có địa chỉ không rõ ràng. Mỗi khi nhận được phản ánh về báo thất lạc, chúng tôi đều gửi bổ sung ngay qua hệ thống bảo đảm của bưu điện. Có trường hợp sau khi đã nhận được báo bổ sung, độc giả lại cho biết báo thất lạc đã “đến tay”; nghĩa là báo đến quá chậm, trong khi chúng tôi luôn luôn phát hành đúng thời hạn. Mới đây, có một độc giả ở Quảng Ngãi liên tục khiếu nại báo thất lạc nhiều số. Nhận được phản ánh, chúng tôi cũng nhanh chóng gửi bảo đảm báo bổ sung từng số một. Nhưng sau đó, vị độc giả ấy lại điện thoại cho biết hoàn toàn không nhận được báo. Khi chúng tôi khiếu nại với bưu điện, cơ quan bưu điện khẳng định đã giao bưu phẩm bảo đảm đến đúng người và có chữ ký của người nhận. Có thể nghĩ đã có ai nhận giúp vị ấy nhưng rồi không giao lại chẳng. Dù sao đi nữa, việc gửi báo bổ sung cũng làm tăng công việc của nhân viên thuộc bộ phận phát hành và làm tăng chi phí phát hành (Một tờ báo gửi đi qua đường phát bưu phẩm thông thường thì chi phí là 5.000đ; một tờ báo gửi theo đường bảo đảm có chi phí là 9.000đ; trong khi giá phát hành của một tờ báo chỉ là 20.000đ).

Về việc phát hành lịch, chúng tôi sẽ gửi lịch tặng đến tất cả những vị đang là độc giả dài hạn và những vị đã đăng ký báo dài hạn năm 2016 trước ngày 31-12-2015. Đối với những độc giả đăng ký báo sau ngày này, nếu số lịch đã in vẫn còn, chúng tôi vẫn tiếp tục tặng lịch. Tuy vậy, chúng tôi cũng mong quý vị thông cảm trong trường hợp lịch đã được phát hành hết.

Kính chúc quý độc giả luôn đạt niềm vui tự nội.

Văn Hóa Phật Giáo





**Ta không thấy một pháp nào khác, này các
Tỷ-kheo, lại dễ sử dụng, này các Tỷ-kheo,
như tâm được tu tập.**

(*Kinh Tăng Chi Bộ*, Chương I, Một pháp)



Thư gửi học trò ngày Nhà giáo 2015

NGUYỄN CĂN

Hồng Nhân thân mến,
Nhận thư em chúc mừng thầy nhân ngày Nhà giáo với nhiều cảm xúc lẫn lộn. Vui vì biết học sinh ngày xưa vẫn còn nghĩ đến mình nhưng buồn vì những tâm sự em giải bày trong thư. Ấu đó cũng là tâm trạng chung của những người đã hay đang làm thầy cô trên đất nước gần năm ngàn năm văn hiến này.

Em viết rằng em sắp về hưu, lương hưu cũng chỉ khoảng ba bốn triệu gì đó sau gần 35 năm gắn bó với nghề. Thôi thì đắp đổi qua ngày em ạ! Đời sống của thầy cô trên phạm vi cả nước cũng không được cải thiện nhiều đâu! Em hãy vui vì đang sống ở một tỉnh miền Nam Trung Bộ, nơi thu nhập tương đối khá so với mặt bằng chung. Nếu em biết được tâm sự của một vài cô giáo chia sẻ trên mạng VOV - (Voice of Vietnam) về đời sống của họ, em sẽ thấy xót xa. Có những cô như cô giáo Cao Thị Nghĩa ở Bắc Kạn cho biết dù đã khá

hơn rất nhiều so với ngày cô mới ra trường, nhưng hiện tại, trong bữa ăn, nhiều gia đình học sinh vẫn ăn cơm với ớt và nước lã! Cũng chia sẻ về bữa ăn học trò vùng cao, cô Lê Thị Hằng, người 33 năm giảng dạy tại các trường tiểu học của huyện nghèo Lang Chánh, Thanh Hóa kể lại: *"Lần đầu tiên lên nhận công tác, nhìn học sinh bốc cơm ăn với muối hạt, tôi đã khóc"*. Rồi cô Hằng trở thành người con trong bản, quen dần với những bữa cơm chỉ có rau ngót. Thỉnh thoảng, được vài bữa "sang trọng" hơn là có thịt, cá ướp muối, bởi nơi đây thiếu nước ngọt, không có ao hồ. Cô kể học sinh người dân tộc thường nhịn ăn đến trường. Nhiều lần các em lả đi trong giờ học, cô giáo phải nấu mì tôm cho ăn. Những khi trời mưa gió, giáo viên không đi lấy được gạo, dân bản lại san sẻ số ngô, khoai ít ỏi. Một cô khác, cô Chu Thị Thu Hường (Trường Tiểu học Nà Lầy, huyện Ba Bể, Bắc Kạn) kể lại kỷ niệm sâu sắc trong cuộc đời gieo con chữ: *"Trong ngày thi học kỳ I, buổi trưa các em ở lại*

trường. Thương học trò quá, tôi cùng bạn đồng nghiệp bắc bếp thổi cơm. Bữa ăn chỉ có bát canh cải nường và ba con mắm mặn. May sao, các em ăn ngon lành, tạm quên khó khăn...". Còn nhiều trường thuộc vùng đặc biệt khó khăn đều không có điện, đường và sóng điện thoại. Thầy Nguyễn Hồng Hiệp giảng dạy tại Trường Tiểu học Nậm Nhoóng (xã Nậm Nhoóng, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An), cách trung tâm huyện hơn 40km, chưa có đường đi, vì đường chủ yếu do nhân dân tự đào, có khúc quanh co theo sườn núi, một bên dốc, một bên vực rất nguy hiểm. Mỗi khi trời mưa bão, trường thường bị cách ly với các vùng khác. Vì thế, dù nơi công tác ở cách xa nhà hơn 40km, nhưng mỗi năm thầy Hiệp chỉ được về hai lần vào dịp hè và lễ Tết, bằng cách đi bộ. Có lần một người thân trong gia đình thầy mất, nhưng phải đến 2 tháng sau, đến khi trở về nhà, thầy mới biết tin... Còn bao nhiêu trường hợp nữa trên đất nước này khiến có lần thầy trò mình bức xúc vì sao trẻ thơ không có cầu đò qua sông qua suối, trường học và giáo viên thiếu thốn trăm bề mà người ta vẫn cứ tiếp tục xây tượng đài nghìn tỷ, xây trung tâm hành chính vài nghìn đến chục ngàn tỷ, phục vụ ai? Nếu người dân không phải là đối tượng chính cần nghĩ đến cho mọi quốc sách, trẻ thơ không còn là trung tâm phát triển của mọi chiến lược thì thử hỏi ba cuộc cách mạng mà chúng ta thường nghe rao giảng trên ghế nhà trường có ý nghĩa thế nào? Những tượng đài hay công trình ấy phỏng có ích gì cho ai, em nhỉ?

Em cũng than phiền khi nghe phụ huynh phàn nàn rằng những trường ở thị xã hay thành phố thường thu phí cao, nhiều thứ tiền đồ đầu phụ huynh làm họ choáng khi con vào năm học mới. Nhưng biết sao được. Ai cũng đưa ra cái lý của mình. Thầy chỉ muốn nhắc lại những lý tưởng mà chúng ta được học và đọc rằng theo Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980, Điều 60, viết: *"Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Nhà nước thực hiện từng bước chế độ giáo dục phổ thông bắt buộc, thực hiện chế độ học không phải trả tiền và chính sách cấp học bổng, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân học tập"*.

Hiến pháp 1992, Điều 59 viết: *"Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Bậc tiểu học là bắt buộc, không phải trả học phí"*.

Điều này cho thấy Hiến pháp Việt Nam đi từ chỗ rất thực tế năm 1946, bảo đảm giáo dục không học phí cho đến hết tiểu học, đến Hiến pháp 1980, coi giáo dục là nghĩa vụ và quyền lợi, đến 1992 đã không cải tiến mà "cải lùi", nhưng có thể thông cảm vì kinh tế lúc đó khó khăn, nhưng đến nay, người ta dùng "uỷen ngữ" hay những mỹ từ, hoặc đích danh là những từ nguy trang như "phí xây dựng nhà trường", "phí cơ sở vật chất", "phí học thêm", "phí...", tóm lại có nơi thu đến trên 10 khoản. Nhân danh "xã hội hóa", người ta bắt phụ huynh công nhiều thứ tiền linh tinh khác. Có thể

xem những việc này là vi phạm hiến pháp được chăng? Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã từng viết: *"Nền giáo dục của ta là nền giáo dục của dân, do dân và vì dân"*. Dân chủ và công bằng là tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa; trước hết phải được thể hiện trong giáo dục và y tế, hai lĩnh vực trực tiếp bồi dưỡng con người. Bác Hồ mong muốn "Ai cũng được học hành", vì vậy xu hướng đúng đắn là phải tiến tới bỏ học phí. Nhiều nước tư bản cũng đã bỏ học phí ở cấp phổ thông, có nước bỏ học phí cả ở bậc đại học. Đất nước Cuba còn nhiều khó khăn mà vẫn kiên trì thực hiện học tập và chữa bệnh miễn phí" (báo *Sài Gòn Giải Phóng* 10/9/2007).

Em cũng băn khoăn là ngôi nhà giáo dục Việt Nam 40 năm vẫn chưa có thiết kế tổng thể. Chỉ riêng giáo dục bậc trung học phổ thông thôi, mỗi năm người ta lại "thí nghiệm" một kiểu thi, một kiểu tuyển sinh khiến hàng triệu người quay cuồng theo những thay đổi đầy tính chất chủ quan, thiếu cân nhắc cẩn thận ấy. Năm ngoái kỳ thi vào đại học được ví như "sàn chứng khoán" hay "đấu trường sinh tử" thì năm nay là gì? Lại phải chờ vì theo Bộ Giáo dục - Đào tạo, các trường đại học, đặc biệt là các trường đại học top trên chưa sẵn sàng thực hiện tự chủ tuyển sinh. Trên cơ sở đó, Bộ mong muốn các trường cân nhắc, thảo luận kỹ một số vấn đề kỹ thuật để *tìm giải pháp tối ưu*. Các vấn đề được nêu ra gồm: nên hay không nên duy trì ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào; có cần quy định các đợt xét tuyển hay chỉ quy định số kỳ tuyển sinh trong năm học; xét tuyển bằng kết quả thi trung học phổ thông quốc gia năm 2016 cần thay đổi một cách căn bản hay chỉ điều chỉnh một số điểm bất hợp lý trong công tác xét tuyển năm 2015; chế độ điểm ưu tiên theo khu vực và theo đối tượng trong năm 2016 cần giữ nguyên hay giảm xuống còn một nửa so với mức điểm ưu tiên trong năm 2015. Sẽ có hội nghị để Bộ Giáo dục - Đào tạo tập hợp ý kiến của các trường để lựa chọn phương án tốt nhất...

Thế đấy, cần nhà ấy thiếu kiến trúc sư trường, nên thiếu tính mục đích của người phác thảo, nói xa hơn là thiếu triết lý, hay nguyên lý xây dựng.

Cuối cùng em lại bày tỏ sự hoang mang khi nghe nói môn Sử sắp bị loại ra khỏi chương trình nhưng người ta lại chơi chữ, (vì chúng ta đang sống trên đất nước những nhà thơ!) dùng thuật ngữ "tích hợp".

Theo như dự thảo, ở cấp trung học sẽ không còn môn Lịch sử nữa và học sinh không phải thi môn học này. Thay vào việc không thi môn Lịch sử thì học sinh sẽ phải thi môn bắt buộc là môn "Công dân với Tổ quốc". Bộ GD-ĐT giải thích rằng việc tích hợp môn Lịch sử vào môn Công dân như trên là nhằm phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh, làm sao không để các em rơi vào tình trạng học tủ, học lệch, nặng về trình bày, học thuộc lòng. Đây cũng là sự đổi mới cách dạy và học theo Nghị quyết 29 NQ/TW của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về *Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục và*

đào tạo. Chúng ta biết từ nhiều năm nay, chất lượng giảng dạy-học tập môn Lịch sử luôn bị đánh giá là còn nhiều bất cập, yếu kém. Trong kỳ thi THPT quốc gia năm 2015, môn Lịch sử chỉ được coi là môn tự chọn nên việc dạy và học môn học này càng trở nên đáng báo động. Nhưng thấy lo không khéo “lợn lành (hay lợn không khô) lại chữa thành lợn què” khi nhân danh cải cách chương trình, phương thức giảng dạy-học tập môn Lịch sử, nhưng “tích hợp” với môn Công dân... liệu có thỏa đáng. Về mặt pháp luật, bộ môn Quốc phòng-An ninh đã được quy định trong một bộ luật riêng. Chúng ta muốn bỏ nó đi hay tích hợp vào môn học khác thì trước hết phải thực hiện theo đúng luật. Nhà sử học Dương Trung Quốc nêu ý kiến “Đưa ra Dự thảo nhưng Bộ GD-ĐT lý giải cách thức tích hợp môn Lịch sử không có sức thuyết phục và giải thích cho việc thay thế môn học này bằng môn học khác cũng không cụ thể, rõ ràng. Nếu đưa môn Lịch sử vào tích hợp với môn ‘Công dân với Tổ quốc’ mà chưa nghiên cứu thận trọng thì môn Lịch sử càng không được giới trẻ coi trọng và việc học sử có thể trở nên thảm hại hơn”. Theo Giáo sư Phan Huy Lê, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam - trong cuộc trao đổi với phóng viên VOV.VN - thì tình trạng học sinh thờ ơ với môn Lịch sử hay

nói thẳng ra là học sinh chán môn Lịch sử là một thực tế rất đáng buồn và đáng lo ngại. Tình trạng này thể hiện từ nhiều năm nay trên rất nhiều phương diện. Khi bắt phải thi thì điểm số rất thấp. Khi cho tự chọn thì hầu hết bỏ ngay môn học này. Rồi những điều tra xã hội học, phỏng vấn bất chợt, phần lớn cho thấy, học sinh hiểu biết rất lơ mơ, hiểu sai cả những nhân vật anh hùng tiêu biểu như coi Quang Trung - Nguyễn Huệ là hai người, hai anh em... Đó là những câu chuyện cười ra nước mắt. Nhưng vấn đề là nguyên nhân của tình trạng đó và trách nhiệm thuộc về ai? Trước hết là do sách giáo khoa quá nặng nề, liệt kê toàn các sự kiện, nhân vật và con số, mang tính nhồi nhét kiến thức. Đó là trách nhiệm của những người biên soạn chương trình và sách giáo khoa, trách nhiệm chỉ đạo và thiết kế môn học của Bộ GD-ĐT, hay gọi đúng tên, lãnh đạo Bộ GD-ĐT. Họ phải tham vấn hay yêu cầu Hội Sử học đưa ra một chương trình phù hợp thống nhất, phân bổ ra thành nhiều năm, biến thành một môn khoa học sinh động mang tính chất giáo dục lý tưởng, còn hiệu quả hơn những môn như Công dân giáo dục hay An ninh Quốc phòng, xét về mức độ tác động tình cảm tâm lý. Bộ GD-

ĐT cố giải thích rằng “tích hợp” là đưa môn Lịch sử vào hệ thống các



môn bắt buộc trong toàn bộ nền giáo dục phổ thông. Tích hợp là một xu hướng của giáo dục hiện đại, nhưng tuyệt đối không thể là sự gán ghép tùy tiện, “đầu Ngô mình Sở”. Theo Giáo sư Lê, cách giải thích như của Bộ chẳng thuyết phục được ai! Một ít kiến thức môn Lịch sử được cắt nhỏ và lồng ghép vào môn học khác thì còn đâu môn Lịch sử với tính hệ thống và yêu cầu giáo dục kỹ năng, giáo dục năng lực và phẩm chất của môn khoa học này. Môn Lịch sử là một môn khoa học nền tảng của khoa học xã hội, giữ vai trò nền tảng trong việc giáo dục phẩm chất và bản lĩnh công dân. Vì vậy, hầu hết các nước trên thế giới đều coi môn Lịch sử là môn học cơ bản và bắt buộc trong suốt quá trình giáo dục phổ thông, Trong cuộc hội thảo sáng 15/11, hàng loạt giáo sư sử học đã phân tích và dùng thống kê từ nhiều nước phản bác lại ý tưởng “tích hợp” đó vì không ở đâu trên thế giới người ta lại ráp những kiểu môn học như vậy! Gần chúng ta như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc và Singapore, người ta xem lịch sử là môn học độc lập và bắt buộc. Vị trí môn Sử cũng được hết sức xem trọng ở những quốc gia tiên tiến ở châu Âu và Bắc Mỹ, ví dụ muốn vào quốc tịch Canada phải biết lịch sử nước họ. Ngoài ra không có trường sư phạm nào cho ra đời những giáo viên dạy những môn “lắp ghép” như thế! Chưa kể việc biên soạn sách giáo khoa hầu như không thể thực hiện được. Các giáo sư đều phản đối việc xóa bỏ môn Lịch sử, kể cả việc cắt xén và lồng ghép tùy tiện vào các môn học khác. Họ đồng ý đổi mới cơ bản và toàn diện môn học này, khắc phục triệt để những yếu kém hiện nay, nêu cao tính khoa học và sức hấp dẫn của môn học này. Bớt số liệu lại mà xoáy sâu vào những bài học, những con người lãnh đạo, những triều đại và nghệ thuật trị dân, giữ nước trong quá khứ.

Nhiều người đã phân tích những hậu quả tai hại khi lớp trẻ lớn lên trở thành công dân không bản sắc, thiếu hiểu biết về cội nguồn, lại tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước mà không hiểu về các thành quả xây dựng và bảo vệ đất nước của tổ tiên, về các giá trị truyền thống đã tạo nên sức sống của dân tộc. Hơn bao giờ hết, trước nguy cơ mà tác giả Friedman từng lo sợ khi một thế hệ trẻ sống trong “thế giới phẳng”, bị “toàn cầu hóa”, chạy theo những chiếc Lexus mà quên mất cành olive cội nguồn của cha ông. (Thomas Friedman - *Chiếc xe Lexus và cây Olive*). Riêng đối với thanh niên ta, trước tình hình nhiều sự kiện lịch sử gắn với lãnh thổ đã và đang bị xuyên tạc có chủ đích xấu, chúng ta lại cần phải đề cao giá trị môn Sử hơn bao giờ hết. Sẽ là sai lầm nghiêm trọng nếu coi nhẹ vai trò môn Lịch sử và nuôi ảo tưởng dùng những môn học khác thay thế môn Lịch sử giải quyết các vấn đề đó. Sử gia Dương Trung Quốc đã thẳng thắn khuyến cáo “Ngành giáo dục đừng biến học sinh thành những người ‘thử nghiệm’ cho những đổi mới không có căn cứ thuyết phục như việc đưa nội dung môn Lịch sử vào tích hợp với môn

Công dân với Tổ quốc”. Nhưng nếu ý tưởng trên được duyệt và thực hiện, thấy tin chắc rằng đó là một tai họa cho đất nước! Bởi lẽ sẽ có một môn học “quái thai” sinh ra từ loại tư duy hẹp hòi, thiếu tầm nhìn trừ phi những người đưa ra cố ý thực hiện ý đồ làm thui chột “tinh thần yêu nước”, lòng tự hào dân tộc của giới trẻ sau này vì động cơ mờ ám nào đó. Có lẽ thấy già rồi nên đâm ra đa nghi quá phải không em? Thấy nói điều đó là vì hiện nay kiến thức về sử học đã phai nhạt quá nhiều trong tâm thức tuổi trẻ khi có người còn mù mờ không biết Hoàng Sa ở đâu, hay gần đây những người có địa vị, chịu trách nhiệm làm phim lịch sử về nhà Lý mà còn cho diễn viên mặc áo Vua sư tử của Walt Disney mà! Trên các phương tiện thông tin, facebook... người ta tập trung khai thác những chủ đề “lớn” như cô ca sĩ nọ ngoại tình và ông chồng đại gia kia cũng chẳng thiếu những mối tình vụng trộm... Không ai băn khoăn có kẻ bên kia trời to mồm tuyên bố đảo nọ hòn kia trên đất nước Việt Nam là do tổ tiên người Hoa để lại. Người ta không băn khoăn nợ xấu ngân hàng chưa giảm bao nhiêu, nợ công thì ngày một nặng nề, ngân khố thì cạn kiệt... Có ai vui không khi cả nước lao xao vì những chuyện tào lao? Nếu có, thì chúng ta đang rơi vào cái bẫy của truyền thông rồi đó!

Câu nói “Dân ta phải biết sử ta” (Hồ Chủ tịch) là một mệnh lệnh thời đại... Bằng không, những điều chúng ta bàn, hay những đề xuất của những bậc thức giả trên bị bác bỏ, mọi thứ “tích hợp” sẽ trở thành phù phiếm và vô nghĩa khi chúng ta đào tạo những kẻ vong bản ngay trên quê hương của mình. Một khi môn Sử biến mất khỏi chương trình giáo dục, cũng là lúc chúng ta gõ tiếng chuông cáo chung cho tinh tự dân tộc của thế hệ trẻ khi họ lìa xa dòng chảy của quê hương mà điểm kết nối chỉ có thể là lịch sử. Một dân tộc không lịch sử sẽ đối diện hiểm họa mất nước! Một dân tộc muốn phát triển và trường tồn phải được “nối vòng tay lớn” bằng những con người biết làm chủ vận mệnh của mình, biết rõ cội nguồn và hoàn cảnh hun đúc nên tâm hồn và hình hài mình, hiểu sinh mệnh cá nhân cũng là sinh mệnh dân tộc. Có thể nói rằng học lịch sử và xây dựng thiết chế văn hóa là những rường cột cho sự trường tồn của dân tộc, tạo nên nội lực để vượt qua mọi thách thức; mất ý thức lịch sử và bản sắc văn hóa là nguy cơ suy yếu và diệt vong.

Thấy nguyên cầu sự sáng suốt trở lại trong lương tri những người vạch ra chiến lược, kể cả trong kinh tế và nhất là giáo dục. Mong rằng họ sẽ nhìn ra đâu là con đường phải đi ngày mai và ai là kẻ có thể ngăn cản chúng ta trên con đường ấy. Chỉ có thể là chính chúng ta mà thôi!

Chúc em một ngày Nhà giáo thật vui bên học trò với hoa và nắng. Hãy thấp sáng chút hạnh phúc cuối đời của nghề sư phạm, em nhé!

Thấy, ■

Đạo đức là một giá trị của văn minh

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Đạo đức là một cách sống mà chúng ta thấy hàng ngày. Vứt bao bì gói đồ xuống đường, khắc nhổ bậy bạ, ném vỏ lon nước xuống sông... không chỉ vi phạm pháp luật ở một số nước tiến tiến mà còn là một thái độ kém đạo đức. Không chạy xe phun khói quá nhiều, không bóp còi khi không cần thiết, không lấn đường, không chạy ẩu... không chỉ là tuân thủ luật lệ giao thông mà còn là một hành vi đạo đức. Và có phải những tai nạn, những tệ nạn làm hao phí tiền của rất nhiều của xã hội, làm giảm bớt đà phát triển kinh tế, phần lớn đều từ thái độ không có đạo đức?

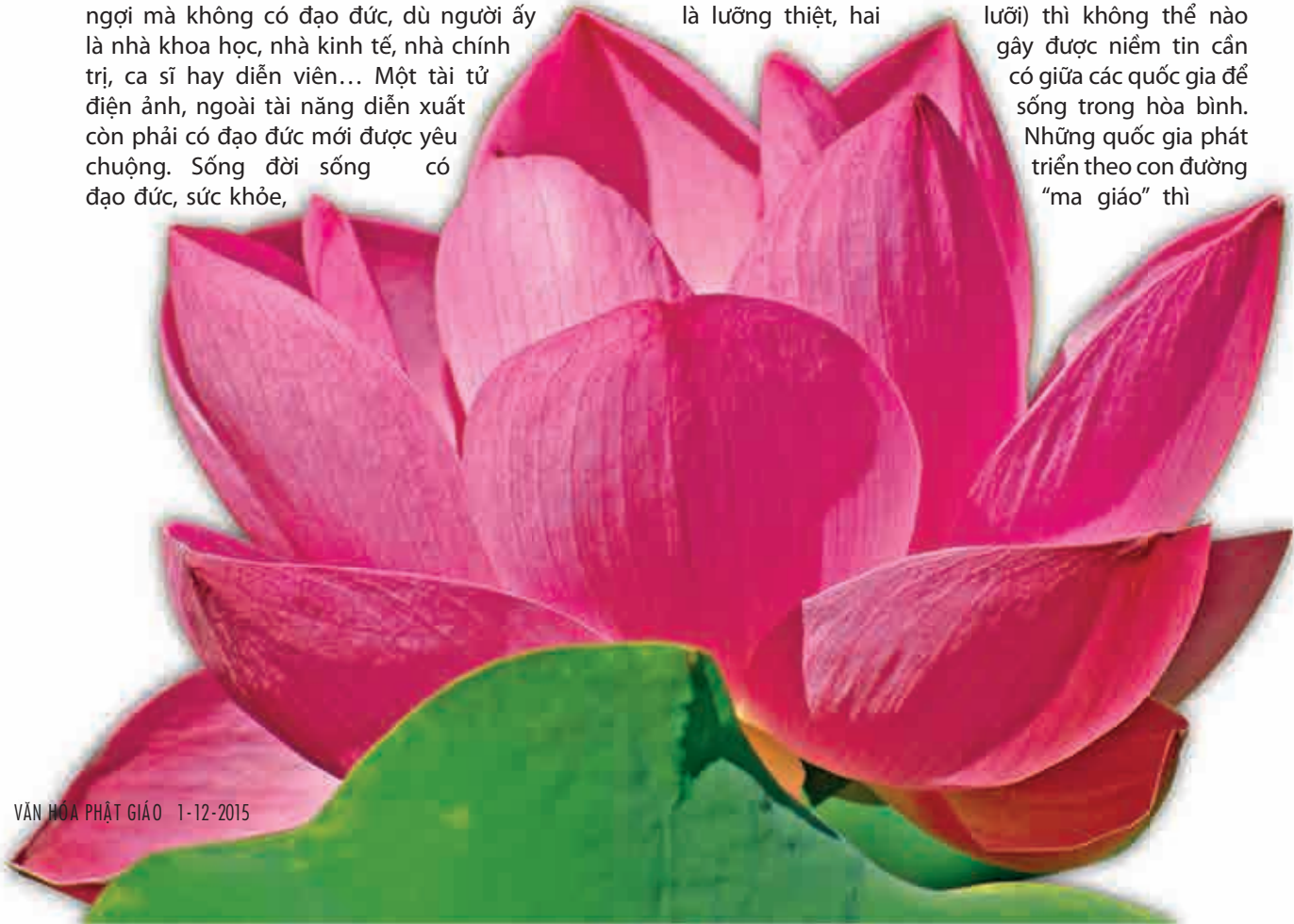
Trong tất cả các mặt của xã hội và của con người, luôn luôn có đạo đức. Cho nên đạo đức là một yếu tố tạo thành con người và xã hội tiến bộ; và chính trong việc đánh giá một con người, một xã hội, đạo đức là không thể thiếu.

Có người nào nổi tiếng, được xã hội khen ngợi mà không có đạo đức, dù người ấy là nhà khoa học, nhà kinh tế, nhà chính trị, ca sĩ hay diễn viên... Một tài tử điện ảnh, ngoài tài năng diễn xuất còn phải có đạo đức mới được yêu chuộng. Sống đời sống có đạo đức, sức khỏe,

sắc đẹp, tài năng mới giữ được lâu bền; những cặp vợ chồng tài tử sống với nhau trọn đời thì được lắm hơn. Bởi vì điện ảnh là gì nếu không để phần lớn minh họa, tuyên dương cái anh hùng, nghĩa hiệp, ngay thẳng, trung thực, hy sinh... là những đức tính tốt đẹp của con người. Làm phim như thế nào tùy đạo diễn, nhưng bộ phim nào cuối cùng cái thiện cũng chiến thắng cái ác, cái tốt phải hơn cái xấu, lẽ phải phải chiến thắng đối trá. Có phải điện ảnh muốn tồn tại phải thỏa mãn cái nhu cầu khát khao Chân Thiện Mỹ của con người?

Một nhà thơ, nhà văn mà lấy ý tưởng và bút pháp của một nhà thơ nhà văn khác thì xã hội sẽ cho là "đạo thơ, đạo văn" và người ấy sẽ mất uy tín, có khi mất cả sự nghiệp. Chúng ta nhớ chữ đạo (trộm) này là một trong năm giới căn bản của cư sĩ Phật giáo, sát, đạo, tà dâm, vọng ngữ, say rượu. Một lãnh đạo quốc gia mà đi chỗ này nói khác, qua chỗ kia nói khác (mà Phật giáo gọi là lưỡng thiệt, hai

lưỡi) thì không thể nào gây được niềm tin cần có giữa các quốc gia để sống trong hòa bình. Những quốc gia phát triển theo con đường "ma giáo" thì



người ta có thể sợ, nhưng ít ai phục và bắt chước theo.

Bởi thế đời thường hay nói tài-đức, dùng để định danh một người hay một quốc gia. Tài năng phải đi đôi với đạo đức mới được gọi là người hoặc xã hội hoàn hảo.

Gắn nhất với mỗi người chúng ta là luật pháp. Luật pháp là sự thể hiện của đạo đức trong đời sống hàng ngày. Luật pháp bắt người ta phải tự kiểm soát mình để được đúng hơn, hiền thiện hơn và đẹp đẽ, sạch sẽ hơn. Luật pháp là sự ép buộc con người phải đạo đức để tiến bộ trên con đường thành người hoàn hảo. Còn nếu ai xâm phạm luật pháp một cách nghiêm trọng, làm thiệt hại cho người khác và xã hội thì phải bị trừng phạt. Sự trừng phạt của luật pháp cũng mang ý nghĩa đạo đức, đó là giữ gìn sự công bằng cho tất cả mọi người.

Đạo đức ảnh hưởng trực tiếp đến quan niệm về kinh tế và nền kinh tế. Trong cuốn sách *Chủ nghĩa Tư bản và Đạo đức Tin lành* viết vào đầu thế kỷ XX, Max Weber, một trong hai nhà sáng lập ra Xã hội học hiện đại, đã cho thấy đạo đức ảnh hưởng lên kinh tế thế nào.

Các nhà nghiên cứu đã tìm ra nguyên nhân tại sao những nước tương đương với nhau về địa lý, diện tích, dân số, tài nguyên... lại có sự giàu mạnh cao thấp khác nhau. Sự khác biệt trong phát triển tùy thuộc nhiều vào thể chế. Thể chế là một cách tổ chức hợp lý dựa trên cơ sở vật chất được hướng đến một lý tưởng nào đó về con người và xã hội. Thực hiện đúng đắn thể chế ấy và điều chỉnh, sửa chữa, hoàn thiện nó hợp với sự vận động của thời đại, đòi hỏi những nhà lãnh đạo và dân chúng biết nghĩ đến đất nước hơn là nghĩ đến mình.

Chúng ta thấy những nước Hàn Quốc, Nhật Bản phát triển mạnh nhờ một nền tảng văn hóa của dân tộc họ; trong nền tảng văn hóa ấy dĩ nhiên có đạo đức. Nhật Bản thì có Thần đạo, Phật giáo và Khổng giáo; Hàn Quốc là Phật giáo, Khổng giáo. Cả hai đều đặt nền trên văn hóa truyền thống cộng với khoa học kỹ thuật phương Tây. Có thể các nước phát triển nhất chưa nể phục lắm khoa học kỹ thuật của người Nhật, mặc dù họ chiếm nhiều giải Nobel khoa học nhất trong các nước ngoài Âu Mỹ, nhưng ai cũng nể phục những đức tính của người Nhật, được biểu lộ rõ ràng trong thiên tai động đất sóng thần năm 2011 ở Nhật.

Đạo đức tạo ra giá trị kinh tế, xã hội và văn hóa. Nhật và Hàn đã tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần cho quốc gia họ chính là nhờ những đức tính đặc biệt của dân tộc họ.

Những nhà lãnh đạo chính trị xưa cũng như nay luôn luôn nhấn mạnh về đạo đức. Vua Trần Nhân Tông đã đi khắp xóm làng để giảng về Mười Điều Thiện, hễ vua ý thức rõ ràng sự giàu mạnh của một quốc gia phải đặt nền trên cơ sở đạo đức. Trong thời quá khứ, một triều đại suy vong vì nguồn lực đạo đức đã hết, ý chí hướng về Chân Thiện Mỹ đã phai nhạt. Ngày nay cũng thế, một tổng thống hay thủ tướng sẽ từ chức nếu mắc phải lỗi lầm về đạo đức.

Đạo đức là một nền tảng không thể thiếu của văn hóa, thấm nhuần toàn bộ một nền văn hóa. Chúng ta thấy không có một nền văn hóa nào và những bộ phận của nó, triết học, văn chương, kịch nghệ, điện ảnh, âm nhạc... lại đi ca tụng cái xấu ác, cái bất lương, cái giả dối, cái dã man. Nói chung, hướng tiến hóa của con người là hướng đến Chân Thiện Mỹ cho con người và thế giới. Hướng đến Chân Thiện Mỹ, tự thân điều đó đã là đạo đức. Không con người nào, không quốc gia nào hướng đến sự không thật, không tốt, không đẹp.

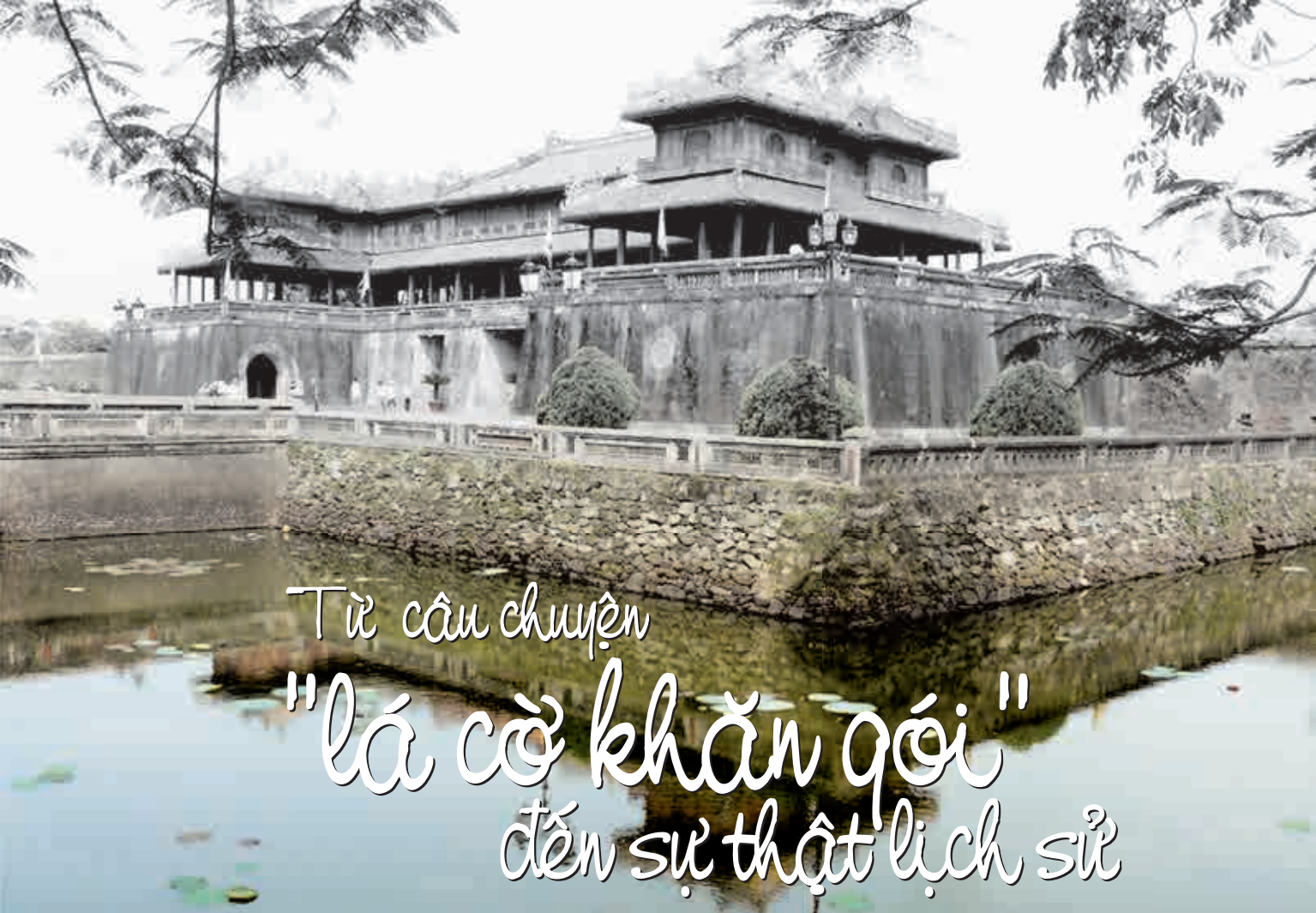
Nếu đạo đức là hướng đến Chân Thiện Mỹ thì đạo đức vốn nằm sẵn, tiềm ẩn trong sự tiến hóa, trong thân tâm mỗi con người. Trong sâu thẳm của tâm hồn con người, người ta luôn luôn quý trọng, thậm chí tôn sùng, những người đạo đức, dù có người không phải là tu sĩ của một tôn giáo nào. Trong thời hiện đại, đó là Mahatma Gandhi, Mẹ Thérésa ở Ấn Độ, Đại-lai Lạt-ma, Nelson Mandela...



Đạo đức là một khuynh hướng nằm sẵn tiềm ẩn nơi con người. Ở kinh Dịch nói là “tiên thiên”, Platon gọi là “ý niệm”, Kant nói là “tiên nghiệm”, Carl Jung nói là “nguyên mẫu” (archetype)... Có phải vì vậy mà Phật giáo nói rằng “tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”.

Aristote nói, “Con người là một sinh vật chính trị”. Ngày nay chúng ta có thể nói, con người là một sinh vật kinh tế. Nhưng con người chính trị, con người kinh tế chỉ hiện hữu từng lúc, từng hoàn cảnh. Còn con người đạo đức thì luôn luôn hiện diện, kể cả lúc cô đơn một mình. “Người quân tử cẩn thận trọng trong lúc ở một mình” (sách *Đại Học*). Con người đạo đức luôn luôn hiện diện, khi ở một mình, trong gia đình, ngoài xã hội, trong mọi lúc, mọi nơi.

Bởi thế, với Phật giáo, một con người toàn hảo thì khi nói, khi im, quay đầu, giơ chân, đưa tay... đều là đạo đức. ■



Từ câu chuyện "lá cờ khăn gói" đến sự thật lịch sử

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Câu chuyện cụ Phan Thanh Giản (1796-1867) đi sứ sang Pháp đã lấy cái khăn bọc gói đồ để làm lá cờ Tổ quốc không biết xuất phát từ đâu mà đã được truyền miệng khá rộng rãi. Cách đây gần chục năm, trên tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay* số 448, số đặc biệt Xuân Quý Mùi (2003), câu chuyện ấy đã chính thức xuất hiện dưới hình thức một tư liệu lịch sử (!) trong một bài viết của tác giả NĐX có nhan đề là "*Chuyện dọc đường sứ đoàn Phan Thanh Giản sang Pháp cách đây 140 năm (1863-2003)*"; ở phần thứ ba của bài viết với tiểu tựa "*Lá cờ khăn gói*", câu chuyện được thuật lại khá sinh động.

Trước khi có ý kiến về nội dung của bài viết ấy, chúng tôi xin được trích lại nguyên văn nội dung của phần đã nêu, vì bài này đã được đăng khá lâu nên có thể nhiều bạn đọc đã quên đi nội dung của nó. Về phần cá nhân, trong khoảng thời gian dài, chúng tôi đã truy tìm khá nhiều tài liệu, cũng như hỏi ở nhiều nhà nghiên cứu lịch sử, mục đích để xem xét nguồn gốc cũng như mức độ chính xác của câu chuyện, nhưng tuyệt nhiên chẳng có một tài liệu nào ghi chép về nội dung của câu chuyện này cả! Nguyên văn bài báo đó như sau:

"Lá cờ khăn gói"

Vào trung tuần tháng 8.1863. Tàu đưa sứ đoàn sắp vào kênh Suez, viên quan Tây Aubaret đến trao đổi với sứ đoàn:

"Theo tập quán quốc tế, khi tàu của một sứ thần ngoại quốc đến một hải cảng nào thì ở đó phải bắn 19 phát súng lệnh để chào mừng và tàu của sứ thần phải thượng quốc kỳ của mình lên để đáp lễ. Vậy xin cụ cho thượng quốc kỳ Đại Nam lên vì tàu sắp vào kênh Suez".

Cho đến năm 1863, nước Đại Nam chưa có quốc kỳ. Lá cờ đuôi nheo theo rồng là kỳ hiệu của nhà vua, sứ đoàn không được phép dùng. Cụ Phan mới họp sứ đoàn để bàn. Nhưng các cụ Thám hoa, Tiến sĩ nổi tiếng mưu lược thế mà chẳng có một ai nghĩ được một mưu chước gì để cấp tốc chế ra một lá cờ cho sứ đoàn. Thật nan giải. Bất ngờ một người theo hầu cụ Phan tên là Lương Doãn lên tiếng:

"Bẩm các cụ, nước ta không có quốc kỳ, mà việc này thì lại quá cấp bách. Con thấy chiếc khăn gói của cụ Chánh bằng lụa Kiều cầu còn mới tinh, màu đỏ tươi rất đẹp. Con đề nghị các cụ tạm dùng cái khăn gói làm cờ, sau này về nước tàu lên Hoàng đế ngự tường".

Sáng kiến của Lương Doãn hay quá, các cụ chấp thuận ngay. Lá cờ khăn gói màu đỏ nhanh chóng được treo lên cột cờ tàu European. Không ngờ chỉ một lát sau, Aubaret lại đến báo:

Lá cờ đỏ của sứ đoàn không dùng được vì nó giống với lá cờ của nước Ai Cập (màu đỏ ở giữa có chữ thập và ngôi sao trắng), sợ nước Ai Cập hiểu lầm.

Các cụ lại họp bàn. Sau một hồi trao đổi, để phân biệt với

cờ nước Ai Cập, các cụ quyết định thêu lên lá cờ đỏ 4 chữ “Đại Nam Khâm Sứ” màu vàng. Các tay thợ thêu có mặt trong đoàn khấn trương thực hiện quyết định của các cụ. Khi tàu European vào kênh Suez, nghe 19 phát súng lớn nổ chào mừng, lá “quốc kỳ” màu đỏ thêu bốn chữ Đại Nam Khâm sứ được kéo lên hạ xuống nhiều lần để đáp lễ. Rất tuyệt!

Nhưng lá “quốc kỳ” ấy không giống ai nên sau khi sứ đoàn về, vua Tự Đức giải tán sứ đoàn, lá “quốc kỳ” khăn gói chỉ còn lưu lại trong nhật ký của sứ đoàn mà thôi...” (KTNN, số 448, tr.23).

Để kiểm tra mức độ chính xác của sự việc trên, chúng ta cần xem xét từ các nguồn tư liệu khác nhau như của triều đình nhà Nguyễn; các tài liệu lịch sử của người Pháp đã viết về chuyến đi đó, và quan trọng nhất là nội dung cuốn nhật ký của cụ Phạm Phú Thứ để xem thử có (khả năng) xảy ra câu chuyện trên hay không như tác giả bài báo đã viết.

Trong tất cả sách của Quốc sử quán triều Nguyễn như *Đại Nam thực lục*, *Quốc triều chánh biên toát yếu*... cũng như trong cuốn “*Tây hành nhật ký*” của cụ Phạm Phú Thứ (đã được dịch là *Nhật ký đi Tây* và được nhà xuất bản Đà Nẵng ấn hành năm 1999), đều không hề thấy ghi chép gì về câu chuyện “*Lá cờ khăn gói*” cả. Các sử thần nhà Nguyễn chỉ chép rằng triều đình coi đây là một cuộc đi sứ có nhiệm vụ rất quan trọng và khó khăn; vì thế đã chọn người có nhiều khả năng như Hiệp tá Đại học sĩ Phan Thanh Giản; Tả Tham tri Bộ Lại Phạm Phú Thứ. Ngay cả trường hợp Án sát Quảng Nam Ngụy Khắc Đản lấy cơ còn có mẹ già cần chăm sóc để thoái thác, nhưng không được vua Tự Đức chấp nhận.

Có người cho rằng sứ nhà Nguyễn sẽ không bao giờ công bố điều đó vì sợ “mất thể diện”! Nhưng khi tra tìm trong các tài liệu người Pháp đã viết và công bố về chuyến đi này, cũng chẳng có một dòng nào đề cập đến điều đó. Nếu điều này là có thật, thì đây là một cơ hội để người Pháp tỏ thái độ “kẻ cả” đối với triều đình nhà Nguyễn chứ sao họ lại không công bố ra?

Đề cập đến chuyến đi này, trong tạp chí BAVH (Bulletin Des Amis Du Vieux Hue 1926) và trong cuốn *Abrégé de l'histoire d'Annam* của Alfred Schreiner xuất bản năm 1906, có đoạn tường thuật như sau:

“Tàu European rời bến Sài Gòn ngày 17-7 năm 1863, cập bến kênh Suez ngày 17-8. Từ cảng Alexandrie (Ai Cập), đoàn sứ đổi sang tàu Labrador để tiếp tục lộ trình và tới bến tàu Toulon (Pháp) vào ngày 10-9-1863; tại đây, đoàn được đón tiếp bằng 17 phát súng đại bác. Tất cả tàu Hải quân của Pháp đang đậu tại bến này đều được lệnh kéo cờ màu vàng vì màu vàng biểu hiện hoàng tộc nước Đại Nam...; tại đây, tàu Ville de Paris của Hải quân Pháp đã chào mừng đoàn sứ bằng một màn thao diễn quân sự, súng nổ vang rền...” (Theo BAVH 1-3/1926 tr 73-74 và *Abrégé*... Sđd, tr.262).

Trong *Nhật ký đi Tây*, (Nxb Đà Nẵng, 1999) cụ Phạm Phú Thứ (1821-1882) đã ghi chép cụ thể như sau:

“Ngày mồng 5... lãnh sự ở Xu-ết là Ết-vi-gia và Phó lãnh sự đi thuyền lửa nhỏ đến mời chúng tôi lên bộ. Các quan viên trên thuyền cho binh lính đứng sắp hàng ở chân cột buồm to hồ lớn lời chúc năm lần. Ở cột buồm giữa của thuyền, treo cờ Khâm sứ. Đầu tiên, lúc sắp đến cửa này, Lý A Nhi nói từ thành này đến phương Tây, nghe sứ bộ đi ngang qua, người ta đều bắn đại bác để chào đón, nên cần có lá cờ của sứ bộ để gặp dịp đó thì treo lên; chúng tôi nói chỉ hiện đem theo lá cờ của nước ta. Lý A Nhi lấy xem rồi bảo các cờ hiệu của nước Y-điệp (tức cờ Thổ Nhĩ Kỳ- vì Ai Cập bấy giờ là thuộc địa của Thổ Nhĩ Kỳ) cũng nhuộm màu này, sợ không phân biệt được, nên yêu cầu thêm chữ nước ta vào; sau khi bàn bạc, chúng tôi lấy lụa đỏ cắt làm bốn chữ *Đại Nam Khâm sứ* đính ở hai mặt cờ. Đầu thuyền, treo cờ hiệu của nước Y-điệp...” (Nhật ký... sđd, tr.90).

Qua các đoạn trích dẫn đó, ta thấy tàu chở đoàn sứ của Phan Thanh Giản đã cập bến kênh Suez vào ngày 17-8-1863, và từ cảng Alexandrie (Ai Cập) đổi sang tàu Labrador để tiếp tục lộ trình; tại đây đoàn được đón tiếp bằng 17 phát súng đại bác. Tàu của sứ đoàn lúc đó treo cờ vàng của triều đình đã được mang theo sẵn, có thêu thêm chữ *Đại Nam Khâm sứ*. Và khi đến hải cảng của Pháp, phái đoàn được các tàu Hải quân Pháp chào đón bằng cách treo cờ vàng của Hoàng gia.

(Gần đây, theo một vài thông tin trên mạng internet nói về lịch sử lá quốc kỳ, có nguồn tin cho rằng, trước khi cử đoàn sứ sang Pháp, vua Tự Đức đã chuẩn y và cho đoàn một lá cờ chính thức để mang theo. Cờ có màu vàng, ở giữa có một khoảng màu đỏ. Màu vàng được giải thích là màu của đất đai và cũng là màu tượng trưng cho vương triều Nguyễn; còn khoảng ngang màu đỏ ở giữa tượng trưng cho con Rồng, thủy tổ của dân tộc Việt Nam. Thông tin này cũng cung cấp thêm là Hoàng đế Napoleon III đã thừa nhận lá cờ đỏ và coi như quốc kỳ chính thức của nước Đại Nam).

* * *

Ai cũng biết dưới chế độ quân chủ phong kiến, nước ta không có quốc kỳ chính thức, nhưng trước khi bị thực dân kéo quân sang xâm lược, nước Đại Nam vẫn là một nước độc lập có chủ quyền. Phái đoàn đi sứ sang Pháp do cụ Phan Thanh Giản dẫn đầu lúc đó, dù có hay không có quốc kỳ, vẫn được coi như là đại diện chính thức cho triều đình Huế và nước Đại Nam. Đến Pháp, sứ đoàn đã được chào đón bằng hình thức kéo cờ vàng của triều đình. Sứ đoàn đã được Hoàng đế Pháp tiếp kiến theo hàng quốc khách. Vì thế câu chuyện các cụ Tiến sĩ Phan Thanh Giản, Tiến sĩ Phạm Phú Thứ... vì không có cờ, nên phải nghe theo lời của một anh hầu cận lấy một cái khăn gói để làm lá cờ Tổ quốc là hoàn toàn vô căn cứ. Nó chỉ được coi là một “giai thoại vui” chứ không phải là tư liệu lịch sử... ■



Nguồn: vtc.vn

Chùa Thượng Ngàn

LÊ HẢI ĐĂNG

Trên đỉnh Bà Nà ở độ cao 1.487m so với mực nước biển, ngự trị một ngôi miếu nhỏ vẫn quen gọi là Miếu Bà. Điện chính được dựng trên một khoảng đất trống nằm cheo leo bên vách núi, phía trên có một lầu gác làm bằng gỗ treo chiếc chuông đồng lớn mà du khách có thể tự ý đứng đưa cây dùi tạo nên âm thanh ngân nga, linh diệu giữa cõi u tịch. Đứng trên Miếu Bà nhìn ra, bốn bên xung quanh là một màu xanh bất tận. Giữa rừng núi bạt ngàn, mây mù che phủ, khung cảnh nơi đây thực giống như Tiên cảnh. Thời gian trên đỉnh Bà Nà diễn ra chóng vánh, một ngày đi suốt bốn mùa quanh năm, du khách có thể tận hưởng được khoảnh khắc chuyển mùa, thay đổi khí tượng bằng cuộc hành trình của mây trời diệu vợi. Buổi trưa thời gian ngắn nhất, khí tiết nhanh chóng chuyển từ hạ sang thu với mây bay bâng lảng vờn quanh sườn núi, phía xa dưới chân núi, quang cảnh mờ dần và biến mất sau những áng mây ngang đầu.

Kiến trúc của Miếu Bà hết như trong cổ tích. Theo truyền thuyết, Bà Nà chính là tên viết tắt của Bà Ponagar hay Thiên Y A Na Thánh Mẫu của người Chăm.

Điều này hiển nhiên xuất phát từ một đức tin có sức mạnh huyền bí nhấn sâu hình ảnh Bà Mẹ tâm linh chìm khuất vào miền huyền tưởng xa xôi. Hiện diện giữa cõi Bồng Lai của Bà Nà Hills, luôn có hình ảnh Người Mẹ.

Nói đến xứ Quảng, chúng ta không thể không nhắc tới lớp trầm tích văn hóa người Chăm. Lội ngược dòng lịch sử trở về văn hóa cộng đồng này, đất Quảng Nam nằm trọn vẹn trên dải đất văn hóa mẫu hệ của người Chăm xưa kia. Tuy trầm tích văn hóa ấy không còn phủ dày trên bề mặt cuộc sống, song xuất phát từ hệ lụy lịch sử, văn hóa Chăm vẫn kết nối với xã hội đương đại bằng những hình ảnh khúc xạ qua tín ngưỡng nữ thần. Hình ảnh Người mẹ xứ sở hẳn đã phóng chiếu qua bề mặt văn hóa tác động trực tiếp lên khuynh hướng lựa chọn. Bởi vậy, tín ngưỡng nữ thần, hình ảnh người Mẹ mới tỏa bóng lung linh, đi suốt chiều dài lịch sử.

Tín ngưỡng thờ Bà mẹ xứ sở Thiên Y A Na đã tồn tại lâu đời, hình thành nền văn hóa tâm linh của cộng đồng Chăm. Tín ngưỡng ấy có sức ảnh hưởng, cộng hưởng mạnh mẽ trên vùng đất rộng lớn, tuy yếu dần về phía Bắc, nhưng lại mạnh lên về phía Nam; thậm chí ảnh hưởng đến cách thức tập kết thần linh, tín ngưỡng

nữ thần ở khu vực đồng bằng Nam Bộ. Từ quê hương của Bà, khu vực Trung Bộ từ Quảng Nam vào đến Nha Trang, Khánh Hòa, hình ảnh Bà mẹ xứ sở bao trùm lên cõi sơn hà nguy nga. Vào đến Nam Bộ, Bà hóa thân thành Bà Chúa Ngọc phối tự cùng Bà Chúa Tiên, Bà Chúa Xứ, Bà Thượng Động Cổ Hỷ, Bà Thiên Hậu, Bà Kim Huê, Bà Mẹ Sanh, Bà Linh Sơn Thánh Mẫu, Bà Quan Thế Âm, Bà Kim Đức Thánh Phi, Mộc Đức Thánh Phi, Thủy Đức Thánh Phi, Hỏa Đức Thánh Phi, Thổ Đức Thánh Phi, cô Hồng, cô Hạnh... tạo thành quần thể nữ thần bảo hộ cộng đồng.

Đó là lý do giải thích tại sao, nhiều cơ sở tín ngưỡng mới hình thành ở Quảng Nam - Đà Nẵng lại ngẫu nhiên tập trung những vị nữ thần đóng vai trò trung tâm chi phối đời sống tâm linh, như Miếu Bà trên đỉnh Bà Nà, Phật Bà Quan Thế Âm trên chùa Linh Ứng 3. Thành phố Đà Nẵng như một đô thị kẹp giữa rừng núi và biển cả mà góc nhìn từ hai đối tượng thờ tự trên đều hướng ra rừng và biển. Đứng trên chùa Linh Ứng 3 với cảnh nước non hùng vĩ, thiên nhiên tươi đẹp, ngôi chùa có thể lưng dựa núi, mặt hướng ra biển như thể núp dưới bóng Mẹ hiền Quan Thế Âm. Còn trên Miếu Bà ở Bà Nà, tượng chúa Thượng Ngàn uy nghi, lẫm lừng đặt trên đỉnh chót vót nhìn ra núi rừng bao la. Hình ảnh vị chúa tể rừng xanh, người Mẹ rừng, nữ thần tâm linh... cứ ẩn hiện suốt một vùng rộng lớn. Thành phố Đà Nẵng giống như một đô thị hiện thân của quan niệm Tứ phủ - thứ tín ngưỡng truyền đời của cư dân người Việt nằm lọt giữa Đất - Trời - Rừng - Nước.

Cách tập kết thần linh ở chùa Linh Ứng 3 để gây tranh cãi khi đặt uy linh của nữ thần lẫn át nam thần. Như miếu Bà có tượng Chúa Thượng Ngàn trên tòa cao nhất; ở chùa Linh Ứng 3, tượng Quan Thế Âm Bồ-tát cao ngất trông ra cõi xa xăm của Biển Đông. Trong ngôn ngữ của người Việt, dường như từ “ngàn” với nghĩa là “rừng”, như “trăng ngàn” chỉ trăng treo trên dãy núi rừng già... đã ra đời xác lập ý nghĩa nguyên thủy trước khi tích hợp văn hóa Hán sản sinh ra cơ số đếm! Trở về cách tổ chức sắp xếp điện thờ theo hướng tái cơ cấu hệ thống thần linh ở những cơ sở tín ngưỡng mới, có thể thấy nhân duyên và hệ lụy lịch sử liên kết với nhau qua các lớp văn hóa nối tiếp.

Chúa Thượng Ngàn vốn là hiện thân của lớp văn

hóa đồng rừng, một nền văn hóa nguyên thủy, sơ khai nhất của loài người. Nhìn từ góc độ hình thái kinh tế, văn hóa nguyên thủy hình thành trên cơ tầng của phương thức chiếm đoạt: săn bắt hái lượm, ý lại, dựa dẫm tuyệt đối vào thiên nhiên (tài nguyên rừng). Rừng đóng vai trò cung cấp tài nguyên cho cư dân trong quá trình phát triển. Cũng như con người thuở nhỏ, từ bào thai lớn lên đã tự gắn kết với Mẹ thành một thực thể thống nhất, sau khi tách rời khỏi bào thai, cắt lìa khỏi Mẹ, đứa bé chấp chững trưởng thành với chiều tương tác mở rộng theo hướng xã hội. Trong văn hóa, người ta gọi đó là quá trình xã hội hóa. Từ đấy, bước chân con đi xa dần, thoát khỏi bóng dáng mẹ hiền chở che, bao bọc; nhưng, cũng kể từ đó, số phận cho ta một cội nguồn bắt đầu từ Mẹ. Sau buổi “đồng dao”, con người từng bước ra đi, có khi quay ngoắt lại với Mẹ, với rừng cội nguồn. Chúng ta biết, mặc dù lịch sử loài người đã bước sang những trang văn minh, huy hoàng thể hiện khả năng độc lập, tự chủ, có thể khước từ mọi đặc ân từ thiên nhiên, rừng; nhưng, còn đó một người

mẹ tâm linh, nhắc nhở về cội nguồn, người Mẹ đặt trên tột đỉnh linh thiêng của người Việt xưa, đó là Chúa Thượng Ngàn. Trong tín ngưỡng Tứ phủ, tuy đứng Thượng Thiên ngự trên tòa cao nhất, nhưng uy linh của Thượng Ngàn mới thực sự thể hiện dưới góc độ thực quyền. Bởi vậy, chúng ta có thể xem xét văn hóa bản địa từ góc nhìn của Rừng. Từ góc nhìn ấy, rừng xuyên suốt tiến trình văn hóa tâm linh người Việt và ẩn sâu nơi non ngàn vẫn kết nối với cuộc sống hôm nay.

Ngày nay, rừng có nguy cơ khánh kiệt, bị chặt phá vì nhiều mục đích khác nhau; như để xây dựng thủy điện hay chỉ đơn giản là khai thác lâm sản... thì cũng đều do tư

lợi. Tận diệt, triệt tiêu rừng thì hậu quả nhân tiền đặt ra cho con người những đe dọa đến từ miền đồng rừng. Rừng còn đất nước sẽ yên và rừng mất thì nguy cơ đem đến từ biến đổi khí hậu, lũ lụt, lở đất, bão tố triển miên khó thể giải quyết bằng biện pháp cơ học. Rừng chưa hội tụ điều kiện trở thành văn hóa, nhưng đứng ở góc độ tâm linh, nó chính là điểm tựa để hình thành một thái độ ứng xử nhắc nhở về cội nguồn. Lịch sử giống như dòng thời gian chảy qua các sự kiện; và ở nơi đầu nguồn, có một người Mẹ đứng đó tỏa bóng uy nghi trên bến đợi ngàn năm. ■





Phẫn nộ tự hại mình

THIÊN CHƯƠNG

Phẫn nộ (*kodha*) là sự phản ứng tâm thức phát sanh khi những gì mình yêu quý bị tước đoạt hoặc khi phải thường xuyên đối diện với hoàn cảnh hay đối tượng mà mình không ưa thích. Đó là một dạng tâm lý không hài lòng, ấm ức, bất mãn, giận dữ, bức phiền, được tích tập lâu ngày thành ra căng thẳng cứ chực tuôn trào ra bên ngoài. Kinh *Vô uế* cho biết phẫn nộ là một cấu uế nội tâm phát sanh do không thỏa mãn các ác dục vọng hay do ước muốn bất chánh vị kỷ không được đáp ứng¹. Đó là sự bùng vỡ của tâm sân hận bức phiền đưa đến nhiều hệ lụy khổ đau cho con người và cho cuộc đời. Kinh *Pháp Cú* nói rằng người nào ôm ấp lòng uất hận vì người khác thắng mình, mắng mình, đánh mình hay cướp mình thì lửa hận thù sẽ ngày đêm thiêu đốt tâm can người ấy không nguôi².

Do tính chất mê lầm độc hại của nó, những tác hại khó lường của tâm sân hận phẫn nộ đã được kinh Phật nói đến nhiều. Trước hết, đó là một phản ứng mê lầm

của tâm thức đối với thực tại biến động, một biểu hiện cực đoan của tâm ích kỷ hẹp hòi do thiếu hiểu biết về bản chất vô thường, vô ngã của các pháp hay vì si mê. Đạo Phật nói đến hai loại phản ứng cực đoan sai lầm của tâm thức có gốc rễ từ si mê. Thứ nhất là thuận ứng (*anuruddha*) tức loại tâm thức yêu mến, thích thú, hân hoan, thỏa mãn đối với những gì mình thích ý. Thứ hai là nghịch ứng (*pativiruddha*) tức loại tâm tư ghét bỏ, không thích thú, không hài lòng, bất mãn đối với những gì mình không ưng ý. Đức Phật gọi hai trạng thái thuận ứng và nghịch ứng này là cực đoan, vì chúng là các phản ứng mê lầm, sự quay cuồng và vù vù của tâm thức trong thế giới hư huyền, không thấy được bản chất vô thường, biến hoại của các pháp, khiến cho tham-sân-si sanh khởi và chi phối tâm tư con người. Chúng là nguyên nhân của thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, là động cơ của lối sống xấu ác, bất thiện. Cái gì mình yêu mến, thích ý, hài lòng thì mình mong muốn có được nó, khao khát sở hữu nó, thích thú ôm giữ

nó. Đó là điều kiện khiến cho tham (*lobha/kàmaràga*) hay lòng ham muốn mê đắm phát sanh và lớn mạnh. Điều gì mình không yêu mến, không thích ý, không hài lòng thì mình ghét bỏ nó, tỏ lộ bức phiền, muốn xa lánh nó. Đó là lý do khiến cho sân (*dosa/patigha*) hay lòng giận dữ bức phiền sanh khởi và tăng trưởng. Phẫn nộ, sự căng đầy và bùng vỡ của loại tâm thức thứ hai, chính là hệ quả lớn mạnh của tâm sân hận bức phiền. Kinh Trung Bộ kể câu chuyện nữ chủ nhân hiền thực Vedehika mất hết danh thơm, biến thành kẻ ác độc, vì không nén được cơn giận do cô hầu Kali cố ý chọc tức nhiều lần, đã bộc lộ sự phẫn nộ trút lên người hầu gái một then cửa khiến cô này bể đầu³.

Bản kinh *Sân hận* lưu ở *Tăng Chi Bộ* nêu một loạt hệ quả tai hại của tâm sân hận bức phiền, cho thấy người ôm ấp lòng hiểm hận phẫn nộ tự chuốc lấy nhiều phiền lụy khổ não do chất chứa các ý nghĩ và việc làm điên rồ:

"Này các Tỳ-kheo, có bảy pháp này được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phẫn nộ, đàn bà hay đàn ông. Thế nào là bảy?"

Ở đây, này các Tỳ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: 'Mong rằng kẻ này trở thành xấu xí!'. Vì cố sao? Này các Tỳ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có dung sắc. Này các Tỳ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, dầu cho người ấy khéo tắm rửa, khéo chải chuốt, tóc râu khéo sửa soạn, mặc toàn đồ trắng rồi người ấy cũng trở thành xấu xí, vì bị phẫn nộ chinh phục. Này các Tỳ-kheo, đây là pháp thứ nhất, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phẫn nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: 'Mong rằng kẻ này ngủ một cách khổ sở!'. Vì cố sao? Này các Tỳ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình ngủ một cách an lành. Này các Tỳ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, dầu có nằm trên ghế dài, nệm trải bằng len, chăn len trắng, chăn len thêu, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm khảm với lông che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ. Tuy vậy, họ vẫn ngủ một cách khổ sở, vì bị phẫn nộ chinh phục. Này các Tỳ-kheo, đây là pháp thứ hai, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phẫn nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: 'Mong rằng kẻ này không có lợi ích!'. Vì cố sao? Này các Tỳ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được lợi ích. Này các Tỳ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, thâm hoạch bất lợi, lại nghĩ rằng: 'Ta được lợi ích', thâm hoạch điều lợi ích, lại nghĩ rằng: 'Ta không được lợi ích'. Những pháp này được nắm giữ khiến người khác trở thành thù địch, đưa đến không hạnh phúc, đau khổ lâu dài, vì bị phẫn nộ chinh phục.

Này các Tỳ-kheo, đây là pháp thứ ba, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phẫn nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: 'Mong rằng kẻ này không có tài sản!'. Vì cố sao? Này các Tỳ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được tài sản. Này các Tỳ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, những tài sản của họ thâm hoạch do sự phẫn chấn tinh cần, cất chứa do sức mạnh của cánh tay, chôn cất do những giọt mồ hôi, đúng pháp, thâm hoạch hợp pháp. Các tài sản ấy được nhà vua cho chở về ngân khố nhà vua, vì bị phẫn nộ chinh phục. Này các Tỳ-kheo, đây là pháp thứ tư, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phẫn nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: 'Mong rằng kẻ này không có danh tiếng!'. Vì cố sao? Này các Tỳ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được danh tiếng. Này các Tỳ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, nếu có được danh tiếng gì nhờ không phóng dật thâm hoạch được, danh tiếng ấy lánh xa họ, vì bị phẫn nộ chinh phục. Này các Tỳ-kheo, đây là pháp thứ năm, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phẫn nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: 'Mong rằng kẻ này không có bạn bè!'. Vì cố sao? Này các Tỳ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được bạn bè. Này các Tỳ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, nếu người đó có những bạn bè thân hữu, bà con huyết thống gì, họ sẽ xa lánh, từ bỏ người đó, vì người đó bị phẫn nộ chinh phục. Đây là pháp thứ sáu, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phẫn nộ, đàn bà hoặc đàn ông.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: 'Mong rằng kẻ này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh trong cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!'. Vì cố sao? Này các Tỳ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này! Này các Tỳ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, người đó làm ác hạnh với thân, người đó nói lời ác hạnh với lời, người đó nghĩ đến điều ác hạnh với ý, khi thân hoại mạng chung, người đó sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đây là pháp thứ bảy, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch đi đến người phẫn nộ, đàn bà hoặc đàn ông"⁴.

Như vậy, phẫn nộ là nhân tố độc hại gây nên nhiều phiền muộn khổ đau cho đời sống con người, khiến cho con người ngay trong hiện tại ăn ngủ không ngon, sắc diện trở nên xấu xí, đầu óc nhầm lẫn, hao tổn tài

sản, thương tổn danh dự, bị bạn bè xa lánh, rơi vào sập bẫy của địch thủ; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào các cảnh giới bất hạnh khổ đau. Đáng chú ý rằng phần nộ là tập khí bất thiện, một loại năng lượng tâm thức xấu ác do cá nhân tích tập, chẳng những đưa đẩy con người rơi vào lối sống sai lầm dẫn đến nhiều phiền lụy khổ não ngay trong hiện tại, mà còn tiếp tục chi phối và quyết định vận mệnh phiền muộn khổ đau của người ấy ở các đời sau. Bản kinh *Mallikā* lưu ở *Tăng Chi Bộ* nói đến một hạng nữ nhân phần nộ nhiều, nào hại nhiều, tuy bị nói ít, liền nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sùng sộ, gây hấn, biếu lộ phần nộ, sân hận, bất mãn. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đây, tại đây, tái sanh hạ liệt, dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt⁵. Kinh *Tiểu nghiệp phân biệt* xác nhận người đàn bà hay người đàn ông nhiều phần nộ, nhiều phật ý, bị nói đến một chút thời bất bình, phần nộ, sân hận, chống đối, và tỏ lộ phần nộ, sân hận, bất mãn. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy tái sanh với hình dáng hạ liệt, dung sắc xấu xí⁶.

Đi đôi với việc nêu rõ nguyên nhân và hậu quả nguy hại của tâm phần nộ, đạo Phật cũng nói nhiều đến cách thức nhận diện và giải pháp khắc phục tâm sân hận bức phiền. Trước hết, đạo Phật khuyên mọi người cần xem xét tâm mình có rơi vào phần nộ và bị phần nộ chi phối hay không để tinh tấn đoạn trừ:

“Chư Hiền, ở đây, Tỳ-kheo cần phải quán sát như sau: ‘Không biết ta có phần nộ, bị phần nộ chi phối không?’ Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát và biết rằng: ‘Ta có phần nộ, có bị phần nộ chi phối’, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ các ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát và biết rằng: ‘Ta không có phần nộ, không bị phần nộ chi phối’, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học các thiện pháp”⁷.

Thứ hai, hạn chế tâm sân hận phần nộ phát sinh bằng cách tránh xa các điều kiện hay đối tượng có khả năng khiến cho tâm sân hận bức phiền dấy khởi và tăng trưởng. Đạo Phật gọi phương pháp này là pháp môn đoạn trừ các phiền não lậu hoặc nhờ tránh né. Vì nếu không tránh né thì sân hận phần nộ phát sinh, biết tránh né thì sân hận phần nộ không có lý do sanh khởi⁸.

Tiếp theo, cần xem xét và ý thức rõ động cơ trói buộc hay lý do khiến phần nộ phát sinh để sanh tâm xấu hổ và sợ hãi mà kiên quyết từ bỏ:

“Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: Do như những kiết sử nào ta có thể có phần nộ, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta có phần nộ,

không những ta tự trách mắng ta vì duyên phần nộ, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng khiến trách ta vì duyên phần nộ; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên phần nộ. Thật là một kiết sử, thật là một triển cái, chính sự phần nộ này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên phần nộ, đối với vị đã từ bỏ phần nộ, các lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa”⁹.

Cũng cần hiểu ra rằng phần nộ không gì khác là mặt trái của tham dục, là phản ứng của lòng ham muốn vị kỷ bị tước đoạt hay không được đáp ứng. Đó là sự phản kháng sai lầm của tâm thức phát sanh do duyên “ngã tưởng” hay bởi “cái tôi chủ nghĩa”. Vì tham muốn không được thì sinh bức phiền. Có được điều mình mong muốn mà bị người khác cướp đi thì sinh uất hận. Lòng tham càng lớn thì phần nộ bất mãn tiềm ẩn càng nhiều. Vì vậy mà để nhiếp phục phần nộ thì phải nhận ra lòng tham là căn nguyên của tâm phản ứng phần nộ cần phải hạn chế; bên cạnh đó, cần thực tập nếp sống thiếu dục tri túc, rời bỏ lối suy nghĩ ích kỷ vị ngã. Kinh *Pháp Cú* nói rằng, người có tâm đạt đến Niết-bàn, vắng bật tham-sân-si, thì không còn phần nộ; giống như chiếc chuông bị bể, người khác đánh không kêu¹⁰.

Một phương pháp khác có khả năng hóa giải tâm sân hận phần nộ, đó là thực tập chuyển hóa tâm thức bằng cách nuôi dưỡng và phát triển các tâm thái từ, bi, hỷ, xả; tức nỗ lực tu tập từ tâm để nhiếp phục sân tâm, nuôi lớn bi tâm để khắc chế hại tâm, phát triển hỷ tâm để đối trị bất mãn, thực hành xả tâm để trừ bỏ hận tâm. Nói cách khác, đó là sự mở rộng tâm giải thoát để hóa giải tâm trói buộc, sự phát triển tâm Bồ-đề nhằm thu nhiếp tâm phiền não. Một bậc, bậc Giác ngộ dạy cho con trai mình như vậy:

“Này Ràhula, hãy tu tập sự tu tập về lòng từ. Này Ràhula, do tu tập sự tu tập về lòng từ, cái gì thuộc sân tâm sẽ được trừ diệt. Này Ràhula, hãy tu tập sự tu tập về lòng bi. Này Ràhula, do tu tập sự tu tập về lòng bi, cái gì thuộc hại tâm sẽ được trừ diệt. Này Ràhula, hãy tu tập sự tu tập về hỷ. Này Ràhula, do tu tập sự tu tập về hỷ, cái gì thuộc bất lạc sẽ được trừ diệt. Này Ràhula, hãy tu tập sự tu tập về xả. Này Ràhula, do tu tập sự tu tập về xả, cái gì thuộc hận tâm sẽ được trừ diệt”¹¹.

Sau cùng, thực tập cái nhìn duyên sinh, vô thường, vô ngã đối với tự thân (ngũ uẩn) và những gì xảy đến với tự thân để hóa giải tâm sân hận phần nộ. Đây là giải pháp tu tập có khả năng dứt trừ hoàn toàn tham-sân-si, gốc rễ của hết thảy các pháp bất thiện, khiến cho phần nộ không còn lý do phát sinh và chi phối đời sống con người; tức là hành sâu về Thiền định (Thiền quán) nhằm phát triển trí tuệ, đạt đến sự chứng ngộ bản chất duyên sinh, vô thường, vô ngã hay tính chất hư huyền của tự thân và những gì liên hệ đến tự thân để buông bỏ mọi thứ, gọi là xả tâm giải thoát. Tôn giả Xá-lợi-phất phân tích cho các Tỳ-kheo về năng lực nhiếp phục tâm

sân hận phần nộ nhờ phát triển trí tuệ thông qua kinh nghiệm tu chứng tự nội:

“Chư Hiền, nếu có những người khác mắng nhiếc, chỉ trích, chọc tức, nhiều nảo Tỳ-kheo, vị ấy biết rõ như sau: ‘Khổ thọ khởi lên nơi tôi, thọ này thuộc tại xúc chạm, thọ này do nhân duyên, không phải không do nhân duyên; do nhân duyên gì? Do nhân duyên xúc’. Vị ấy thấy xúc là vô thường, thấy thọ là vô thường, thấy tưởng là vô thường, thấy hành là vô thường, thấy thức là vô thường. Tâm của vị này hoan hỷ, thích thú, tịnh chỉ, quyết định, tùy thuộc giới đối tượng. Chư Hiền, nếu những người khác xử sự với Tỳ-kheo không có hoàn hảo, không có tốt đẹp, không có khả ái, hoặc dùng tay xúc chạm, hoặc dùng đá xúc chạm, hoặc dùng gậy xúc chạm, hoặc dùng gương xúc chạm, vị ấy tuệ tri như sau: ‘Sự thể của thân này là như vậy, nên tay có thể xúc chạm, đá có thể xúc chạm, gậy có thể xúc chạm, gương có thể xúc chạm. Thế Tôn đã dạy như sau trong ví dụ cái cửa: ‘Chư Tỳ-kheo, nếu có kẻ trộm cướp hạ tiện lấy cái cửa hai lưỡi cắt từng phần tay và chân. Nếu ai ở đây sanh ý phần nộ, người ấy không làm đúng lời Ta dạy’. Ta sẽ tinh cần, tinh tấn, không giải đãi, niệm được an trú không có loạn niệm, thân thể được khinh an, không dao động, tâm được định tĩnh, nhất tâm. Nay mặc cho tay xúc chạm thân này, mặc cho đá xúc chạm thân này, mặc cho gậy xúc chạm thân này, mặc cho gương xúc chạm thân này, lời dạy chư Phật cần phải được thực hành”¹².

Nhìn chung, phần nộ là sự phản ứng mê muội của tâm thức đưa đến nhiều phiền lụy khổ đau cho con người và cho cuộc đời, cần phải được nhận diện và khắc phục. Đó là sự si mê, rối loạn, bạo động của tâm thức phát sanh do không thỏa mãn lòng ham muốn vị kỷ, khiến cho con người trở nên mù lòa, có mắt mà như mù; không còn tỉnh táo và sáng suốt; dự phần vào tổn não; nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai; không như thật rõ biết lợi mình, không như thật rõ biết lợi người, không như thật rõ biết lợi cả hai; thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác¹³. Đó chính là hành vi xấu ác, một loại ác nghiệp mà người nào để cho mình dính mắc vào thì tự chuốc lấy nhiều phiền lụy khổ đau, không những ngay trong đời này mà còn tiếp tục kéo dài đến các đời sau. Chính vì thế mà những ai biết thương mình và thương người thì cần phải học tập lời Phật dạy, để tự nhắc nhở mình về sự nguy hại của tâm sân hận phần nộ và để tránh cho mình không rơi vào các ý nghĩ, lời nói và hành động sai lầm xấu ác đưa đến phiền não khổ đau cho mình và cho người khác, do sân hận phần nộ thúc giục. Với tâm từ bi mong muốn cho chúng sanh được hạnh phúc an lạc, thoát ly phiền não khổ đau, bậc Giác ngộ khuyên nhắc mọi người thực tập nếp sống như vậy:

*Giữ thân đừng phần nộ,
Phòng thân, khéo bảo vệ,
Từ bỏ thân làm ác,*



*Với thân, làm hạnh lành.
Giữ lời đừng phần nộ,
Phòng lời, khéo bảo vệ,
Từ bỏ lời thô ác,
Với lời, nói điều lành.
Giữ ý đừng phần nộ,
Phòng ý, khéo bảo vệ,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Với ý, nghĩ hạnh lành¹⁴. ■*

Chú thích:

1. Kinh Vô uế, Trung Bộ.
2. Kinh Pháp Cú, kệ số 3.
3. Kinh Ví dụ cái cửa, Trung Bộ.
4. Kinh Sân hận, Tăng Chi Bộ.
5. Kinh Mallikà, Tăng Chi Bộ.
6. Kinh Tiểu nghiệp phân biệt, Trung Bộ.
7. Kinh Tư lượng, Trung Bộ.
8. Kinh Tất cả lậu hoặc, Trung Bộ.
9. Kinh Potaliya, Trung Bộ.
10. Kinh Pháp Cú, kệ số 134.
11. Đại kinh Giáo giới Ràhula, Trung Bộ.
12. Tiểu kinh Ví dụ dấu chân voi, Trung Bộ.
13. Kinh Channa, Tăng Chi Bộ.
14. Kinh Pháp Cú, kệ số 231-233.



Tuổi trẻ với Phật giáo

CAO HUY HÓA

Thanh niên là rường cột của nước nhà, tuổi trẻ là sức sống của dân tộc. Trong đạo Phật và tổ chức Giáo hội cũng như thế, những mầm non và cây cảnh mơn mớn là thanh xuân hiện tại, và là cây cao bóng cả, là hoa trái tương lai. Nhìn vào thành phần người xuất gia, số vị Tăng Ni trẻ càng ngày càng nhiều, đó là một tiền đề cho sự phát triển của đạo Phật. Nhưng trong xã hội, người trẻ theo đạo Phật có nhiều không? Có ít nhiều thấm nhuần đạo Phật không? Có hiện tượng người trẻ xa rời đạo Phật không?

Có dư luận không tỏ vẻ gì lo lắng vấn đề nêu trên, xem những gì diễn ra trong đời sống đạo là bình thường: mọi chuyện là tùy duyên; nhưng có dư luận khắt khe hơn, khi nhìn vào thực tế, hầu như chùa chiền chỉ dành cho người già, hoặc từ trung niên trở lên, các đạo tràng thì trang nghiêm nhưng phần đông là người lớn tuổi, trong đó phái nữ chiếm đa số; người trẻ tuy có đến chùa, thỉnh thoảng có thực hành nghi lễ, có bái lạy, nhưng ít ai có đời sống tu tập theo giáo pháp của Phật.

Nhiều tiếng nói có trọng lượng đã phân tích hiện tượng giới trẻ xa rời đạo Phật, và đưa ra nhiều lý do: đời

sống khó khăn, bận học hành, thi cử, thanh thiếu niên sa đà vào trò chơi điện tử, những tiện ích trên mạng, những trò giải trí thời thượng, mất niềm tin vào tôn giáo, và không thấy hứng thú với chùa, với kinh kệ. Xin dẫn một đoạn sau đây: “Những người trẻ của chúng ta hôm nay ở Việt Nam và ở ngoại quốc cũng vậy. Họ thấy mẹ, thấy bà ngoại mình đi chùa và tụng những kinh mà mình hoàn toàn không hiểu gì cả. Cái gì mà *Nam mô tát đát tha tô đà đa da, a ra ha đế*? Mình không hiểu gì cả, mà hỏi bà thì bà cũng không biết, xưa bầy nay làm thôi! Người trẻ cảm thấy cái ấy không dính líu gì tới mình. Vì thế người trẻ không tham dự, không muốn đi chùa nữa”.

Quá nhiều chuyện thời nay về Phật giáo với tuổi trẻ, vấn đề là cần phân tích hiện trạng một cách tỉnh táo và hợp tình hợp lý để giải quyết vấn đề. Nhiều chuyện không dễ giải quyết một sớm một chiều. Vả chăng, hiện tượng giới trẻ và cả người lớn tuổi ở các nước phương Tây ngày càng lơ là với các hình thức nghi lễ tôn giáo, cũng na ná như ở nước ta, dấu đạo của họ khác với đạo của ta.

Về phần tôi, một người lớn tuổi lại không trực tiếp kinh qua thời gian phụng sự đạo gần gũi với giới trẻ, cho nên chỉ xin bày tỏ một số phân tích sau đây, cũng chỉ nhìn từ bên ngoài giới trẻ mà thôi, và có nói gì thêm thì cũng chỉ là ước vọng. Tôi cũng xin khoanh vùng địa lý, tức là chỉ bàn vấn đề trong thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên Huế; hoặc nếu có rộng ra, thì có thể nghĩ đến các địa phương từ Quảng Trị trở vào.

1 Tuổi trẻ là tuổi nào, gồm những ai? Có lẽ ai cũng biết: Tuổi trẻ là nhi đồng, thiếu niên, thanh niên; tuổi trẻ là khác với tuổi già, khác với tuổi trung niên. Nhưng vì nói đến tương quan giữa đạo Phật và tuổi trẻ, nên tôi xin chia ra:

- Tuổi trẻ tại đô thị và tuổi trẻ tại nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa.
- Tuổi trẻ trong nhà trường, tuổi trẻ ngoài nhà trường.
- Tuổi trẻ đã sống trong gia đình có truyền thống theo đạo Phật, tuổi trẻ không sống chút nào với truyền thống đó.

2 Trước hết, tôi xin dành tình cảm thân thương đối với tuổi trẻ tại nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Đạo sau này, may mắn tôi được đi nhiều nơi trong tỉnh Thừa Thiên-Huế, hầu như đâu đâu cũng có sinh hoạt Gia đình Phật tử (GDPT), đâu đâu cũng có Đoàn quán. Trên miền núi Dương Hòa, ni sư trụ trì chùa Định Huệ cho biết sinh hoạt trại vui tươi mừng Phật Đản mấy ngày liền; tại một ngôi chùa vùng lúa của huyện Hương Trà, tôi được nghe sư cô trụ trì cho biết đã làm lễ Vu-lan và lễ hội Bông hồng cài áo cho GDPT và Phật tử quanh vùng, còn ở các xã Ngũ Diên bên kia phá Tam Giang, GDPT vẫn duy trì tổ chức và truyền thống tốt đẹp xưa nay. Miền núi A Lưới cũng không thua kém về sinh hoạt GDPT, đâu đây là đất mới ươm mầm đạo... GDPT tồn tại và phát triển trên nền tảng từ bi và trí tuệ của đạo Phật, trên sự hướng dẫn và dìu dắt của chùa, của khuôn hội, trong tình thương yêu và đùm bọc của dân, vốn xưa nay là Phật tử từ trong thâm tâm. Sức mạnh của đạo Phật ở miền quê đất Thừa Thiên này là hoạt động nhịp nhàng giữa bộ ba: chùa làng, khuôn hội, và GDPT. Thử hỏi, nếu không có GDPT ở nông thôn, miền núi, vùng xa thì có môi trường sinh hoạt, đạo đức, lối sống nào nữa cho tuổi trẻ? GDPT cần thiết cho đạo, cho bản thân mỗi thành viên đã đành, mà còn là sự đóng góp vô cùng quý giá cho xã hội về giữ gìn đạo đức xóm làng và an lành cho địa phương, nhất là trong thời buổi kinh tế thị trường tự phát, thanh thiếu niên chẳng có được một "sân chơi" lành mạnh cho nhu cầu của mình. *Vậy, nếu muốn phát triển Phật giáo trong giới trẻ tại địa bàn này, xin hãy củng cố và phát triển GDPT, song song với nền nếp chùa làng cùng với khuôn hội.*

3 Về tuổi trẻ tại đô thị, các thành phần trẻ chịu tác động quá lớn bởi môi trường học tập và sinh hoạt. Ở đây vẫn có sự hiện diện đậm nét của GDPT và vẫn là điểm sáng trong sinh hoạt Phật giáo của giới trẻ, nhưng GDPT thu hút không nhiều giới trẻ. Lứa tuổi học sinh thì tập trung vào việc học, vào thi cử, cốt làm sao chen chân vào đại học (trừ một số không học được, phải chạy việc ngoài xã hội), nhằm kiếm một chỗ đứng sau này, cho nên ngoài chuyện học, phần đông chẳng còn biết chuyện trời-trăng-mây-nước gì cả. Còn những người trẻ đã làm việc nhà nước hoặc làm công ăn lương thì chuyện cơm áo gạo tiền chi phối toàn bộ đời sống nên cũng không tha thiết chuyện đạo. Tuy nhiên, vẫn có một số nào đó còn tiếp nối truyền thống gia đình, duy trì nền nếp sống đạo, ăn chay định kỳ, thỉnh thoảng đi chùa, làm Phật sự. Còn lại một thành phần năng động và hiểu biết trong xã hội: đó là *sinh viên các trường đại học, cao đẳng trong thành phố, bao gồm các sinh viên tại chỗ và các sinh viên từ xa đến học.*

Sinh viên đã càng ngày càng tham gia nhiều hơn trong các công tác từ thiện, nhân đạo của Phật giáo. Nhiệt huyết và đầu óc muốn tìm cái mới, đồng thời với nhu cầu sinh hoạt tập thể, khiến sinh viên chủ động tổ chức hoặc tham gia một cách vô tư những phong trào có ích cho cộng đồng. Mặt khác, sinh viên cũng cần tìm một lẽ sống trí tuệ, vị tha, trong sự kết nối mình với bạn bè, sống có trách nhiệm với xã hội, với môi trường lành mạnh, bù lại cho những cảnh nhớ nhãng thị trường; từ đó họ có nhu cầu tìm đến Phật giáo, nhất là các sinh viên xa nhà, các sinh viên từ lâu nghe đến đạo Phật mà chưa có cơ hội tiếp cận. Vui mừng thay, bóng dáng sinh viên xuất hiện tại Trung tâm Phật giáo Liễu Quán, các chùa, các điểm thi để giúp đỡ sĩ tử từ nơi xa đến thi đại học, từ hướng dẫn đến chở xe, tìm nơi trọ, bưng bê cơm nước; rồi những chuyến đi từ thiện của các chùa, của quý Tăng Ni, hình ảnh giới trẻ không phải là ít. Đi sâu vào hoạt động của các chùa, vẫn có nhiều lớp Phật pháp cho giới trẻ, và đó cũng là sinh hoạt thường xuyên của Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán.

Như vậy, ngoại trừ những sinh viên được tiếp thu đạo Phật từ truyền thống gia đình, phần lớn sinh viên đến với đạo Phật từ các hoạt động xã hội và thiện nguyện, từ đó sinh viên tiếp cận với mái chùa, với nếp sống thanh tịnh, với lẽ sống thanh cao, vô ngã vị tha của những người xuất gia và những Phật tử thuần thành, bước đầu tạo duyên lành để các em sống có ý nghĩa hơn, và nhiều em đã nhận ra mình là con của Phật để tự giác quy y Tam bảo. Ngoài ra, sinh viên và thế hệ trẻ tìm đến chùa qua các hoạt động dã ngoại, cùng đi chơi và tham quan chùa với bạn bè, qua tìm hiểu văn hóa chùa.

4 Khi bàn đến tương quan đạo Phật với tuổi trẻ, ta cần bàn hai chiều. Phần trên tôi đã đề cập tuổi trẻ đến với đạo Phật như thế nào. Vậy thì, chiều ngược lại: Đạo Phật, mà cụ thể là Giáo hội, các chùa, quý thầy cô đến với tuổi trẻ như thế nào.

Không có chùa, không có quý thầy cô thì tuổi trẻ không thể đến với đạo Phật. Chính Giáo hội, nhà chùa, quý thầy cô đã tổ chức và hướng dẫn đạo tràng, đã tổ chức và giảng dạy Phật pháp cho các lớp dành cho giới trẻ, đã tổ chức các hoạt động từ thiện và nhân đạo; tất cả như là cánh cửa thuận duyên cho giới trẻ đến với đạo.

Tất nhiên, mọi việc không phải là đơn giản. Tôi suy nghĩ những điều sau đây:

a/ Với giới trẻ nông thôn, vùng sâu, vùng xa, không gì bằng củng cố và phát triển GDPT. Nơi chưa có GDPT thì phải xây dựng chùa hoặc Niệm Phật đường (Khuôn hội) rồi mới tổ chức GDPT. Mong sao có nhiều thầy cô trẻ, đạo tâm vững vàng, nhiệt tình, có năng lực tổ chức và gần gũi thanh niên, đứng chân tại các địa bàn này, và cũng mong sao quý thầy cô cùng ổn thỏa vui vẻ mọi Phật sự với khuôn hội để hướng dẫn GDPT một cách hiệu quả. Với tuổi trẻ đô thị, tất nhiên cũng rất cần GDPT, và hơn thế nữa, các GDPT này phải là đầu tàu, là đi đầu trong sáng tạo hoạt động và học tập để làm hình mẫu cho các GDPT có hoàn cảnh kém thuận lợi hơn..

Hiện nay, trước vấn nạn suy đồi về đạo đức, lối sống của nhiều thanh thiếu niên, trước một nền giáo dục hụt hẫng về giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên, học sinh, thì tại các thành phố lớn, đã có nhiều lớp, nhiều câu lạc bộ dạy kỹ năng sống, giúp thanh thiếu niên sống tự tin và bước vào đời một cách mạnh dạn, phù hợp với văn minh hiện đại. Chúng ta vui mừng vì đã có tổ chức GDPT như là môi trường tốt giáo dục nếp sống đạo và rèn luyện đời sống tập thể. Xem chương trình huấn luyện của các ngành, các bậc trong GDPT, tôi thấy đoàn viên được giáo dục rất đầy đủ, từ giáo lý đến rèn luyện cá nhân, sinh hoạt trại, tổ chức vui chơi, hoạt động xã hội, văn nghệ,... trong đó nội dung kỹ năng sống cũng được thể hiện. Xin dẫn chứng các chủ điểm về Công tác xã hội của bậc Hướng Thiện, ngành Thiếu¹:

1. Bồn phân đối với Ông Bà, Cha Mẹ, cô bác, anh chị em.
2. Tôn trọng, lễ độ với người lớn.
3. Vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường.
4. Không đam mê trò chơi điện tử.
5. An toàn giao thông.
 - Biển báo giao thông: Đèn đỏ, đèn vàng, đèn xanh.
 - Cấm người đi bộ, lối dành cho người đi bộ, đường cấm.
6. Sử dụng máy vi tính.
7. Gọi điện thoại.

Một chương trình rất hoàn chỉnh đối với từng bậc, từng lứa tuổi, mà nếu đoàn sinh GDPT được tiếp thu đầy đủ thì em đó vừa là Phật tử đúng nghĩa vừa là công dân tốt. *Vấn đề là làm thế nào để lứa tuổi học sinh vào tổ chức GDPT càng ngày càng nhiều hơn.*

b/ Với giới trẻ và trung niên đô thị, nên chăng cần có những đạo tràng tu tập thích hợp với lứa tuổi, với điều kiện sinh hoạt khó khăn và thời giờ hạn chế, ngoài những đạo tràng tu tập lâu nay mà phần đông là người lớn tuổi? Đặc biệt vào mùa hè, thanh niên, sinh viên học sinh có nhu cầu muốn dự các khóa tu ngắn ngày để thấm nhuần giáo lý nhà Phật, và đồng thời được vui cùng các bạn dưới mái chùa từ ái.

c/ Mỗi chùa dành nhiều ưu ái đón giới trẻ đến thăm chùa, đặc biệt là các ngày Tết, lễ Phật đản, Vu-lan... Được ăn chay, được quý thầy cô thăm hỏi là một niềm vinh hạnh đối với người trẻ, nhất là khi họ đến chùa lần đầu. Thật là thiệt thòi cho nhiều bạn trẻ, sống trên trung tâm Phật giáo của cả nước mà chưa từng đến chùa!

d/ Tôi cảm phục các thanh niên, sinh viên, nhất là các bạn sinh viên các tỉnh Bắc miền Trung, các bạn vốn xa lạ với Phật giáo, đã cùng nhau tham dự các lớp Phật pháp ở Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán và ở các chùa khác. Mong các bạn tự đảm đương việc tổ chức nhiều chừng nào tốt chừng đó, các bạn kết hợp học giáo lý với kể chuyện đạo, với liên hệ thực tế cuộc sống, với tham quan chùa, dã ngoại, làm sao cho các bạn cảm thấy vui học và có ích. Các bạn có thể đóng góp ý kiến về nội dung học, về giáo lý căn bản, tham dự nghi lễ Phật giáo, và có nên chăng các bạn thực tập thiền dưới sự hướng dẫn của quý thầy cô đã trải nghiệm thiền, để tĩnh tâm và làm giàu năng lượng cho cuộc sống.

e/ Thật là may mắn nếu các bạn thanh niên nam nữ đến với nhau bằng tình yêu trong sáng, cùng nhau hướng về đạo từ bi và trí tuệ của Đức Phật, và khi tình yêu chín muồi và nghề nghiệp đã có, thì hôn nhân là một kết quả tốt đẹp cho cuộc sống lứa đôi. Những năm sau này tôi được dự lễ hỷ thuận tổ chức tại chùa, tôi nhận thấy hình thức này quá hay, quá đẹp. Lời hứa chung thủy và giữ gìn nếp sống lành mạnh, theo Năm giới của đôi trẻ trước Tam bảo, với sự chứng minh của thầy chủ lễ và giảng sư, với sự tham dự của bà con hai họ và bạn bè, thật là thiêng liêng và gây ấn tượng sâu sắc, không chỉ cho hai người mà cho tất cả mọi người tham dự. Tôi được biết có trường hợp trước lễ hỷ thuận, các thành viên hai gia đình thông gia cùng thỏa thuận tổ chức lễ quy y Tam bảo cho những người chưa quy y. Một buổi cơm chay sau lễ hỷ thuận quá vui và thân mật, mà không cần đến bia bọt, không cần thân xác của những heo, bò, gà, tôm, cá, mực... trên bàn tiệc, đó chính là bài học Năm giới đầu tiên trong đời sống lứa đôi. Mong sao việc tổ chức lễ hỷ thuận trở thành phổ biến trong các chùa, một lễ hỷ thuận không có quá nhiều lễ nghi, không quá nhiều lạ, không quỳ nhiều lắm, một buổi lễ không nhiều thời giờ mà đầy ý nghĩa, thanh tịnh, thiêng liêng, gọn gàng, một buổi lễ lắng đọng lời dạy của thầy và lời nguyện của đôi bạn trẻ. ■

1. Trích trong *Chương trình tu học - huấn luyện*, trên website GDPT Việt Nam.



Tâm Phật

ĐẠT-LAI LẠT-MA
NHƯ TÂM dịch

Trong tác phẩm nổi tiếng *Nhập Bồ-tát hạnh*, Tôn giả Tịch Thiên tuyên bố rằng mọi điều hỷ lạc đều là kết quả của việc mong cầu hạnh phúc cho người khác; trong khi mọi khó khăn, tai ách, thảm họa đều dẫn xuất từ thái độ chỉ biết đến hạnh phúc của chính mình. Ngài đặt câu hỏi, còn gì cần phải nói thêm về điều đó khi chúng ta có thể thấy được những phẩm chất của Đức Phật, người luôn luôn trông đợi hạnh lạc cho người khác, và nghiệp chướng của loài người chúng ta, những kẻ đang ở trong tình trạng hiện thời? Chúng ta có thể dễ dàng được thuyết phục về điều đó bằng cách so sánh những thiếu sót của những chúng sinh bình thường với những phẩm chất giác ngộ và trí tuệ của chư Phật. Dựa trên nền tảng của sự so sánh này, chúng ta có thể thấy được những lợi ích và công đức của khát vọng mong cầu hạnh phúc cho những chúng sinh khác, bên cạnh những sai lầm và bất lợi của thái độ chỉ biết đến mình, chỉ quan tâm đến chính mình.

Tôn giả Tịch Thiên phát biểu rằng ta và người khác bình đẳng trong việc có những ước vọng bẩm sinh về hạnh phúc và thoát khổ, thế thì tại sao chúng ta lại mưu cầu tự lợi với cái giá phải trả của kẻ khác – kể cả tới mức độ hoàn toàn không quan tâm gì đến người khác? Tôi nghĩ rằng phát biểu này chỉ ra một điều rất thật. Giống như chính mình, mọi chúng sinh khác đều bình đẳng trong việc có ước vọng được hạnh phúc và được thoát khỏi mọi đau khổ. Tất cả chúng ta, từng người một, đều không thỏa mãn với bất kỳ mức độ nào của hạnh phúc và vui sướng; và điều đó đúng với tất cả mọi sinh vật hữu tình. Giống như tôi, với tư cách của một cá nhân, tôi có quyền tự nhiên là thành tựu mọi khát vọng căn bản ấy; mọi chúng sinh hữu tình khác cũng vậy. Vấn đề quan trọng là phải nhận biết sự bình đẳng căn bản này.

Vậy thì có gì khác biệt giữa chính mình và những người khác? Bất kể tầm quan trọng và sự quý giá của từng người một là đến mức nào, chúng ta chỉ nói về hạnh phúc của một người. Bất kể những đau khổ của họ có thể sâu sắc đến mức nào, ở đây chúng ta cũng vẫn quan tâm đến lợi ích của chỉ một người. Ngược lại, khi ta nói về hạnh phúc của những chúng sinh khác, từ *khác* này chỉ sự vô hạn, vô số những chúng sinh. Trong trường hợp của cái *khác* này, ngay cả khi chúng ta quan tâm đến những mức độ nhỏ nhất của sự đau

khổ, được tích tụ lại, chúng ta cũng đang nói tới sự đau khổ của một con số vô hạn các chúng sinh. Cho nên, từ quan điểm số lượng, hạnh phúc của những chúng sinh khác trở nên quan trọng hơn rất nhiều so với hạnh phúc của chính mình.

Ngay cả từ quan điểm của sự tự lợi, nếu người khác hạnh phúc và được thỏa mãn, chính chúng ta cũng hạnh phúc. Về một mặt khác, nếu những người khác ở trong tình trạng đau khổ mãi mãi, khi đó chúng ta cũng sẽ đau khổ bởi cùng một số phận. Mỗi quan tâm đến người khác liên kết một cách chặt chẽ với sự quan tâm đến chính mình; đó là một điều rất thật. Hơn nữa, dựa trên những kinh nghiệm cá nhân của từng người, chúng ta có thể quan sát để thấy rằng càng chấp chặt vào một cảm giác mạnh mẽ về tự ngã – chỉ quan tâm đến tự lợi – những vấn đề tâm lý và cảm xúc của chúng ta càng lớn lao hơn.

Tất nhiên sự theo đuổi về tự lợi thì cũng rất quan trọng. Tuy nhiên, chúng ta cần một phương pháp thực tế hơn, nghĩa là đừng thấy tự lợi của mình là điều quá nghiêm trọng mà nên dành nhiều thời gian hơn để suy nghĩ về hạnh phúc của những chúng sinh khác. Thực tế cho thấy rằng trở nên vị tha hơn, cùng với việc có nghĩ đến cảm xúc và hạnh phúc của người khác, là một phương pháp lành mạnh hơn rất nhiều trong việc theo đuổi lợi ích của riêng mình. Nếu thực hiện như thế, chúng ta sẽ thấy được những thay đổi đáng chú ý, một cảm giác thư giãn. Chúng ta sẽ không còn dễ dàng bị kích thích bởi những trường hợp vụn vặt để nghĩ rằng mọi sự đang ở trạng thái nguy hiểm, và hành động như thể toàn bộ hình ảnh, nhân dạng cũng như sự tồn tại của chính chúng ta đang bị đe dọa. Mặt khác, nếu chúng ta thường xuyên nghĩ đến tự lợi – hoàn toàn quên lãng hạnh phúc của những chúng sinh khác – khi ấy, kể cả những sự việc nhỏ nhặt nhất cũng có thể khơi gợi những cảm tưởng của việc bị xúc phạm hay bị gây xáo trộn. Chúng ta có thể phán đoán tình xác thực của điều này từ những kinh nghiệm của chính mình.

Về lâu dài, việc tạo ra một “hào tâm” sẽ mang lại lợi ích cho cả chính mình lẫn mọi người khác. Ngược lại, việc cho phép tâm thức của chúng ta tiếp tục bị nô lệ bởi tính tự lợi sẽ chỉ duy trì những cảm tưởng bất mãn, thất vọng và bất hạnh của chúng ta, cả trong ngắn hạn lẫn lâu dài. Chúng ta sẽ bỏ phí những cơ hội tuyệt vời



mà chúng ta đang có – được sinh ra làm người, được trang bị với những khả năng tuyệt vời về trí thông minh của loài người, là những điều có thể được sử dụng cho những mục đích cao cả. Cho nên, điều quan trọng là có được khả năng cân nhắc những hậu quả dài hạn và ngắn hạn ấy. Còn có phương pháp nào tốt đẹp hơn để làm cho cuộc sống loài người của chúng ta có ý nghĩa hơn việc chiêm nghiệm sâu sắc về Bồ-đề tâm - khát vọng vị tha để đạt tới giác ngộ vì lợi ích của tất cả chúng sinh.

Phát Bồ-đề tâm

Về phần mình, tôi không thể tuyên bố là đã thực hiện được Bồ-đề tâm. Tuy vậy, tôi luôn có một khát vọng sâu xa về Bồ-đề tâm. Tôi có cảm tưởng rằng khát vọng mà tôi có về Bồ-đề tâm chính là tài sản của tôi và là nguồn sức mạnh cho sự can đảm của mình. Đó cũng là nền tảng hạnh phúc của tôi; nó là điều cho phép tôi làm cho người khác được hạnh phúc, và nó cũng là yếu tố khiến tôi cảm thấy thỏa mãn và hài lòng. Tôi vẫn dang hiến và cam kết hoàn toàn đối với lý tưởng vị tha này. Cho dù bệnh tật hay

khỏe mạnh, ngày càng già đi, hoặc kể cả trước cái chết, tôi vẫn cam kết theo lý tưởng vị tha ấy. Tôi nhận thức một cách rõ ràng rằng tôi sẽ luôn luôn duy trì khát vọng sâu xa của mình đối với lý tưởng khởi phát lòng vị tha của Bồ-đề tâm. Về phần quý vị, những người bạn của tôi, tôi cũng muốn kêu gọi quý vị cố gắng trở nên quen thuộc với Bồ-đề tâm. Nếu có thể, quý vị nên hết sức phát khởi một trạng thái tâm thức vị tha và từ ái như thế.

Việc thực hiện Bồ-đề tâm đòi hỏi nhiều năm thực hành thiện định. Trong một số trường hợp, có thể phải mất hàng vài ngàn năm mới thực hiện được. Việc có được một sự hiểu biết mang tính trí thức thuần túy về Bồ-đề tâm là điều không thỏa đáng. Cũng vậy, việc có một cảm tưởng trực giác kiểu như “Nguyện cho mọi chúng sanh đều được giác ngộ” thì vẫn là chưa đủ. Tất cả những điều đó không phải là việc thực hiện Bồ-đề tâm. Ngay cả như thế, tôi nghĩ điều ấy cũng có giá trị. Vì có gì sâu sắc hơn việc thực hành giáo pháp? Như Shantideva phát biểu:

*Vì giống với vật chất thượng phẩm của các nhà giả kim
Nó lấy hình thái bất toàn của da thịt con người
Và làm thành thân vô giá của một vị Phật
Đấy chính là Bồ-đề tâm: chúng ta nên giữ chặt.*

Khi chúng ta suy nghĩ về Bồ-đề tâm một cách hơi hợt, có thể Bồ-đề tâm dường như quá giản dị, đến mức có thể không hấp dẫn. Ngược lại, việc thực hành thiện định theo Mật giáo dựa trên hình ảnh mạn-đà-la hay các vị thần có thể có vẻ huyền bí, và chúng ta có thể thấy những pháp môn này hấp dẫn hơn. Tuy nhiên, khi chúng ta thực sự dẫn thân vào việc thực hành, Bồ-đề tâm là một nguồn vô tận. Không hề có mối nguy của việc trở nên thất vọng hay nản chí khi thực hành Bồ-đề tâm; trong khi việc thực hành thiện định dựa trên các vị thần du-già, đọc thần chú... luôn xảy ra tình trạng hoang mang bởi vì chúng ta thường đặt quá nhiều kỳ vọng vào việc thực hành. Sau nhiều năm, chúng ta có thể nghĩ, “Mặc dù tôi đã thực hành thiện định dựa trên những vị thần du-già và đã đọc tất cả những thần chú này, tôi vẫn không thấy có sự thay đổi nào đáng kể. Tôi chẳng hề trải nghiệm được bất kỳ một kinh nghiệm huyền bí nào”. Tình trạng thất vọng như vậy sẽ không xảy ra với việc thực hành Bồ-đề tâm. Vì việc thực hiện Bồ-đề tâm đòi hỏi một thời gian thực hành lâu dài, một khi chúng ta đã có được một chút kinh nghiệm, điều thiết yếu là chúng ta cần khẳng định sự tu dưỡng về Bồ-đề tâm của mình bằng những lời cầu nguyện thiết tha. Điều này có thể được thực hiện dưới sự hiện diện của một bậc thầy hay sự hiện diện của một biểu tượng của Đức Phật. Một sự thực hành như thế có thể tăng cường hơn nữa khả năng phát khởi Bồ-đề tâm của ta. Bằng cách nêu lên những lời nguyện Bồ-tát trong một nghi thức đặc biệt, chúng ta khẳng định quyết tâm phát khởi Bồ-đề tâm trước sự hiện diện của một bậc thầy. Phần

đầu tiên của loại nghi thức này là việc phát khởi Bồ-đề tâm đầy khát vọng. Điều có ý nghĩa ở đây là bằng sự phát khởi một khát vọng vị tha về việc đạt tới trạng thái giác ngộ vì lợi ích của hết thảy chúng sinh, chúng ta cam kết rằng chúng ta sẽ không bao giờ thoái thất hay làm suy yếu khát vọng ấy, không chỉ trong kiếp sống này, mà trong tất cả những đời sống ở tương lai. Với tính cách là một sự cam kết, cũng có những giới luật phải tôn trọng.

Phần thứ hai của nghi thức là việc nêu lên những lời nguyện Bồ-tát. Việc này nên được thực hiện bởi người đã chuẩn bị xong cho mình giai đoạn đầu. Đã phát triển được một nhiệt tình để bước vào Bồ-tát hạnh, bấy giờ chúng ta tiếp nhận những lời nguyện của bậc Bồ-tát. Một khi đã chấp nhận Bồ-tát nguyện, cho dù thích hay không, cho dù những lời nguyện ấy có mang lại niềm vui hay không, điều cần thiết là hãy gìn giữ sự quý giá của những lời nguyện ấy như sinh mạng của chúng ta vậy. Để thực hiện lời nguyện này, ta phải có một quyết tâm vững chắc như một ngọn núi; ta vừa đưa ra một lời thệ nguyện rằng từ nay trở đi, ta sẽ tuân theo những giới luật của một vị Bồ-tát và sẽ sống một cuộc sống phù hợp với sự đào tạo một vị Bồ-tát.

Tất nhiên nhiều người trong quý vị không thực hành đạo Phật, và ngay cả trong những vị Phật tử có hành trì, có thể nhiều người cảm thấy không muốn chấp nhận Bồ-tát nguyện, nhất là phần thứ hai của nghi thức. Nếu quý vị cảm thấy không tự tin về khả năng tuân thủ giới hạnh, tốt nhất là không nên lập một cam kết; quý vị vẫn còn có thể phát khởi một tâm vị tha với mong muốn rằng mọi chúng sinh có thể có được hạnh phúc và quý vị có thể đạt tới giác ngộ hoàn toàn vì lợi ích của tất cả chúng sinh. Như vậy cũng là đủ rồi; quý vị vẫn nhận được những công đức của việc phát khởi Bồ-đề tâm, mặc dù quý vị không phải tuân theo mọi giới luật. Điều này dù sao cũng không nguy hiểm như việc phá vỡ giới luật. Vậy, nếu quý vị không chấp nhận Bồ-tát nguyện, quý vị chỉ cần phát triển một Bồ-đề tâm đầy khát vọng. Quý vị có thể là vị thẩm phán của chính mình.

*Với ước vọng giải thoát mọi chúng sinh
Tôi sẽ luôn luôn nương tựa
Phật, Pháp và Tăng
Cho đến khi tôi đạt sự giác ngộ trọn vẹn.
Được tán dương bởi trí tuệ và từ bi
Ngày nay trước Đức Phật
Tôi phát khởi một tâm thức về sự tỉnh giác trọn vẹn
Vì lợi ích của tất cả mọi chúng sinh.
Bao lâu vũ trụ vẫn tồn tại
Bao lâu chúng sinh vẫn tồn tại
Tôi nguyện đến lúc ấy tôi cũng vẫn tồn tại
Và xua tan mọi khổ não của cuộc đời. ■*

Nguyên tác: *The Heart of the Buddha*, Dalai Lama.

Nguồn: *Lion's Roar*, <http://www.lionsroar.com/the-heart-of-the-buddha/>.



Kiểm sơ tâm

THÍCH HẠNH TUỆ

*“Đèn tâm một ngọn khơi lên được
Vạn cổ sầu bi thoát hóa không”.*

Thông thường do mình quá bận rộn vì những thứ rắc rối trong cuộc sống, nên mình ít có thời gian quan sát bản thân mình, quan sát trạng thái tâm lý của mình hoặc dù có thời gian cũng chưa biết cách nào để biết rõ chính mình. Nói như vậy, mới nghe tưởng là vô lý, nhưng là sự thật phổ biến.

Ta hãy tĩnh tâm xem mình có những tính này không:

1/ hay ích kỷ; 2/ hay nóng nảy; 3/ hay dối trá; 4/ hay kiêu căng; 5/ hay ganh tỵ; 6/ hay keo kiệt; 7/ hay giận hờn; 8/ hay tức tối; 9/ hay dục nịnh; 10/ hay che giấu cái xấu của mình; 11/ hay chỉ trích người khác; 12/ không biết tự xấu hổ; 13/ không biết hổ thẹn với người khác; 13/ hay lăng xăng; 14/ hay giải đãi; 15/ hay hối hận; 16/ hay buông lung; 17/ hay tham lam; 18/ hay cố chấp; 19/ hay si mê; 20/ hay ác kiến; 21/ hay ngạo mạn; 22/ hay tiêu cực; 23/ hay bị quan; 24/ hay nghi ngờ... Trong mấy tật xấu ấy, ta đang có bao nhiêu? Đây là những tính xấu, những tật xấu, những phiền não mọc rễ trong tâm thức của ta, nói theo ngôn ngữ duy thức, thì đó là những “tâm sở bất thiện” của ta nếu ta không tĩnh tâm nhận diện, chuyển hóa, đôi khi nhận lầm là tính của ta, rồi bị nó sai sử, hại mình, hại người sống đời đau khổ triền miên muôn kiếp.

Hỏi: Nếu mình đã biết đó là những tâm hành bất thiện, những tính xấu, làm mình sống khổ, thì phải làm sao để không bị nô lệ cho mấy tính xấu đó?

Đáp: Ngoài những trạng thái tâm không tốt như liệt kê ở trên, có những lúc các trạng thái tâm tốt xuất hiện trong ta như: 1/ tâm tỉnh giác; 2/ tâm sáng suốt; 3/ tâm thư thái; 4/ tâm từ bi; 5/ tâm hỷ xả; 6/ tâm nhẫn nại; 7/ tâm bao dung; 8/ tâm độ lượng; 9/ tâm bố thí; 10/ tâm thương người; 11/ tâm phần khởi; 12/ tâm siêng năng; 13/ tâm vui vẻ; 14/ tâm nhu hòa; 15/ tâm chính tín; 16/ tâm giác ngộ... Trong các tâm tốt này ta đã có bao nhiêu? Đây là những tâm sở thiện, những đức tính tốt đẹp, cần nuôi dưỡng và phát triển để phẩm chất tâm của ta ngày càng nâng cao.

Tâm ta là vườn hoa xinh tươi đẹp đẽ với những phẩm chất tốt đẹp hay là đồng rác dơ bẩn với đầy những tính khí xấu ác hại người?

Ta tự xem bản thân ta hay xuất hiện những trạng thái tâm nào, chúng ta bị ảnh hưởng bởi trạng thái tốt hay xấu nhiều hơn. Khi tính xấu khởi lên, ta tỉnh giác, chánh niệm quan sát, biết rõ quá trình hình thành, tồn tại, phát triển và mất đi của nó, biết rõ nó không thật và hay làm khổ ta, ta không làm theo nó, không suy nghĩ theo hướng đó. Khi trạng thái tâm tốt khởi lên, ta tích cực phát huy, thì đời sống ta ngày một vui hơn, tốt hơn, chắc chắn là như vậy, vì ta đã hiểu về ta hơn!

“Tâm thật” của chúng ta chính là tâm Phật, tính thật của chúng ta là tính Phật. Tính Phật ở các Đức Phật và muốn loại chúng sinh không có gì khác biệt.

Nhìn đúng như thật, thì những tính xấu và tính tốt trong bản đồ soi tánh là không có thực tính, không có tự ngã, nghĩa là *không thật có*, nhưng do chúng sanh nhiều đời huân tập, chất chứa sâu dày nên ta tưởng là thật, rồi bị nó chi phối.

Trên bản đồ soi tánh, chúng ta hãy ghi lại những tâm sở thiện và tâm sở bất thiện để tiện theo dõi.

Ở hàng thứ nhất, chúng ta ghi thật lớn tên của sáu tâm sở phiền não căn bản - những trạng thái tâm gây nhiều đau khổ nhất - gồm: Tham (tham lam)-Sân (ghét giận)-Si (mê muội)-Mạn (ngạo mạn)-Nghị (nghi ngờ) và Ác kiến (cố chấp suy nghĩ sai). Ở các hàng thứ hai, thứ ba và thứ tư, ta nêu tên hai mươi tâm sở thuộc loại tùy phiền não, là những trạng thái tâm xuất hiện dựa trên những tâm sở phiền não căn bản. Hàng thứ hai có mười: Phẫn (tức giận)-Hận (thù hận)-Phú (che giấu)-Não (tàn ác)-Tật (đổ kỵ)-Xan (bỏn sẻn)-Cuống (dối trá)-Siểm (nịnh bợ)-Hại (gây hại)-Kiêu (kiêu ngạo). Hàng thứ ba chỉ có hai tâm sở xấu quan trọng: Vô tầm (không biết tự xấu hổ)-Vô quý (không biết hổ thẹn với người). Trong hàng thứ tư, gồm tám tâm sở tùy phiền não còn lại, đó là: Trạo cử (lãng xãng)-Hôn trầm (u mê)-Bất tín (không tin)-Giải đãi (lười biếng)-Phóng dật (buông lung)-Thất niệm (không có chánh niệm)-Tán loạn (loạn tâm) và Bất chánh tri (hiểu biết sai lầm).

Hàng thứ năm nêu tên bốn tâm sở bất định, là các trạng thái tâm không dứt khoát là xấu hay tốt nhưng khiến ta dễ đi theo đường xấu gồm Hối (hối hận)-Miên (ưa ngủ nghĩ)-Tầm (tìm cầu)-Tứ (dò xét).

Ở hai hàng cuối cùng, chúng ta nêu tên các tâm sở thiện. Hàng thứ sáu có: Tín (lòng tin thật)-Tâm (biết tự xấu hổ)-Quý (biết hổ thẹn trước người khác)-Vô tham (không tham lam)-Vô sân (không ghét giận)-Vô si (không mê muội). Hàng thứ bảy gồm: Cần (siêng năng tinh tấn)-Khinh an (nhẹ nhàng nhẫn nại)-Bất phóng dật (không buông lung, luôn tỉnh giác)-Hành xả (buông xả không chấp, hòa nhã vui vẻ) và Bất hại (không gây tổn hại).

Những biểu hiện của tính tốt hướng đến nâng cao phẩm chất thiện thuận hướng giải thoát Niết-bàn ở hàng thứ sáu và hàng thứ bảy: từ Tín đến Bất hại trong bản đồ soi tánh. Đây là những “Tâm sở thiện” của chúng ta. Nói dễ hiểu, đây là những tính tốt cần tu tập nuôi dưỡng phát huy của chúng ta.

Hàng đầu tiên, từ Tham đến Ác kiến là sáu tính xấu gốc của ta, những tính xấu khác đều nương vào gốc rễ này mà hình thành, tồn tại và phát triển từ đời này qua đời khác.

Hàng thứ hai, từ Phẫn đến Kiêu là những tính xấu phổ biến, dễ nhận ra, tương đối là dễ tu sửa, chúng còn được gọi là Tiểu tùy phiền não

Hàng thứ ba, Vô tầm, Vô quý là tính xấu loại trung bình, tự mình hơi khó nhận diện và hơi khó điều phục, chuyển hóa, chúng còn được gọi là Trung tùy phiền não.

Hàng thứ tư, từ Trạo cử đến Bất chánh tri là những tính xấu khó nhận diện vì có người cho rằng đó không phải là tính xấu, chỉ có những người tu thiền định mới dễ nhận thấy hơn. Những tính này ngăn trở tiến trình tu tập, hướng tâm tập trung, đưa tâm vào định để thành tựu trí tuệ giác ngộ giải thoát nên gọi là tính xấu.

Đây là những “Tâm sở bất thiện”. Nói cho dễ hiểu là những tâm xấu tính ác trong mỗi con người chúng ta. Nhiều người hiểu lầm, cho rằng những tính xấu này là chính mình và mình bị những tính xấu này sai sử làm cho mình khổ đau triền miên và còn làm cho những người khác khổ đau hơn.

Còn hàng thứ năm, từ Hối đến Tứ là tính trung gian giữa thiện và ác, là tính bất định. Thuận theo cảnh thiện thành thiện, duyên theo duyên theo ác thành ác. Ví dụ như “Hối”, nếu đã làm việc sai trái, tổn hại người khác mà nghĩ lại biết hối hận thì là Thiện; nếu phát tâm đem tiền của cúng Tam bảo, giúp người nghèo khổ, sau tiếc tiền của mà hối hận thì là Bất thiện.

Thật ra, ta phải thấu rõ, những tâm xấu này không phải là chính ta, nó không thật có, do vô minh nhiều đời huân tập mà thành. Nó như bụi bặm bám chặt vào kiếng tâm ta lâu ngày, làm cho kiếng tâm mờ tối, dơ bẩn. Nhưng vẫn không thể làm mất bản chất sáng suốt của kiếng. Khi ta lau sạch bụi bặm bám vào kiếng, thì kiếng sẽ trong sạch sáng suốt. Cũng vậy, nếu hàng ngày ta sống với tính Phật của ta, những tâm hư tính xấu không bám vào tâm ta được nữa, thì tự tính trí huệ thanh tịnh sáng suốt chiếu soi khiến cho tối tăm vô minh phút chốc bị quét sạch không, tính Phật hiển bày, thấu suốt chân tâm ta mãi mãi được an vui tự tại không còn bị khổ đau phiền não quấy nhiễu. Điều này khiến cuộc sống chúng ta vô cùng tuyệt vời, không ngôn ngữ nào có thể diễn tả hết được.

Tóm lại, hàng ngày, ai sống với tâm Phật, tính thiện là đang đi trên con đường sáng Phật dạy, Trí Phước của họ ngày càng tang trưởng, cuộc sống của họ ngày càng tốt đẹp an vui hơn lên, dần dần tăng trưởng phước trí thuận hướng giác ngộ giải thoát Niết-bàn.

Ngược lại, hàng ngày, ai không tỉnh giác tu tập, bị sai sử bởi những tính xấu ác, gây ra khổ đau cho người khác, là họ đang từng bước đi vào cửa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Phước Trí giảm dần, nghiệp ác gia tăng, cuộc sống ngày càng khổ đau nhiều hơn, không ai cứu giúp được họ.

Đường an vui hạnh phúc hay khổ đau, triền miên bất tận, do chúng ta quyết định.

Ai thấu rõ các pháp

Bản chất của tâm thức

Những tâm sở bất thiện

Cả tâm hành tích cực

Thường biến đổi trong ta

Nhanh chóng và hư huyền

Người ấy dần làm chủ

Tự tại và thông dong! ■

Thấp thoáng Lời Kinh

Thấy Phật A-súc

ĐỖ HỒNG NGỌC

1.

Lúc ấy, Thế Tôn hỏi Duy-ma-cật: *“Nhu ông muốn thấy Như Lai thì quán Như Lai bằng cách nào?”*

Duy-ma-cật thưa: *“Nhu tự quán cái tướng thật của thân, quán Phật cũng như vậy...”*

Phật đã không hỏi *“Nhu ông muốn thấy Phật thì quán Phật bằng cách nào?”* mà hỏi *“quán Như Lai”* bằng cách nào.

Tuy Phật cũng là Như Lai nhưng Như Lai không phải Phật. Như Lai là Như Lai: *“vô sở tùng lai diệt vô sở khứ”*, chẳng đến từ đâu, chẳng đi về đâu...

Phật không hỏi về cách *“quán Phật”* nhưng Duy-ma-cật vẫn trả lời: *“quán Phật cũng như vậy”*, nghĩa là cũng như quán cái *Thật Tướng* của chính bản thân mình, không khác.

Cái *“thật tướng”* của bản thân mình? Phải, cái *thật tướng* ấy chính là Pháp thân, không phải là cái *“giả tướng”* thiên hình vạn trạng do vọng tưởng tạo nên!

Thấy và quán khác nhau. Muốn *“thấy”* Như Lai thì phải *“quán”* chứ không thể nhìn bằng mắt thịt (nhục nhãn) được. Nhìn Phật có thể thấy 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp gì gì đó, cũng chỉ là *“giả tướng”*.

Khi Phật thấy biết Như Lai thì Phật bèn cười tùm tùm, thôi nhé, đừng làm phiền ta nữa nhé. Và từ đó, với lòng Từ bi vô hạn, Phật mong *“khai thị”* cho tất cả chúng sanh được *“ngộ nhập”* như mình, nghĩa là cũng trở thành Phật như mình.

Khi gặp Phật thì ta kính lễ (Kính lễ chư Phật), còn khi gặp Như Lai ta chỉ còn có cách xưng tán, trầm trồ, khen ngợi, gật gù, không biết nói gì hơn! (Xưng tán Như Lai!).

Muốn làm Pháp sư thì phải đủ ba điều kiện: *“vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai”*, chứ không phải vào nhà Phật, mặc áo Phật... Với Như Lai: *“chẳng có thể dùng trí mà hiểu, chẳng có thể dùng thức mà biết. Không thể dùng lời nói mà phân biệt, mà chỉ rõ”*. Cho nên chỉ còn có cách *“quán”*: nhìn sâu vào bên trong, nhìn xuyên qua cái giả tướng bên ngoài, *“kiến tướng phi tướng”*.

Mà *“quán”* Như Lai thì từ thân mình mà quán, từ thấy biết thực tướng của chính bản thân mình mà thấy biết Như Lai, chứ tìm kiếm đâu xa cho mất công.

Cho nên Phật dạy: hãy nương tựa chính mình!

Duy-ma-cật nói rõ hơn: Con quán Như Lai như thế này: Lúc trước chẳng lại, lúc sau chẳng đi, hiện nay chẳng trụ (*không có thời gian*). Chẳng quán Sắc, chẳng quán lễ Như của Sắc, chẳng quán Tánh của Sắc. Chẳng quán tánh của Thọ, Tưởng, Hành, Thức, cho đến chẳng quán tánh như của thức. (*không phải ngũ uẩn*) Chẳng phải do Bốn đại khởi lên. (*không phải tứ đại*) Bốn đại ấy đồng với hư không. Sáu nhập không chứa giữ gì cả. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm đã vượt qua (*không sáu căn sáu trần*) chẳng ở tại Ba cõi. Ba cấu nhiễm đã lìa, thuận theo Ba môn giải thoát, đầy đủ Ba minh. Ba minh ấy đồng với vô minh (*Vô minh thực tánh tức Phật tánh / Ảo hóa không thân tức Pháp thân* (Huyền Giác)). Chẳng phải một tướng duy nhất, chẳng phải nhiều tướng khác nhau. Chẳng phải tướng mình, chẳng phải tướng kẻ khác. Chẳng phải không có tướng, chẳng phải giữ lấy tướng. Chẳng ở bên này, chẳng ở bên kia, chẳng ở giữa dòng (*không không gian*) nhưng giáo hóa chúng sinh. Quán lễ tịch diệt, cũng chẳng tịch diệt mãi. Chẳng phải thế này, chẳng phải thế kia. Chẳng dùng cái này, chẳng dùng cái kia. Chẳng có thể dùng trí mà hiểu, chẳng có thể dùng thức mà biết. Không tối, không sáng. Không danh, không tướng. Không mạnh, không yếu. Không sạch, không dơ. Chẳng ở tại phương vị, chẳng lìa khỏi phương vị. Chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi. Không chỉ, không nói. Chẳng bố thí, chẳng keo lận. Chẳng trì giới, chẳng phạm giới. Chẳng nhẫn nhịn, chẳng giận hờn. Chẳng tinh tấn, chẳng giải đãi. Chẳng định, chẳng loạn. Chẳng trí, chẳng ngu. Chẳng thành thật, chẳng dối trá. Chẳng lại, chẳng đi. Chẳng ra, chẳng vào. Tất cả ngôn ngữ đàm luận đều dứt. Chẳng phải ruộng phước, chẳng phải chẳng là ruộng phước. Chẳng phải đáng nhận sự cúng dường, chẳng phải chẳng đáng nhận sự cúng dường. Chẳng giữ, chẳng bỏ. Chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng. Đồng với sự chân thật, ngang với tánh các pháp. Không thể cân, không thể lường, vượt quá sự cân lường. Chẳng phải lớn, chẳng phải nhỏ. Chẳng phải thấy, chẳng phải nghe. Chẳng phải hiểu, chẳng phải biết. Lìa các việc trói buộc. Các trí đều bình đẳng, đồng với chúng sinh. Không phân biệt các pháp, tất cả đều không mất. Không trước, không nào. Không tác, không khởi. Không sinh, không diệt. Không sợ, không lo. Không vui thích, không chán ngán. Không có việc

đã qua, không có việc sẽ tới, không có việc hiện nay. Không thể dùng lời nói mà phân biệt, mà chỉ rõ.

“Thế Tôn! Thân Như Lai là như thế. Theo đúng như vậy, dùng phép quán như vậy, gọi là chánh quán. Nếu theo phép quán khác, gọi là tà quán.”

Bởi chỉ cần quán cái *thực tướng* của bản thân mình cũng đủ thấy biết Như Lai nên Duy-ma-cật mới giả bệnh (thân bệnh), để giúp mọi người phát hiện: Ủa cái thân mình vậy đó sao? Nếu chỉ thấy cái tướng giả của thân mình đi đứng nằm ngồi nói năng suy nghĩ tranh luận cãi cọ đấu đá giành giật tham lam sân hận si mê... thì không thể thấy cái thật tướng của thân. Vì thật tướng của thân thì vắng lặng, tịch tịnh, bất sinh bất diệt, vô thủy vô chung, chính là Như Lai Đa Bảo ngồi cười tùm tùm vốn vả bắt tay Phật Thích-ca mời vào ngồi cạnh mình bên trong tháp báu!

Khi quán *thật tướng* của tự thân thì sẽ thấy gì? Thấy hóa ra chỉ là tứ đại, ngũ uẩn. Hóa ra chỉ là một sự lắp ráp tạm thời. Đất, nước, gió, lửa, chính là Oxygen, Hydrogen, Carbone, Nitrogen... C,H,O,N các “chất liệu” chủ yếu tạo ra protéine của sự sống với khoảng 60 nguyên tố đồng chi sắt kẽm ma-nhê, mangan... lưu huỳnh, calcium, phospho, muối... các thứ! Và chúng do duyên mà hợp thành một cái ta mong manh, giả tạm, đi đứng nằm ngồi, nói năng, xum xoe tranh luận đấu đá giành giật cho não nhiệt chồn Ta-bà. Ở các sinh vật khác cũng vậy, cũng chừng ấy nguyên liệu gia giảm chút đỉnh. Bộ *gien* của chuột có đến 97,5% giống bộ *gien* người, bộ *gien* của cây sồi có đến 70% *gien* người... Nhưng, không dừng ở đó, đào sâu thêm chút nữa là các electron, neutron chạy xà quần và sâu thêm chút nữa sẽ là hạ nguyên tử, lượng tử, hạt, sóng các thứ, sau cùng, ồ thì ra một trường năng lượng vô thường vô ngã, không, vô tướng... Tóm lại, “bổn lai vô nhất vật”. Thực tướng là vậy đó.

Thế nhưng, vô tướng mà vẫn có tướng. Chân không mà diệu hữu. Diệu hữu mà chân không!

Như Lai “*chẳng có thể dùng trí mà hiểu, chẳng có thể dùng thức mà biết, không thể dùng lời nói mà phân biệt, mà chỉ rõ*”.

Tuy nhiên có kẻ buông dao thành Phật, có kẻ tình cờ một hôm nhận ra Như Lai trong cái bông búp tằm thường hàng ngày qua lại, có kẻ giật mình nghe Như Lai qua tiếng gió, có người ngộ Như Lai qua tiếng ngói vỡ, bóng trăng đáy nước, dấu chân chim giữa không trung...!

Phật cũng là Như Lai. Ấy là khi Phật sống trong *thực tướng*, trong Pháp thân của chính mình, là khi Phật sống cùng Như Lai, với Như Lai. Trước khi thuyết giảng, bao giờ Phật cũng nhập vào Tam-muội. Lúc đó Phật là Như Lai nhưng đành mượn ngôn ngữ làm phương tiện. Cho nên nhiều khi giảng xong Phật bảo “nói vậy mà chẳng phải vậy đâu nhé”, *tức phi thị danh thời, đừng có bám chấp!*



2.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất hỏi Duy-ma-cật: “Ông trước mắt ở đâu mà sanh lại nơi đây?” (nhữ ư hà một nhi lai sanh thử?).

Duy-ma-cật nói: “Trong chỗ đặc pháp của ông, có việc mất và sanh chăng?”

Xá-lợi-phất nói: “Không có mất và sanh”.

Duy-ma-cật nói: “Nếu trong các pháp không có tướng thác và sanh, sao ông lại hỏi tôi: ‘Mất ở chốn nào mà sanh lại nơi đây?’ Ý ông thế nào? Ví như một vị ảo sư hóa ra kẻ nam, người nữ. Đó có phải là thác rồi sanh lại chăng?”

Xá-lợi-phất nói: “Không có thác và sanh”.

Duy-ma-cật nói: “Ông há chẳng nghe Phật dạy các pháp đều như tướng ảo hóa đó sao?”

Xá-lợi-phất nói: “Đúng như vậy”.

Duy-ma-cật nói: “Nếu tất cả pháp đều như tướng ảo hóa, tại sao ông lại hỏi tôi rằng: ‘Thác ở chốn nào mà sanh lại đây?’”.

“Xá-lợi-phất! Thác chỉ là pháp hư dối, là tướng suy tàn và hoại diệt; sanh cũng chỉ là pháp hư dối, là tướng tương tục, nối tiếp. Bồ-tát tuy ‘thác’ nhưng chẳng hết cội lành, tuy ‘sanh’ nhưng chẳng thêm việc dữ”.

Quả vậy. Bài học Phật đã dạy cho các Bồ-tát Chúng Hương, mà cũng là cho tất cả các vị đệ tử, Bồ-tát xuất gia, tại gia hôm nay chính là “Bất tận hữu vi, bất trụ vô vi”.



“Bồ-tát ở tại sanh tử mà chẳng làm việc ô trược, trụ nơi Niết-bàn mà chẳng diệt độ mãi. Chẳng phải hạnh phàm phu, mà cũng chẳng phải hạnh hiền thánh! Chẳng cầu uế, chẳng thanh tịnh”.

“Bồ-tát tuy vượt khỏi hạnh của ma, mà vẫn thị hiện hàng phục chúng ma. Tuy quán mười hai duyên khởi, nhưng cũng vào các tà kiến! Tuy nhiếp phục tất cả chúng sinh mà chẳng luyến ái chấp trước. Tuy

ưa mến cuộc xa lìa, nhưng chẳng nương theo lẽ thân tâm dứt hết...!”.

Cho nên không có chuyện mất với còn, thác với sanh. Người ta không nên hỏi Bồ-tát như thế. Xá-lợi-phất cũng chỉ giả vờ hỏi để “đặt vấn đề” về vai trò Bồ-tát “bất tận hữu vi, bất trụ vô vi” như thế nào, nhằm nhắc lại bài học Phật đã dạy trước đó, đặc biệt cho Bảo Tích và năm trăm vị “Bồ-tát tại gia tương lai” hôm ấy ở Tỳ-da-ly.

Vì “bất tận hữu vi” nên chẳng ngại cội Ta-bà uế trược, vì “bất trụ vô vi” nên vẫn thênh thang một cội đi về!

Câu hỏi đặt ra của Xá-lợi-phất giúp Duy-ma-cật nhắc lại: Phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Cái gì có “tướng” thì chắc chắn là hư dối, là vọng tưởng. Thác với sinh, mất với còn, nam với nữ... là ảo hóa. “Ảo hóa không thân tức Pháp thân / Pháp thân giác liễu vô nhất vật”, cho nên Huệ Năng đã reo lên khi thấy biết Pháp thân, “tam Thân tứ Trí”.

Câu hỏi của Xá-lợi-phất đặt ra cho Duy-ma-cật “nhữ ư hà một nhi lai sanh thứ?” không chỉ có nghĩa nói về “sanh tử”, mà chỉ hàm ý hỏi ông từ đâu đến đây, từ đâu hiện ra mà hay quá, mà giỏi quá vậy? Nhờ gì mà một Duy-ma-cật giữa chốn Ta-bà ô trược lại thành tựu được chúng sanh không khó nhọc, trở thành một “điển hình” cho các Bồ-tát tại gia tương lai học tập nhằm tạo nên

một lửa đệ tử mới trẻ trung năng động truyền bá chánh pháp của Phật, giúp chúng sanh an vui hạnh phúc giữa cội Ta-bà đầy gian nan vọng động này?

Duy-ma-cật khiêm tốn, không tiết lộ mình từ đâu đến, mình nhờ đâu mà có được những thành tựu ngoạn mục như vậy thì Phật đã chỉ ra:

“Có một cội gọi là Diệu Hỷ, Đức Phật ở đó hiệu là Vô Động. Duy-ma-cật đây thác ở nước ấy mà sanh lại đây”.

Thì ra Duy-ma-cật đã từ đó. Từ một cội Tịnh độ gọi là Diệu hỷ - niềm vui kỳ diệu, bất tận - nhờ học với một vị Phật gọi là Phật Vô Động, Vô Nộ, Bất Động (Aksobhya) đó thôi!

Dĩ nhiên nhờ đó mà tuy ở cội Ta-bà náo nhiệt, một đại gia vợ con sản nghiệp đùm đê mà vẫn “như như bất động”, vẫn “kiến tướng phi tướng” thấy biết được Như Lai: “Pháp hỷ là vợ nhà/ Từ bi là con gái / Tâm thiện là con trai / Không tịch là nhà / Trần lao là đệ tử...”. Một người như vậy, rõ ràng đang sống cùng, sống với, sống trong Như Lai Vô Động!

Xá-lợi-phất nói: “Chưa từng có vậy! Thế Tôn! Người này (Duy-ma-cật) há có thể bỏ cội thanh tịnh mà vui lòng sanh lại chốn nhiều sân hại này sao?”.

“Chốn nhiều sân hại”? Đúng vậy. Trong “tham, sân, si, mạn, nghi” thì sân chính là nguy cơ lớn nhất làm sụp đổ mọi đạo hạnh của một vị Bồ-tát. Dĩ nhiên Bồ-tát vẫn biết sân chứ, nhưng biết là mình đang sân, chỉ thị hiện vậy thôi, để làm “Phật sự” thì được, chớ “sân” đến nổi bầm gan tím ruột, đỏ mặt tía tai, tăng huyết áp... thì không nên. Sân là một cảm xúc mạnh, bùng nổ nhất, tạo nghiệp qua thân khẩu ý không kiềm chế được, đưa đến nhiều tác hại cho Thân và Tâm. Nếu tham dẫn đến ngã quý, Si dẫn đến súc sanh thì Sân mới dẫn người ta vào ngay địa ngục! Chín chục phần trăm bệnh lý của con người là có nguồn gốc từ stress. Giận thì “dữ”, tức thì “tối”. Mất ăn mất ngủ. Tiểu đường. Tăng huyết áp. Suy nhược thần kinh. Trầm cảm... Cội Ta-bà thì vì sân mà khủng bố, chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh... ngày càng phát triển trong một thế giới phẳng, toàn cầu hóa hiện nay. Cho nên đã đến lúc Phật Vô Động, Vô Nộ... xuất hiện! Bất chánh đạo, Chánh định là con đường giải thoát.

3.

Vì thấy đại chúng lấy làm khát ngưỡng, muốn nhìn thấy thế giới Diệu Hỷ với Đức Như Lai Vô Động và chúng Bồ-tát, Thanh văn của Ngài, Đức Phật bảo Duy-ma-cật: “Thiện nam tử! Ông hãy vì chúng hội này, hiện ra nước Diệu Hỷ với Đức Như Lai Vô Động và chúng Bồ-tát, Thanh văn của ngài. Đại chúng đây đều muốn thấy như vậy”.

Duy-ma-cật liền vào tam-muội, chánh định. Ở đó, ông mới trở về được với Phật Vô Động rồi “bút” lấy một chùm mang xuống Ta-bà cho mọi người coi chơi!

Không có cái cội Diệu Hỷ nào cả! Nó ở ngay trong cội Ta-bà đó thôi. Nên khi Duy-ma-cật rình nó đi thì chỉ

có các vị Đại đệ tử, các Bồ-tát mới thấy... rúng động, còn mọi người vẫn thản nhiên như không!

Lúc ấy, Phật Thích-ca Mâu-ni nói với đại chúng rằng: “Các ông hãy nhìn xem thế giới Diệu Hỷ với Đức Như Lai Vô Động. Nước của ngài trang nghiêm tốt đẹp, Bồ-tát thì giữ hạnh trong sạch, chư đệ tử đều thanh bạch”.

Đại chúng đều thưa: “Dạ, chúng con đã thấy như vậy”.

Phật dạy: “Nếu Bồ-tát muốn được cõi Phật thanh tịnh như vậy, nên học theo đạo mà Đức Như Lai Vô Động đã làm”.

Phật bảo Xá-lợi-phất: “Ông có nhìn thấy thế giới Diệu Hỷ với Đức Phật Vô Động chẳng?”.

Xá-lợi-phất bạch rằng: “Dạ, đã thấy. Thế Tôn! Con nguyện cho tất cả chúng sinh đều được cõi thanh tịnh như Phật Vô Động! Nguyện cho tất cả đều được sức thần thông như Duy-ma-cật”.

Đức Phật liền thọ ký cho tất cả: “Các ông sẽ được sanh về nước ấy”.

Xá-lợi-phất như thay mặt mọi người nói: “*Thế Tôn! Chúng con lấy làm khoái mà có sự ích lợi tốt lành là được nhìn thấy người này, được thân cận và cúng dường người này (tức Duy-ma-cật). Những chúng sinh nào, hoặc ở đời hiện tại này, hoặc sau khi Phật diệt độ, mà nghe được kinh này, cũng sẽ được sự ích lợi tốt lành như vậy. Huống chi đã nghe rồi, mà còn tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, như pháp mà tu hành?... Những ai sao chép và gìn giữ quyển*

kinh này, nên biết rằng nơi người ấy cư ngụ tất có Đức Như Lai. Nếu ai nghe kinh này mà tỏ ý vui, đấng người ấy hướng về địa vị của bậc Nhất thiết trí. Nếu ai tin và hiểu kinh này, cho đến chỉ cần một bài kệ bốn câu và diễn giải với kẻ khác, nên biết rằng người ấy chắc chắn sẽ được thọ ký quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.

4.

Duy-ma-cật giả bệnh rên hừ hừ nói: “*Các nhân giả! Thân này đáng lo, đáng chán, mà nên ưa thích thân Phật. Tại sao vậy? Thân Phật tức là Pháp thân. Do vô lượng pháp thanh tịnh mà thân Như Lai sinh ra.*

“Các nhân giả! Muốn được thân Phật dứt hết các bệnh của chúng sinh, nên phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.

Lúc ấy, Phật bảo Bồ Tát Di-lặc: “Di-lặc! Nay ta đem pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề đã kết tập trong vô lượng ức a-tăng-kỳ kiếp mà phó chúc cho ông...”.

Rồi quay sang bảo A-nan: “Hãy thọ trì kinh này và lưu hành giảng thuyết rộng rãi”.

Chỉ riêng Kinh Duy-ma-cật sở thuyết hay Pháp môn giải thoát bất khả tư nghị này Phật mới giao cho cả Bồ-tát lẫn Thanh văn, không phân biệt!

Om Aksobhya Hum! ■





Ngài Cẩn Tín hầu và Cửu vị thần công

Bài & ảnh: ĐỖ MINH ĐIỀN

Ngày 1/10/2012, một tin vui khi bộ *Cửu vị thần công* là một trong 30 hiện vật và nhóm hiện vật đã được công nhận là *Bảo vật Quốc gia Việt Nam*. Đây là bộ tác phẩm bằng đồng không những có giá trị về mặt lịch sử mà còn có giá trị về mặt nghệ thuật hết sức to lớn. Hiện tại cả chín khẩu súng bằng đồng này được đặt ở vị trí phía sau hai cửa Thể Nhơn và cửa Quảng Đức. Theo sách *Đại Nam thực lục* thì chín khẩu súng này được đích thân vua Gia Long cho đúc vào năm Quý Hợi [31/01/1803] đến cuối tháng 12 năm Gia Long thứ 3 [1804] thì hoàn thành. Hiện nay, trên phần giá súng, thân súng chúng ta vẫn dễ dàng nhận thấy những dòng chữ Hán được đúc nổi khắc các nội dung như bài minh nói về lý do đúc súng, tên riêng của súng, trọng lượng, cách thức sử dụng súng. Đặc biệt phần trên thân súng (cách quai súng khoảng 14cm) còn ghi rõ danh tánh,

chức tước của bốn người trong hội đồng đốc công chế tạo súng, gồm có các ngài: Khiêm Hòa hầu Nguyễn Văn Khiêm, Cẩn Thận hầu Hoàng Văn Cẩn, Hiếu Thuận hầu Cái Văn Hiếu và Cẩn Tín hầu Phan Tấn Cẩn.

Cho đến thời điểm hiện nay, có rất nhiều công trình nghiên cứu, bài viết đã được công bố trên nhiều chuyên san, tạp chí... khác nhau, với nội dung khảo tả về quá trình ra đời cũng như một số đặc điểm liên quan đến bộ Cửu vị thần công này. Tuy nhiên, việc khảo sát, tìm hiểu cuộc đời và sự nghiệp của bốn người trong Hội đồng đốc công, đã có vai trò rất to lớn trong việc chế tạo súng, thì dường như vẫn nhận được rất ít sự quan tâm. Trong bài viết này, với nguồn tư liệu khá hạn hẹp, chúng tôi xin mạn phép được bày tỏ một số ít hiểu biết của mình về cuộc đời và sự nghiệp của ngài Cẩn Tín hầu Phan Tấn Cẩn, một người con ưu tú trên mảnh đất cố đô.

1 Cuộc đời và hành trạng của ngài Cẩn Tín hầu Phan Tấn Cẩn

Ngài Cẩn Tín hầu Phan Tấn Cẩn [1752 – 1816], sinh ra và lớn lên tại làng Đốc Sơ (nay thuộc phường An Hòa, thành phố Huế). Sách *Đại Nam liệt truyện chính biên* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, chép khá vắn tắt về cuộc đời của cụ: “Phan Tiến Cẩn, người huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, có tiếng là quan lại giỏi, lúc đầu vào Gia Định bổ làm Cầu kê ty nội sử ở Chính doanh. Năm Bính Thìn [1796], theo chức cũ sung làm Ứng hậu ở hậu điện, thăng làm Cai bạ coi quản việc Đồ gia, coi các thợ đúc đồ binh khí, rồi thăng Tham tri Bộ Công kiêm lý Đồ gia. Có tội phải thiên xuống làm Cai bạ nhưng vẫn kiêm lý Đồ gia. Năm thứ 12 [1813], được khởi phục làm Tham tri Bộ Công, vẫn kiêm coi việc Đồ gia như cũ. Mùa đông năm thứ 14 [1815], vì ốm nên xin về hưu, được vào chầu hầu, rồi chết. Con là Tiến Kế”. Từ những thông tin ít ỏi nhưng cũng rất quý báu này của các sử quan nhà Nguyễn, chúng tôi đã tìm về làng Đốc Sơ, để cố gắng tra cứu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của cụ.

Trong một bài viết gần đây dưới nhan đề *Trở lại Cửu vị thần công ở Huế* của nhà nghiên cứu Trần Viết Điền in trong cuốn *Những vấn đề lịch sử về triều đại cuối cùng ở Việt Nam*, do Trung tâm BTĐT Cố đô Huế kết hợp với Tạp chí *Xưa và Nay* hợp tác ấn hành [2002], đã cung cấp rất nhiều thông tin xung quanh tiểu sử và hành trạng của ngài Cẩn Tín hầu. Dưới đây, chúng tôi xin căn cứ trên các nguồn tài liệu của Quốc sử quán triều Nguyễn, bản *Gia phả Phan phái, Nhánh thứ tư* của Phan Tấn tộc, đối chiếu với nguồn tư liệu thực địa và một số tài liệu liên quan để phác thảo thêm phần nào cuộc đời của cụ Phan Tấn Cẩn.

Cụ Cẩn Tín hầu sinh vào ngày 15 tháng 07 năm Nhâm Thân [1752], tức vào thời kỳ chấp chính của chúa Nguyễn Phúc Khoát [1738 – 1765] ở Đàng Trong. Theo gia phả của họ Phan³ hiện đang lưu giữ tại nhà thờ nhánh của dòng họ Phan Tấn và những dòng chữ khắc trên bia mộ thì ngài có tên húy là Hoát, tên chữ là Cẩn. Tuy nhiên, sách *Đại Nam thực lục, Đại Nam liệt truyện chính biên* lại chép tên cụ là Phan Tiến Cẩn. Thân sinh của ngài là cụ ông Phan Tấn Bửu [1709 – 1757] và cụ bà Nguyễn Thị Thích, là cháu nội của cụ tổ Phan Tấn Sĩ, trưởng nhánh 4 (nhánh út) dòng họ Phan Tấn làng Đốc Sơ. Như vậy, thì ngài thuộc đời thứ 3.

Lúc lên sáu tuổi thì thân phụ mất, mẹ lưu lạc, ngài phải theo mẹ kế là bà Nguyễn Thị Trấp về ở với cụ Cai đội Lương Văn Miên và theo “*học nghề rèn, rồi học chữ cho đến năm 15 tuổi*”. Đến năm Tân Mão [1771], cụ Lương Văn Miên cưới vợ cho ngài là bà Mai Thị Thục, trưởng nữ của cụ Mai Đức Đàm, quê ở Vạn Xuân, Hương Trà, Thừa Thiên. Từ thuở nhỏ ngài nổi tiếng là thông minh và rất ham học, sớm bộc lộ năng khiếu về kỹ nghệ cơ khí. Ngài lớn lên trong một giai đoạn rối ren của nước nhà. Các cuộc chiến tranh giành quyền lực giữa các tập

đoàn phong kiến vào thời kỳ này đã đẩy những người dân nghèo khổ lâm vào cảnh nạn binh đao, khói lửa và chết chóc. Gia phả cũng cho biết, gặp lúc “*Tây Sơn khởi nghĩa, khi ấy ngài đã 28 tuổi [1779], ngài cùng vợ và hai ông em vợ người An Hòa là ông Mai Đức Duật và ông Mai Đức Nghi, bỏ nhà cửa, đem thân thuộc theo tàu buôn vào Nam ứng chiến. Hai ông Mai Đức Duật và Mai Đức Nghi tham gia vào đội quân chiến đấu với Tây Sơn. Thất bại, Nguyễn Ánh chạy qua Vọng Các (Xiêm La), hai ông họ Mai cùng chạy theo Nguyễn Ánh. Còn ngài theo không kịp, nên cùng với vợ theo bà Hiếu Khương hoàng hậu ra đảo Phú Quốc*”. Sau đó, bà Mai Thị Thục ở lại đảo phụng thị bà hoàng hậu, còn ngài trở về Gia Định, cùng các quan thương nghị mưu lược đối phó với Tây Sơn. Năm Mậu Thân [1788], ngài vâng lệnh chúa Nguyễn Ánh chế tạo binh khí và sửa chữa quân nhu. Đến năm 1792, ngài được thăng chức Chánh dinh nội lệnh ty câu kê, tước là Cẩn Tín bá. Cùng thời điểm này, ngài được đặc trách cùng một số vị quan lại khác nhận trách nhiệm thu thuế, thu mua lúa gạo, cau và một số vật phẩm khác để phục vụ cho quân đội. Đến năm Bính Thìn [1796], sung chức Ứng hậu ở hậu điện, cùng năm đó, ngài vâng lệnh chúa Nguyễn Ánh ra đảo Phú Quốc nghinh rước bà Hiếu Khang hoàng hậu cùng với bà Mai Thị Thục. Với tài năng, đức độ của mình, ngài được quân sĩ hết lòng cảm phục, thương yêu và quý trọng. Do đạt được nhiều thành tích, năm 1799, ngài được thăng Chánh dinh Cai bạ, thuộc Nội cai đội quản Đồ gia, tham gia vào việc đúc binh khí, súng đạn kiêm quản lý chế tạo tàu thuyền, quân nhu. Sau ngày vua Gia Long đánh bại vương triều Tây Sơn, thống nhất hải vũ, định đô ở Phú Xuân (Huế), thì ngài cùng với gia quyến trở về cố hương sau bao năm dài xa cách, và đến năm 1801, “*ông được thăng Chánh dinh cai bạ thập*”.

Năm Quý Hợi [1803], ngài được thăng Tham tri Bộ Công kiêm lý Đồ gia, cùng thời điểm này ngài được giao trọng trách cùng với Nguyễn Văn Khiêm, Hoàng Văn Cẩn, Cái Văn Hiếu đốc bộ Cửu vị thần công. Cũng vào năm đó, vâng chiếu vua Gia Long, ngài vào Diên Khánh (Khánh Hòa) cứu trợ phụ lão tàn tật, cô nhi, khi trở về được vua ban khen, trọng thưởng. Sau vì phạm tội nên giáng xuống làm Cai bạ nhưng vẫn coi quản công việc ở Đồ gia. Nguyên nhân của việc giáng cấp này là trước đó, năm 1811, ngài được giao nhiệm vụ Quản đốc trông nom việc đúc gạch ngói. Nhưng vì lỗi để cho “*gạch sống*”, chuyện truyền đến tai vua, ngài bị trách cứ và giáng cấp. Mãi đến năm Gia Long thứ 12 [1813], ngài mới được khôi phục chức Tham tri Bộ Công. Đợt bổ dụng, cải tổ về mặt nhân sự vào năm này (Quý Dậu [Gia Long năm thứ 12 – 1813]) đã được ghi chép rất cụ thể, “*Cai bạ Đồ gia là Phan Tiến Cẩn và Cai bạ Quảng Trị là Đoàn Viết Nguyên đều làm Hữu Tham tri Bộ Công, Tiến Cẩn vẫn quản Đồ gia*”. Năm 1815, ngài dâng sớ xin hồi hương dưỡng lão, vua Gia Long liền chuẩn tấu.

Ngày 09 tháng 06 năm Bính Tý [1816], sau một thời gian an dưỡng, ngài thọ bệnh, thuốc thang không thuyên giảm và đã trút hơi thở cuối cùng vào hồi bốn giờ chiều, hưởng thọ 65 tuổi. Khi hay tin ngài qua đời, vua Gia Long vô cùng thương xót, lệnh cấp ban tiền tuất, vải vóc, gấm lụa, sai quan đến tế. Linh cữu quàn tại tư gia cho đến tháng 11 mới an táng. Mộ ngài táng tại xứ Mụ Kiếm, tục gọi là lăng Đồi. Ngài có tất cả là 5 bà vợ và sanh hạ được 12 người con.

Đối với quê hương bản quán, ngài có công lao rất lớn trong việc chăm lo đời sống, ổn định sản xuất của nhân dân. Đương thời, ngài đã cho đào hệ thống kênh mương nước “*dẫn thủy nhập điền*”, bắt đầu từ làng Đốc Sơ kéo dài về đến vùng Hương Cẩn, nhằm phục vụ việc tưới tiêu cho ruộng lúa, hoa màu, tiêu úng thoát lũ trong mùa mưa bão và đảm bảo nhu cầu về nguồn nước dùng cho sinh hoạt của cư dân trong vùng. Ngoài ra, ngài còn phát tâm nguyện tu sửa đình chùa, miếu mạo, hỗ trợ chăm lo cho những hoàn cảnh éo le, gia đình gặp khó khăn... Sinh thời, ngài là một người sống nguyên tắc, rất nghiêm khắc, dạy dỗ con cháu có khuôn phép, tôn ti trật tự rất rõ ràng. Với bà con lối xóm, ngài hết mực thương yêu. Để tưởng nhớ công ơn to lớn của ngài, làng đã dành riêng một số ruộng đất hương hỏa để thường năm con cháu lo giỗ kỵ cho ngài. Làng, họ như thường lệ cứ hằng năm ngày húy kỵ của ngài đều sắm sửa lễ phẩm đến bái vọng. Ngày nay, nhiều thế hệ ở Đốc Sơ vẫn còn truyền tụng nhiều giai thoại về ngài với tất cả sự ngưỡng vọng, lòng kính trọng về một người con ưu tú của làng.

2 **Ngài Phan Tấn Cẩn**
và công lao trong việc đúc bộ Cửu vị thần công
Sách Đại Nam thực lục cho biết về bộ Cửu vị thần



công này như sau “*Quý Hợi, Gia Long năm thứ 2 [1803]... đúc chín khẩu súng bằng đồng (lấy bốn mùa và năm hành mà đặt tên, cái thứ nhất là Xuân, nặng hơn 17.700 cân, cái thứ hai là Hạ, nặng hơn 17.200 cân. Cái thứ ba là Thu, nặng hơn 18.400 cân, cái thứ tư là Đông, nặng hơn 17.800 cân, cái thứ năm là Mộc, nặng hơn 17.100 cân, cái thứ sáu là Hỏa, nặng hơn 17.200 cân, cái thứ bảy là Thổ, nặng hơn 17.800 cân, cái thứ tám là Kim, nặng hơn 17.600 cân, cái thứ chín là Thủy, nặng hơn 17.200 cân). Đúc xong, làm bài minh để ghi*”. Như vậy, chín khẩu súng bằng đồng này đều có tên riêng, khẩu nặng nhất có trọng lượng là 18.400 cân, khẩu nhẹ nhất 17.100 cân. Cả chín khẩu này có chiều dài là 5,10m, “*đường kính nòng 0,23m, nòng dày 0,034m, phía sau đo vòng quay được 2,60 m. Trên thân súng có sáu gờ nổi, có trang trí tám dải hoa văn chạy quanh thân súng. Giữa thân súng có gắn hai quai khắc hình hai con lân, uốn cong hình dấu ngã*”. Vào năm 1816, vua Gia Long phong tước cho các khẩu súng này là *Thần oai vô địch thượng tướng quân*.

Về tên tuổi của những người tham gia trong hội đồng đúc công chế tạo súng thì sách *Đại Nam thực lục* không thấy đề cập đến. Tuy nhiên, trên phần thân súng vẫn còn thấy rõ tên tuổi, chức tước của bốn người đảm trách nhiệm vụ đúc súng, trong đó có ngài Cẩn Tín hầu Phan Tấn Cẩn: “*Công bộ Tham tri kiêm lý đồ gia Cẩn Tín hầu Phan Tấn Cẩn phụng đồng sức*”.

Năm 1914, trên tạp san nghiên cứu *Bulletin Des Amis Du Vieux Hue* (BAVH), Giáo sư H. Lebris có đăng bài khảo cứu “*Các súng thần công của Kinh thành Huế*”. Đây là bài viết khá công phu và tỉ mỉ, mà tác giả là một học giả người Pháp đã cho người đọc thấy rõ từ thời gian, quá trình đúc, kích cỡ, trọng lượng súng, cách hướng dẫn nạp đạn đến quá trình di dời súng cũng như sự kính trọng của quân dân trước bộ “*Thần oai vô địch*” này.

Để đúc thành công 9 khẩu súng Thần oai vô địch này, vua Gia Long đã rất thận trọng, tinh tuyển lựa chọn ra những con người ưu tú, không chỉ vững vàng về trình độ chuyên môn mà còn hội tụ những đức tính cao đẹp (Khiêm hòa, Cẩn thận, Hiếu thuận, Cẩn tín) để có thể đặt trọn vẹn niềm tin vào họ. Thật vậy, bộ Cửu vị thần công là một kiệt tác bằng đồng có giá mỹ thuật hết sức quý báu, chắc hẳn ngày xưa triều đình đã phải trưng tập, huy động một lực lượng nhân công khá lớn và có trình độ chuyên môn cao. Để trở thành sản phẩm như chúng ta thấy được ngày hôm nay, hẳn cả một ê-kíp phải làm việc không biết mệt mỏi, từ khâu thiết kế bản vẽ đến tính toán hàm lượng đồng sử dụng, hình ảnh, họa tiết trang trí được cân nhắc hết sức tỉ mỉ. Đây là quá trình chuyển hóa những ý tưởng từ trên bản vẽ đến việc tạo khuôn, nấu đồng... cho đến lúc thành phẩm. Rõ ràng, đây là công lao của sự hiệp sức một đội ngũ lành nghề và vai trò của cụ Phan Tấn Cẩn trong hội đồng đúc súng này chiếm một vị trí rất quan trọng.

3 **Phần mộ ngài Phan Tấn Cẩn**

Chúng tôi đến viếng thăm phần mộ của ngài vào một buổi chiều đông rét mướt xứ Huế. Hiện phần mộ của ngài bị ngập trong nước với độ sâu hơn 32cm. Nguyên phần đất này có tên là xứ Mụ Kiếm, ngày xưa là cánh đồng canh tác ruộng lúa, hoa màu của làng Đốc Sơ. Sau này cùng với quá trình mở rộng thành phố Huế, nơi đây đón nhận nhiều luồng dân cư đến định cư sinh sống. Quá trình đắp nền, nâng móng xây dựng nhà cửa của nhiều hộ dân lân cận đã vô tình biến phần đất này thành một vùng đất trũng, ngập nước.

Phần mộ của ngài Phan Tấn Cẩn tọa lạc ở cuối kiệt số 62, đường Nguyễn Văn Linh, phường An Hòa, thành phố Huế. Đây là khu mộ có quy mô khá hoành tráng, trên một mặt bằng diện tích khoảng chừng 150m², mộ quay về hướng Bắc (hơi chệch về phía Đông). Diện mạo của khu lăng mộ này còn khá nguyên vẹn, dấu vết của hai lần trùng tu vào năm 1991 và năm 2002 theo chúng tôi nhận biết về cơ bản không làm biến dạng nhiều về cả quy mô, bố cục lẫn phong cách kiến trúc của lăng mộ. Trong cả hai lần trùng tu đó, con cháu trong họ tộc chỉ sửa sang, kiến thiết một số chi tiết nhỏ như dựng thêm tấm bia bằng chữ Quốc ngữ gắn liền với tấm bình phong hậu, xây dựng hệ thống thành bao bọc phía ngoài tránh sự xâm hại từ các tác nhân bên ngoài. Ngoài ra, phía trước mộ còn xây thêm hệ thống hành lang bảo vệ mặt tiền của ngôi mộ. Dựa vào phong cách kiến trúc, vật liệu, kỹ thuật xây dựng cũng như nghệ thuật trang trí, đặc biệt kiểu hình nấm mộ hiện còn góp phần xác nhận thời điểm xây dựng. Theo thiên ý, thì khu mộ này có phong cách khá đặc trưng, mà thực tế niên đại tương đối có thể xác định thì được xây dựng vào buổi đầu của thời kỳ nhà Nguyễn, tức vào khoảng nửa đầu thế kỷ XIX.

Khu lăng mộ này là nơi song táng (theo kiểu càn khôn hiệp đức) của ngài Phan Tấn Cẩn và phu nhân Mai Thị Thục. Tổng thể bố cục lăng gồm một thành bao bọc theo dạng phương hình với chiều dài 1.362cm (tính trong lòng), chiều cao 115cm và dày 82cm. Tấm bình phong án đặt trước mộ có kích thước khá lớn, đứng ở vị trí độc lập, với số đo lần lượt là cao 206cm, rộng 588cm và dày 85cm, khoảng cách từ tấm bình phong chính này đến nấm mộ khoảng 380cm. Trong khi đó, tấm bình phong hậu được xây dựng gắn liền với bức tường thành phía sau nhưng được thiết kế cao hơn so với phần la thành. Phần chính giữa của bức bình phong hậu có gắn tấm bia bằng chữ Quốc ngữ được kiến tạo trong lần trùng tu vào năm 1991. Kích thước của bức bình phong này mà chúng tôi đo được với chiều cao 212cm, rộng 612cm và nơi dày nhất là 86cm. Khoảng cách từ bình phong hậu đến nấm mộ là 201cm và khoảng cách từ la thành về cả hai phía đến nấm mộ là 165cm. Tất cả các mặt của la thành, hai tấm bình phong đều có thiết kế ô

học nhưng không điêu khắc trang trí các hình ảnh, đồ án họa tiết. Phần chính giữa là nấm mộ. Nấm mộ được thiết kế gồm hai phần: bệ nấm và mộ hình. Bệ nấm ở đây gồm 2 tầng theo dạng thức sàng hình xếp chồng lên nhau, tầng dưới cao đến 51cm, tầng trên cao 14cm. Trên phần bệ nấm này là phần cấu trúc mộ hình, được xây dựng dựa trên sự mô phỏng hình ảnh thu nhỏ của ngôi nhà truyền thống theo kiểu thức *thất hình*, bao gồm 4 mái, độ xuôi giữa các mái rất cân đối với phần bệ, điểm giáp ranh của hai mái được nối kết liền nhau rất hài hòa, tạo nên một ấn tượng của sự gắn kết bền vững. Về tổng thể, phần mộ hình có chiều cao 133cm, rộng 202cm, dài 280cm, riêng phần mái cao 75cm, rộng 110cm và dài 135cm.

Như vậy, đây là một trong những ngôi mộ có phong cách kiến trúc khá độc đáo, trải qua biết bao sự biến thiên của thời cuộc, diện mạo của khu lăng mộ này vẫn còn khá nguyên vẹn. Đặc biệt, qua kiểu thức phần mộ hình của lăng ngài Phan Tấn Cẩn có thể thấy được rằng mô thức kiến trúc này thể hiện tính điển hình trong phong cách xây dựng lăng mộ cuối thời chúa Nguyễn đến đầu thời các vua Nguyễn.

Ngày nay nhìn ngắm chín khẩu súng thần công này, bất chợt trong lòng tất cả du khách thập phương không thể không thán phục tài nghệ đúc đồng của bậc tiền nhân ngày xưa. Nhưng thiết nghĩ, mấy ai trong chúng ta có thể biết tường tận lai lịch của cả một hội đồng, đội ngũ thợ lành nghề đã rót hết tất cả tâm tư, trí tuệ cho chín khẩu súng này được thành công như ý nguyện. Chính vì vậy, rất cần có một hành động cụ thể thiết thực nhằm biểu dương, tưởng nhớ công lao của những con người trong nhóm hội đồng đốc công chế tạo súng thần công, trong đó có ngài Cẩn Tín hầu Phan Tấn Cẩn, một người con ưu tú của mảnh đất Thần kinh. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002) *"Đại Nam thực lục"*, tập 1, bản dịch của Nguyễn Ngọc Tĩnh, Nxb Giáo Dục.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn (1993) *"Đại Nam chính biên liệt truyện"*, tập 2, Nxb Thuận Hóa.
3. Hồ Vinh (1998) *"Dấu tích văn hóa thời Nguyễn"*, Nxb Thuận Hóa.
4. Trần Viết Điền (2002) *"Trở lại Cửu vị thần công ở Huế"*, in trong *"Những vấn đề lịch sử về triều đại cuối cùng ở Việt Nam"*, Trung tâm BTĐTCH Huế, Tạp chí Xưa và Nay hợp tác ấn hành.
5. Phan Thuận An (2008) *"Huế xưa và nay, di tích và danh thắng"*, Nxb Văn Hóa Thông Tin.
6. Phan Đình Tín (2007) *"Tư liệu họ Phan"*, bộ tài liệu tham khảo phục vụ Đại hội Phan tộc tỉnh Thừa Thiên Huế, bản đánh máy vi tính.
7. Giáo sư H. Lebris (1997) *"Các súng thần công của Kinh thành Huế"*, in trong *Bulletin Des Amis Du Vieux Hue* (BAVH), tập 1, Nxb Thuận Hóa.

Nghi lễ Then

của người Tày Quảng Ninh

Bài & ảnh: PHẠM HỌC

Người Tày là một tộc thiểu số trong 54 tộc người hình thành dân tộc Việt Nam, có địa bàn cư trú truyền thống ở các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc. Riêng tại Quảng Ninh, một tỉnh ven biển vùng Đông Bắc, người Tày có số dân đứng thứ ba trong số 34 tộc người có mặt ở tỉnh này, chỉ sau người Kinh và người Dao. Đặc biệt, trong cơ cấu dân số của huyện Bình Liêu tỉnh Quảng

Ninh, có tới quá nửa là người Tày. Đây cũng là một trong những yếu tố căn bản khiến nhiều nét văn hóa Tày đang được Bình Liêu gìn giữ và phát triển, trong đó có hát Then, một hình thức diễn xướng mang tính tín ngưỡng rất riêng của người Tày. Tháng 12-2012, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đưa hát Then vào danh mục Di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia.

Hát Then được người Tày Quảng Ninh gọi là “xướng Then”, có từ xa xưa trong đời sống tinh thần của người Tày, tồn tại theo hình thức truyền miệng trong dân gian từ đời này sang đời khác. Nhạc cụ kèm theo trong hoạt động diễn xướng này là cây đàn Then (còn gọi là Tính tẩu hay đàn Tính), dẫn đường cho lời hát mỗi khi *xướng Then*. Đàn Tính có hai dây, với hộp cộng hưởng âm khá đặc biệt được làm từ quả bầu. Diễn xướng Then cổ (Then nghi lễ) là nghi lễ diễn xướng nghệ thuật tổng hợp gồm có: hát, nhạc, nhảy múa, trang phục nhằm hướng tới một mục đích chữa bệnh, giải hạn, trừ hiểm họa, cầu tự, ban phúc lộc...

Bên cạnh việc cầu mong cuộc sống an bình, tốt đẹp của con người, nghi lễ Then còn đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa, văn nghệ và tâm linh tín ngưỡng trong cuộc sống hàng ngày của người Tày. Sự cuốn hút của diễn xướng Then cổ, ngoài yếu tố thiêng ra còn có sự tham gia của các yếu tố nghệ thuật. Mỗi nghi lễ Then dù ý nghĩa khác nhau nhưng đều có sức cuốn hút người thưởng thức một cách kỳ lạ. Mỗi làn điệu Then được sắp xếp thành các đoạn khác nhau, đi theo những đường khác nhau hay dùng những lời hát khác nhau nhưng đều tuân theo một bài bản và kết thúc đều có kết quả giống nhau. Có nghiên cứu cho rằng Then có nghĩa là Trời, và vì thế, điệu hát Then được coi là một điệu hát thần tiên, thuật lại một cuộc hành trình lên thiên giới để cầu xin một điều gì đó. Tất cả thể loại hát Then đều thể hiện việc một đoàn người ngựa có tổ chức đi qua cùng những đoạn đường như nhau: Lên rừng, lên núi, lên trời, đi săn bắn bắt lấy những con thú trên rừng về để giải hạn, khao tổ tiên và đoạn cuối cùng là qua biển hay còn gọi là khảm hải, cửa ải sau chót cần vượt qua để đến những nơi cần đến như: cửa mẹ sinh, vua cha Ngọc hoàng... tùy theo loại Then. Khi nào xong việc rồi thì lại thu hồi binh mã trở về khao binh là xong việc (khao lao).



Trong suốt cuộc hành trình dài của đoàn quân Then, tiếng đàn, tiếng hát có sức hút lạ kỳ. Người thường thức có thể tham dự nghi lễ thâu đêm suốt sáng mà không hề cảm thấy mệt mỏi. Lời Then có khi miêu tả cảnh tượng cờ xí rợp trời, nào ngựa, nào xe, nào cờ, nào lọng cùng lễ vật hậu hĩnh; hành trình vượt qua bao khó khăn gian khổ để đến được ngưỡng trời... Tất cả những điều đó được diễn tả bằng hệ thống lời Then có tính ngoa dụ, đầy ẩn ý hòa quyện trong tiếng đàn tính và chùm “xóc nhạc” cùng những điệu múa tượng trưng khiến ai tham gia đều lâng lâng tưởng như đang được cùng tham gia hành trình của đoàn quân Then.

Giá trị của nghi lễ Then cổ nằm ở chỗ, bằng hình thức diễn xướng hát có đệm đàn, Then đạt được hiệu quả tích cực trong việc giáo dục cộng đồng: khuyến khích cái đẹp cái tốt, phê phán thói hư tật xấu mà không phải hình thức tuyên truyền nào cũng đạt được. Với tính chất là một lễ hội của nghề Then, Then cấp sắc đã thể hiện trong nó khá nhiều nét đẹp trong truyền thống văn hóa của người Tày. Đó là tinh thần cộng đồng, sự đoàn kết tương trợ giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và rộng ra là trong làng bản, khu vực. Để làm được một lễ cấp sắc, bản thân thầy Then và gia đình thầy phải nhờ đến sự trợ giúp về công sức của nhiều người không chỉ trong gia đình, dòng họ mà trong cả bản làng của thầy. Sự giúp đỡ vô tư, sự cổ vũ nhiệt tình và trân trọng của cộng đồng đã chứng tỏ rằng Then có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội của người Tày. Có thể khẳng định, Then đã góp phần làm cho đời sống tinh thần của cộng đồng người Tày thêm phong phú cũng vì như thế.

Tính cộng đồng còn thể hiện ở chỗ, mỗi nghi lễ Then là một dịp để cả đại gia đình sum họp vui vẻ; cũng là dịp để các mẹ, các chị trở tào nấu nướng, làm các loại bánh truyền thống. Đời sống văn hóa của dân tộc Tày gắn với nhiều nghi lễ Then, có thể kể đến một số nghi lễ tiêu biểu như: *Giải hạn, Hắt khoăn, Lầu then...*

Hiện nay, Nghi lễ Then cổ ở Quảng Ninh nói riêng và người Tày phía Bắc nói chung chưa được giới thiệu rộng rãi cho công chúng. Nét văn hóa này cần được các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian đến tìm hiểu, biên soạn một cách có hệ thống và khoa học để lưu giữ, truyền bá, tạo nền tảng cho những bước tiếp theo trong việc khai thác những giá trị ẩn sâu trong Nghi lễ Then cổ của người Tày.

Đầu tiên phải nói đến việc lưu giữ, bảo tồn Then nghi lễ cổ. Hiện nay, do điều kiện kinh tế, nhận thức của lớp thanh niên trẻ, sự giao thoa của các yếu tố văn hóa tiên tiến, Then nghi lễ cổ được tổ chức trong cộng đồng người Tày ở các địa phương trên địa bàn huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đang đứng trước nguy cơ dần mai một. Trang phục dân tộc của người Tày ở Bình Liêu gần như đã biến mất, hoạ chăng chỉ còn trong ký ức của những người già xưa. Việc làm quan trọng là phải thay đổi nhận thức về hát Then. Trước đây, các hoạt động cúng lễ, diễn xướng



Then theo nghi lễ có lúc bị coi là mê tín, bị cấm đoán. Vì vậy, bây giờ cần có thái độ tế nhị hơn khi giải quyết những vấn đề liên quan đến nghề nghiệp các nghệ nhân của các thầy Then, thầy cúng để qua đó giúp họ cởi mở, tự tin hơn. Bên cạnh những mặt tích cực, Then nghi lễ vẫn còn tồn tại những mặt trái, những hạn chế. Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy ở đây cần được thực hiện trên cơ sở làm tỏa sáng những mặt tích cực và hạn chế những tiêu cực trong các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng. Cần hướng dẫn các nghệ nhân Then loại bỏ bớt một số nội dung hành lễ không còn phù hợp với cuộc sống hiện đại, như: Than thở số phận con người do trời định đoạt, ca ngợi việc cúng nạp lễ lạt để lấy chức, thăng chức... Việc bảo tồn và phát huy nghệ thuật diễn xướng Then nghi lễ phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng nguyên vọng, phong tục, tập quán của người dân. Vì thế, đối với những hủ tục lạc hậu, cần phân tích hoặc tạo dư luận chung để nhân dân tự nhận thức loại bỏ, tránh áp đặt.

Về góc độ quản lý nhà nước, từ năm 2006 đến nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ninh đã có nhiều đề tài, dự án nhằm bảo tồn, phát huy Then nghi lễ như: Dự án “*Phục dựng Lễ hội đình Lục Nà*” (năm 2006); Đề tài “*Nghiên cứu, đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân gian tộc người Tày ở Quảng Ninh*” (năm 2008); Dự án “*Sưu tầm, bảo tồn Then cổ người Tày huyện Bình Liêu*” (năm 2009). Ngoài ra, Sở còn hỗ trợ kinh phí, trang phục, đạo cụ để các Câu lạc bộ Then ở Bình Liêu được duy trì, phát triển. Nhờ sự quan tâm ấy, hàng loạt CLB hát Then được ra mắt trong thời gian gần đây như: CLB hát Then xã Tinh Húc, CLB hát Then xã Vô Ngại, CLB Giai điệu quê hương xã Hoàn Mỹ, CLB hát Then xã Ngọc Hồi v.v. đều thuộc huyện Bình Liêu.

Then là hình thức sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng không những đáp ứng được nhu cầu tâm linh mà còn cả nhu cầu thưởng thức văn nghệ của nhân dân. Bảo tồn không gian nghệ thuật diễn xướng Then là góp phần thiết thực vào bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập kinh tế và giao lưu văn hóa quốc tế nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Muốn vậy, những vấn đề đặt ra của việc bảo tồn di sản hát Then cần được các cơ quan chức năng chung tay tháo gỡ từng bước. ■

Tản mạn về

"Lưỡng quốc trạng nguyên"

TRƯƠNG HOÀNG MINH

Trạng nguyên là người thông minh đỉnh ngộ, học rộng tài cao, thông kim bác cổ, đỗ đầu trong các khoa thi thời phong kiến. "Lưỡng quốc trạng nguyên" là trạng nguyên hai nước

(Đại Việt và Trung Hoa) vì bên ấy cũng có chế độ thi cử như bên ta.

Việc thi cử chọn nhân tài phò vua giúp nước ở nước ta bắt đầu từ thời nhà Lý gọi là thi Minh kinh bác học và Nho học tam trường. Khoa thi Nho học tam trường đầu tiên được tổ chức vào tháng Hai năm Ất Mão (1075) đời vua Lý Nhân Tông, Lê Văn Thịnh đậu thủ khoa. Sang triều Trần, các khoa thi không còn gọi

như triều Lý mà gọi là Thái học sinh và phân định thứ hạng những người thi đỗ theo ba bậc là đệ nhất giáp, đệ nhị giáp, đệ tam giáp. Mãi đến khoa thi năm Đinh Mùi (1247) đời vua Trần Thái Tông mới đặt định

chế Tam khôi gồm ba danh hiệu Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa cho ba người đỗ đầu, số còn lại gọi là Thái học sinh. Khoa thi năm đó Nguyễn Hiền đỗ

Trạng nguyên, Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhãn, Đặng La Ma đỗ Thám hoa, 48 người

đỗ Thái học sinh; như vậy Nguyễn Hiền là vị Trạng nguyên đầu tiên của nước

ta. Tuy nhiên, nếu tính từ khoa thi năm 1075, nói cho công bằng thì Lê Văn Thịnh mới là Trạng nguyên đầu tiên chứ không phải Nguyễn Hiền.

Sang thời nhà Nguyễn không lấy danh hiệu

Phùng Khắc Khoan

Trạng nguyên mà chỉ lấy Đình nguyên (Bảng nhân trở xuống) cho nên Trịnh Tuệ (Huệ) đỗ đầu khoa thi năm Bính Thìn (1736) đời vua Lê Ý Tông là vị Trạng nguyên cuối cùng của nước ta.

Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia thì từ khoa thi đầu tiên năm 1075 thời Lý đến khoa thi năm 1736 thời Hậu Lê, nước ta có 55 vị Trạng nguyên, trong đó có bốn vị là “Luống quốc trạng nguyên”. Đây là danh hiệu cao quý do người đời vinh danh các vị sau khi các vị được các vua nhà Nguyên, nhà Minh và nhà Thanh sắc phong Trạng nguyên. Đó là các vị Mạc Đĩnh Chi triều Trần, Nguyễn Trữ, Nguyễn Nghiêu Tư và Nguyễn Đăng Đạo triều Hậu Lê. Trong bốn vị ấy chỉ có Mạc Đĩnh Chi nổi trội hơn hết, được ghi chép trong các bộ sử lớn như “Đại Việt sử ký toàn thư” (ĐVSKTT) của Ngô Sĩ Liên, “Đại Việt sử ký tiền biên” của Ngô Thì Sĩ và “Khâm định Việt sử thông giám cương mục” của Quốc sử quán triều Nguyễn.

Nguyễn Trữ thì khi đi sứ sang nhà Minh, nhân có mở khoa thi Đình, ông bèn dự thi và đỗ Trạng nguyên. Tuy nhiên, theo “Kiến văn tiểu lục” của Lê Quý Đôn thì đó là chuyện truyền miệng trong dân gian. Còn Nguyễn Nghiêu Tư (Trạng Lợn) và Nguyễn Đăng Đạo (Trạng Bệu) không thấy sử sách nào ghi lại mà chỉ có vài bài viết lẻ tẻ trên mạng nhưng không có nguồn dẫn đáng tin cậy.

Mạc Đĩnh Chi (1280-1346) người Lan Khê, huyện Chí Linh (Hải Dương), cháu nhiều đời của vị đỗ đầu khoa thi năm Bính Dần (1086) đời vua Lý Nhân Tông, là Hàn lâm Học sĩ Mạc Hiến Tích. Mạc Đĩnh Chi dáng người thấp bé, xấu xí nhưng thông minh đỉnh ngộ, học rộng tài cao, bác cổ thông kim, đỗ Trạng nguyên năm 24 tuổi trong khoa thi năm Giáp Thìn (1304) đời vua Trần Anh Tông. Thấy tướng tá, mặt mũi của ông không đẹp, vua Anh Tông không muốn phong chức tước cho, ông bèn làm bài phú “Ngọc tinh liên” (Hoa sen giếng ngọc) dâng lên vua để bày tỏ lòng mình. Vua xem xong khen ông hết mực, phong ông chức Thái học sinh hỏa dũng thủ, sung làm Nội thư gia. Đến đời vua Hiến Tông, ông được phong làm Nhập nội hành khiển Hữu ty lang trung, sau thăng lên Tả ty lang trung. Ông là một vị quan trung thực, liêm khiết, chỉ hưởng bổng lộc triều đình nên cuộc sống khá thanh bạch. Một hôm, vua sai người ban đêm lên đến bỏ trước cửa nhà ông 10 quan tiền để thử lòng ông, sáng ra ông đem việc ấy tâu vua, vua nói: “Nếu không có ai đến nhận thì khanh cứ lấy mà dùng”, ông suy ra biết là vua cho, mới dám lấy.

Năm Mậu Thân (1308), Đĩnh Chi được triều đình cử đi sứ sang nhà Nguyên (Trung Hoa), trong chuyến đi này, tài văn học và sự thông minh nhanh trí của ông đã được thi thố tuyệt vời từ Ai Nam Quan đến tận triều đình nhà Nguyên khiến cho vua tôi họ vô cùng thán phục. Các bộ sử lớn đã chép lại như sau (trích *Đại Việt sử ký toàn thư*):

“Vua (Trần Anh Tông) sai Mạc Đĩnh Chi sang nhà Nguyên. Đĩnh Chi dáng người thấp bé, người Nguyên khinh bỉ, Tể tướng nhà Nguyên mời ông vào trong phủ cùng ngồi. Trong phủ tướng có treo bức trướng mỏng thêu con chim sẻ vàng đậu trên cành trúc (y như thật). Đĩnh Chi đến xem, người Nguyên đều cười cho là hủ lậu, Đĩnh Chi liền kéo hình chim sẻ xé đi, mọi người lấy làm lạ hỏi duyên cớ tại sao? Ông trả lời: “Tôi chỉ nghe người xưa vẽ chim sẻ đậu cành mai, chưa từng thấy ai vẽ chim sẻ đậu cành trúc bao giờ. Trúc tượng trưng cho bậc quân tử, chim sẻ tượng trưng cho bọn tiểu nhân. Nay tể tướng lấy cảnh ấy mà thêu vào trướng là đem tiểu nhân đặt lên trên quân tử, sợ rằng đạo của bọn tiểu nhân lớn lên, đạo của người quân tử tiêu đi, cho nên tôi vì thánh triều mà bỏ đi”. Mọi người đều phục Đĩnh Chi nhanh trí”.

Khi vào chầu vua Nguyên Vũ Tông cùng với sứ thần Triều Tiên, lúc đó có người dâng lên vua cây quạt, vua bèn truyền Đĩnh Chi và sứ thần Triều Tiên làm bài minh. Sứ thần Triều Tiên nhanh tay viết bốn câu: “Uẩn long trùng trùng. Y Doãn Chu Công. Đông hàn thê thê. Bá Di Thúc Tề (Khí nóng hùng hực, dùng như Y Doãn, Chu Công. Đông lạnh căm căm bỏ rơi như Bá Di, Thúc Tề). Đĩnh Chi liếc thấy bèn cầm bút viết thành bài minh: “Lưu kim thước thạch, thiên địa vi lô, nhĩ tư thì hể, Y Chu cự nho. Bắc phong kỳ thê, vũ tuyết tài đồ, nhĩ tư thì hể, Di Tề ngã phu. Y! dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ, hữu như thị phù” (Khi chảy vàng tan đá, trời đất nóng như lò, người trong lúc đó được trọng như Y Doãn Chu Công, những bậc đại nho. Gió bắc lạnh lùng, mưa tuyết đầy đường, người trong lúc đó như Bá Di Thúc Tề là người chết đói. Ồi! Dùng thì làm, bỏ thì nghỉ, chỉ ta và người được như vậy).

Cái thông minh nhanh trí của ông ở chỗ phỏng theo câu chữ của sứ thần Triều Tiên rồi dẫn thêm ba câu trong sách truyện làm câu kết nên bài minh của ông có ý sắc hơn, văn hay hơn của sứ thần Triều Tiên, được Nguyên Vũ Tông hết lời ngợi khen và sắc phong ông danh hiệu “Luống quốc trạng nguyên” do chính tay vua viết (https://vi.wikipedia.org/wiki/Mac_Dinh_Chi nguồn dẫn vietnamgiapha.com). Còn vài giai thoại khác nói về văn tài và sự thông minh miễn tiếp của ông được lưu truyền rộng rãi trong dân gian càng làm cho danh hiệu cao quý đó sống mãi với thời gian.

Ngoài bốn vị “Luống quốc trạng nguyên” trên, trong sách “Việt Nam khai quốc chí truyện” (VNKQCT - tên khác là “Nam triều công nghiệp diễn chí”)* của Nguyễn Khoa Chiêm còn có thêm người thứ năm là Phùng Khắc Khoan. Ông người làng Bùng, xã Phùng Xá (Thạch Thất, Hà Tây) sinh năm 1528, mất năm 1613, là danh sĩ xuất sắc thời Lê trung hưng, có văn tài uyên bác, tinh thông dịch số, có công lớn trong nội trị, ngoại giao, văn học và phát triển kinh tế nông nghiệp, được nhân dân yêu mến gọi là Trạng Bùng (dù ông không đỗ Trạng nguyên), suy tôn là tổ sư nghề dệt the, trồng



Mạc Đĩnh Chi

ngô và mè. Là học trò Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm nhưng ông không theo nhà Mạc như thầy mà khuông phò nhà Lê suốt bốn đời vua Trung Tông, Anh Tông, Thế Tông và Kinh Tông, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều đình, từ Ký lục ngự dinh đến Thượng thư Bộ Hộ, tước Mai quận công.

Theo sách đã dẫn (từ trang 66 đến trang 70) vào tháng 6 năm 1595 đời vua Lê Thế Tông, triều đình sai Thượng thư Phùng Khắc Khoan lĩnh lễ vật sang triều cống vua Minh (Thần Tông). Nguyễn Khoa Chiêm tả chân dung Khắc Khoan như sau *"Phùng Khắc Khoan tướng mạo xấu xí, hình dáng thấp bé, tóc rối râu phơ, nhưng bẩm tính thông minh sáng trí, hiểu biết hơn người, có tài năng của Gia Cát (Lượng), Lưu Cơ (Bá Ôn), có sức học của Nhan (Uyên) Tăng (Sâm) Tử (Tu) Mạnh (Tử). Văn chương nhất đời, mưu lược hơn người, đáng là bậc trạng nguyên một thời"*.

Khi yết kiến vua Minh, vua hỏi Khắc Khoan làm chức gì, ông tự nhận là đồ Trạng nguyên, giữ chức Thượng thư Bộ Hộ, vua hỏi ông nhiều câu hóc búa để thử tài, ông đều trả lời suôn sẻ, mạch lạc, thấu tình đạt lý, được vua hết lời khen ngợi, ban yến tiệc thiết đãi.

Mấy ngày sau, *"Vua Minh sai thợ giỏi làm giả một con chim sẻ biết chạy, nhảy, mổ, bay, đặt đậu trên bụi trúc trước điện, cho bay nhảy hệt như chim thật, người lạ nhìn vào không ai phân biệt được. Rồi đó vua Minh*

cho vời Phùng Khắc Khoan vào chầu, mời lên điện rồi hỏi rằng "Sứ nước Nam có biết con chim sẻ này trăm nuôi đã bao nhiêu năm mà dạn người như thế?". Phùng Khắc Khoan ngắm nhìn thấy nó biết bay biết nhảy như thường, một lúc sau bèn bước xuống thêm đi đến bụi trúc giơ tay chộp bắt ném xuống giữa sân. Con chim sẻ vỡ thành bốn mảnh gỗ, Khắc Khoan bèn đến trước điện thần nhiên tâu rằng "Trúc là hạng quân tử ví như mình rồng của thiên tử. Sẻ là hạng tiểu nhân ví như kẻ phạm phu tục tử, lẽ đâu lại để cho tiểu nhân đứng trên quân tử? Thế là các quan của thượng quốc khinh mạn thiên tử vậy. Nước thần tuy nhỏ nhưng còn biết phân biệt lẽ vua tôi, đạo cha con, nghĩa anh em, rạch ròi kẻ trên người dưới chứ không ô tạp lộn ngược dưới trên. Lẽ như thế chứ đâu phải thần không biết nó là con chim giả"... Vua Minh nghe tâu xong hơi có ý xấu hổ, làm thinh không nói gì. Từ Tể tướng đến các quan trong triều đều lo sợ, ai nấy đều không ngớt lời khen ngợi Khắc Khoan. Vua Minh bèn ban thưởng cho Khắc Khoan, cho lui về nhà công quán nghỉ ngơi".

Lần khác, vua Minh sai người dẫn hai con ngựa cái giống hệt nhau nhờ Khắc Khoan phân biệt con nào mẹ, con nào con. Ông bèn giơ nắm cỏ trước đầu hai con ngựa, một con nhanh nhẩu bước tới ngoạm lấy nắm cỏ, ông bảo con đó là ngựa con, con kia là ngựa mẹ vì ngựa con láu táu háu ăn nên tranh ăn trước mẹ nó. Vua tôi Minh Thần Tông đều kính phục và khen Khắc Khoan sáng trí, tài giỏi. Tháng mười một *"Khắc Khoan dâng biểu xin được trở về nước. Vua Minh có ý muốn giữ lại nhưng sợ mang tiếng thất tín, bèn ban sắc phong cho Phùng Khắc Khoan là "Lưỡng quốc trạng nguyên", ban thưởng vàng bạc vóc lụa, chuẩn cho được trở về nước Nam"*.

Còn theo ĐVSKTT thì Phùng Khắc Khoan đỗ khoa thi Hương năm Đinh Tỵ (1557) đời vua Lê Anh Tông và đỗ khoa thi Hội năm Canh Thìn (1580) đời vua Lê Thế Tông chứ không đỗ Trạng nguyên (thi Đình). Ông đi sứ sang nhà Minh năm Đinh Dậu (1597) đời vua Lê Thế Tông với chức Tả thị lang Bộ Công chứ không phải vào năm 1595 với chức Thượng thư Bộ Hộ như sách VNKQCT viết. Vì mãi đến năm 1599 và 1602 ông mới được vua Lê Kinh Tông phong chức Thượng thư Bộ Công và Thượng thư Bộ Hộ. *"Đại Việt sử ký toàn thư"* cũng không có chép việc Phùng Khắc Khoan được vua Minh sắc phong *"Lưỡng quốc trạng nguyên"* mà chỉ viết *"Khắc Khoan đến Yên Kinh vừa gặp tiết Vạn thọ của vua Minh, dâng 30 bài thơ lạy mừng... Vua Minh cảm bút phê rằng "Người hiền tài ở đâu mà không có, trăm xem thơ thấy hết lòng trung thành của Phùng Khắc Khoan rất đáng khen ngợi". Liễn sai đưa xuống khắc in để ban hành trong nước. Khi ấy sứ thần Triều Tiên là Hinh tào tham phán Lý Toái Quang viết tựa cho tập thơ"*.

Trong *"Lịch triều hiến chương loại chí"*, Phan Huy Chú viết *"... Ông lại cùng làm thơ với sứ thần Triều Tiên*

là Lý Toái Quang, ông cầm bút viết xong ngay khiến Toái Quang rất phục tài. Trở về nước chúa Trịnh Tùng rất kính trọng, gọi ông là “Phùng tiên sinh” mà không gọi tên và người trong nước đều gọi ông là Trạng nguyên vì kính mến tài năng của ông... Ông là người cương quyết, sáng suốt, có tài, cái gì cũng biết được chỗ cốt yếu. Văn chương ông thanh nhã, dồi dào, có các tập truyện ở đời”.

So sánh các sử liệu đã dẫn trên thì rõ ràng VNKQCT đã sao chép của ĐVSKTT vì hai nhân vật, hai sự kiện cách nhau gần ba thế kỷ (289 năm) làm gì giống nhau y chang như vậy. Nguyễn Khoa Chiêm đã lấy “râu ông nọ cắm cằm bà kia” rồi “thêm mắm dặm muối” và chi tiết mới cho câu chuyện khác đi đôi chút và ly kỳ, sinh động, hấp dẫn hơn chuyện cũ. Điều đó là khẳng định, vì Nguyễn Khoa Chiêm (1659-1736) làm quan hai đời chúa Nguyễn Phúc Chu và Nguyễn Phúc Trú ở Đàng Trong và viết VNKQCT vào năm 1719 đời chúa Minh vương. Các sử quan triều Lê trung hưng và Phan Huy Chú cũng sao chép việc sứ thần Triều Tiên làm thơ với Phùng Khắc Khoan từ chuyện Mạc Đĩnh Chi cùng ông ấy làm hai bài “Phiến minh” dâng lên vua Nguyên Vũ Tông trong ĐVSKTT.

Nói như vậy là vì việc viết sử ngày xưa, các sử gia thường dựa vào những bộ chính sử cũ trong nước cùng những bộ ngoại sử, dã sử, giai thoại, gia phả tộc họ... để hoàn thành bộ sử mới. Như sử thần Ngô Sĩ Liên dựa vào hai bộ “Đại Việt sử ký” của Lê Văn Hưu và

“Đại Việt sử ký tục biên” của Phan Phu Tiên để viết bộ ĐVSKTT và hoàn thành năm Hồng Đức thứ 10 (1479) đời vua Lê Thánh Tông, ghi chép từ họ Hồng Bàng năm Nhâm Tuất 2897 TCN đến hết thời kỳ nội thuộc nhà Minh năm 1427 nhưng chưa được khắc in phổ biến. Nó lại được các sử quan triều Lê trung hưng hai lần hiệu đính, sửa đổi, bổ sung và phát triển thêm nhiều sử liệu mới, lần thứ nhứt từ năm 1428 đến năm 1662 đời vua Lê Thần Tông, lần thứ hai từ năm 1663 đến 1675 đời vua Lê Hy Tông và cho khắc in phổ biến vào năm 1697 vẫn với tên ĐVSKTT của Ngô Sĩ Liên. Do đó, việc sao chép và thêm bớt trong khi viết sử là chuyện đương nhiên không thể tránh khỏi đối với các sử gia.

Thiển nghĩ, việc các vị vua Trung Hoa phong danh hiệu “Lưỡng quốc trượng nguyên” cho các trượng nguyên của Đại Việt này xưa cũng giống như ngày nay một trí thức, một giáo sư của nước ta được các trường đại học của các quốc gia khác tặng bằng “Tiến sĩ danh dự” vậy. Mặc dù danh hiệu “Lưỡng quốc trượng nguyên” không được ghi chép trong các bộ chính sử mà chỉ được biết đến qua ngoại sử, dã sử, giai thoại, gia phả tộc họ... nhưng đó vẫn là sự thật, vẫn là niềm tự hào của đất nước của dân tộc. ■

(*) Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga dịch từ nguyên tác chữ Hán do Nxb Hội Nhà Văn xuất bản tháng 12.1994.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2015

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiến, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,
 Q.5, PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 11 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakin.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Châu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
Cty TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHP ĐN : 1 cuốn/kỳ
Cty Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **454 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập

Mới phát hiện:

Thiền sư ẩn mình trong tượng Phật hàng thế kỷ

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN THÔNG

Một thiền sư Trung Hoa đã ẩn mình trong một tượng Phật trải qua hàng thế kỷ. Đến tận bây giờ, nhờ máy chụp cắt lớp (CT scan) người ta mới phát hiện được sự hiện hữu của vị thiền sư này trong cuộc đời và tìm cách giải mã bí ẩn về sự ướp xác này.



Vào tháng 2/2015, trên các trang mạng đã nở rộ dòng tiêu đề “Có một xác ướp trong tượng Phật”. Các trang mạng đó đưa ra hai hình ảnh: một bức ảnh chụp một pho tượng Phật và bức ảnh kế cận là hình ảnh bộ xương được phát hiện bằng máy chụp cắt lớp nằm trong pho tượng đó.

Các chuyên gia về khảo cổ học đã thấy sự hiện hữu của xác ướp này kể từ năm 2013. Sở hữu chủ của pho tượng là một nhà sưu tầm đồ cổ người Hà Lan. Ông đã tiếp xúc với các chuyên gia để mong khám phá được bí ẩn nằm trong pho tượng này vì ông đã phát hiện được sự hiện hữu của một thân xác con người ẩn trong pho tượng đã từ lâu, chính xác là từ năm 1997. Vào năm này, nhà sưu tầm đồ cổ đã đem pho tượng mới tậu được, đến nhà của một chuyên viên phục chế. Để bằng gỗ của pho tượng đã bị hư hoại nặng đến nỗi nó vỡ vụn ra khi chuyên viên này đụng chạm vào nó. Rất thận trọng, chuyên viên phục chế bắt đầu thăm dò dọc theo sống lưng của pho tượng rồi nhẹ nhàng nhắc để tượng đã bị mục nát lên. Tức thì một nắm sâu bọ cánh cứng rơi lá tả trên bàn. Thủ phạm là đây! Các con ấu

trùng này đã “nhâm nhi” để của pho tượng. Không có gì đáng ngạc nhiên khi để rơi thành bụi.

Tuy nhiên phát hiện của nhà phục chế còn làm cho chúng ta kinh ngạc hơn nữa. Trước tiên, nhà phục chế đưa ra ánh sáng một cái gối dựa nhỏ bằng gỗ lạnh mà mép được bao phủ bởi các ký tự chữ Hán. Tiếp tục công việc thăm sát, nhà phục chế cắt cái gối dựa này đi và phát hiện ra pho tượng trống rỗng bên trong. Thật không thể tưởng tượng được: ở bên trong, nhà phục chế đã tìm thấy rất chính xác các bộ phận của cơ thể con người! Đó là xương và da đã khô...

Thật đáng kinh ngạc

Trong hơn 15 năm, không một ai nói gì về chuyện này; cả nhà phục chế và nhà sưu tầm đồ cổ. Sau cùng, cho đến tận năm 2015, họ mới quyết định khảo sát chi tiết thánh tích quý giá này. Vấn đề hiển nhiên là không thể xẻ pho tượng ra được vì như vậy sẽ làm hư hại “cái tồn tại” bên trong. Họ tham khảo ý kiến các nhà khoa học Hà Lan và Đức và các nhà khoa học nhất trí chụp cắt lớp pho tượng này. Sau khi chụp, các chuyên gia đã có được một tấm phim 3D về xác ướp trong pho tượng.

Điều nhận xét đầu tiên: họ phát hiện ra thân xác vẫn còn nguyên vẹn và ngồi trong tư thế như của pho tượng, chân ở tư thế kiết già, cánh tay để thông theo thân và bàn tay đặt trên đùi. Đây là tư thế thiền định.

Điều nhận xét thứ hai: có một thanh kim loại dài đặt dọc theo cột xương sống để giữ cho xác ướp ở tư thế thẳng.

Các khám nghiệm chi tiết về hình ảnh chụp cắt lớp đã cung cấp những thông tin quý giá. Hình dạng của xương chậu hẹp, cho biết đây là phái nam. Sau đó, để xác định tuổi, người ta khảo sát các khớp xương. Người càng già thì lớp sụn của khớp được biến thành xương (gọi là hóa cốt). Theo sự hóa cốt này, người ta có thể đánh giá sơ bộ tuổi của xác ướp. Kết quả: xác ướp nằm trong độ tuổi từ 30-50 tuổi. Khoảng cách độ tuổi quá lớn, chắc chắn là vậy, bởi vì đây chỉ là thông số có được do tấm phim đơn giản là kết quả của việc chụp X quang.

Xác ướp hơn cả nghìn năm

Nhưng nhân vật này là ai? Chính nghệ thuật điêu khắc đã cho biết một vài thông số. Đây là một tượng Phật tiêu biểu, được tạc vào thời kỳ nhà Minh, kéo dài từ thế kỷ XIV đến XVII. Tuy nhiên, thật kỳ lạ, vì các nhà khoa học đã lấy một ít mẫu xương và định vị bằng carbon14 thì thấy rằng tuổi của xác ướp già hơn so với tuổi của pho tượng! Xác ướp này phải sống ở thế kỷ XI... Như vậy di hài này đã được bảo tồn ít nhất là hai trăm năm trước khi được an vị trong pho tượng. Điều này cho thấy xác ướp là của một vị thiền sư rất được tôn kính nên đã được bảo tồn sau khi viên tịch. Phát hiện sau cùng cho biết, căn cứ vào những chữ tiếng Hán được ghi trên tảng bào thì nhà sư có tên là Liu Quan, được xem là tổ sư của Thiền tông Trung Quốc. Đó là điều khẳng định của Tiến sĩ Bernard Faure, chuyên gia nghiên cứu về Phật giáo Trung Quốc.

Điều gây thắc mắc cho các nhà khoa học là vì sao người ta lại tìm cách bảo lưu thi thể và hơn nữa lại đặt vào bên trong tượng Phật? Theo TS. Bernard Faure, có lẽ là để biến thành biểu tượng linh thiêng ở trong thiền viện cho tín đồ chiêm bái.

Để bảo quản nhục thân của Thiền sư Liu Quan trong môi trường nóng và ẩm của vùng Đông Nam Á thì phải ướp xác. Phim chụp cắt lớp cho thấy xác ướp thiếu khá nhiều nội tạng. Người ta đã phải lấy đi để phòng thối rữa. Thế nhưng, các “chuyên viên ướp xác” lại còn đi xa hơn nữa: phim chụp CT cho thấy xác ướp được quấn trong những dải bằng vải lanh được tẩm chất sơn mài. Loại nhựa độc này thường được dùng như vec-ni, có khả năng diệt sâu bọ và ngăn chặn vi khuẩn tiêu hủy phần mềm của xác ướp.

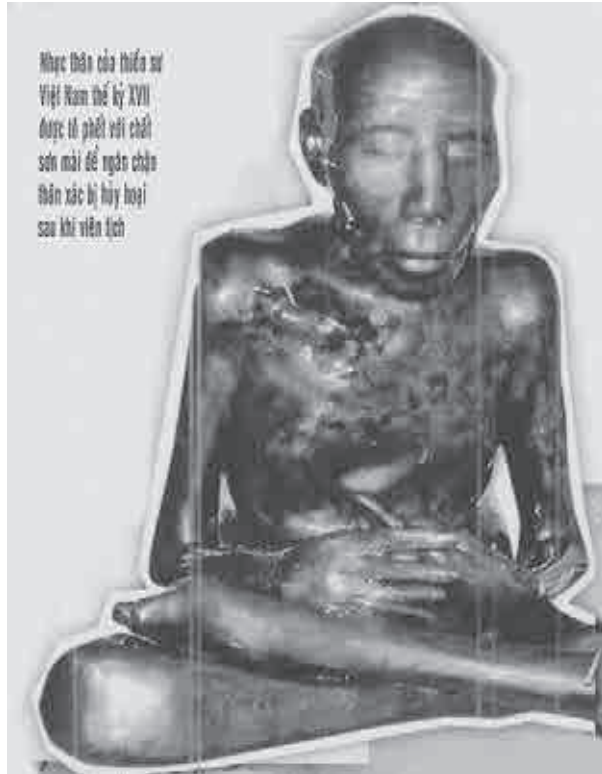
Tự ướp xác... khi đang sống

Có thể nói rằng xác ướp của thiền sư đã được chuẩn bị quá chu đáo để đương đầu với vĩnh cửu. Tuy nhiên điều làm cho các nhà khoa học Hà Lan ngạc nhiên nhất là xác ướp chỉ là bộ xương khô, không còn thịt. Giải thích ra sao đây?

Theo các nhà khoa học, có thể nhà sư Liu Quan đã tự ướp xác: tức là nhà sư đã thực hiện một chế độ ăn uống rất khắc nghiệt trước khi viên tịch. Điều kỳ bí này đã được xác nhận ở Trung Quốc căn cứ vào các cổ thư. Cổ thư cho thấy có khoảng hàng chục cao tăng đã “tự ướp xác” cách đây nhiều thế kỷ. Người ta biết được những chế độ ăn uống khắc nghiệt mà các vị sư này phải tuân thủ để tự ướp xác, “kỹ thuật” này đã tồn tại ở Nhật Bản cho đến đầu thế kỷ XX.

Phương cách “tự ướp xác”

Nhờ những công trình nghiên cứu của nhà sử học Nhật Bản Ando Kosei mà ta biết được sự hiện hữu của các thiền sư tự nguyện ướp xác mình khi đang còn sống. Sau đây là tiến trình “tự ướp xác”:



(1): Nhà sư bắt đầu bằng chế độ ăn chỉ có bột ngũ cốc và quả hồ đào. Tập cho thân xác chịu đựng đặc biệt bằng cách ngồi thiền dưới thác nước giá băng. Kết thúc giai đoạn đầu tiên này, kéo dài khoảng 1.000 ngày (gần 3 năm), nhà sư đã tiêu hủy phần lớn khối lượng mỡ của cơ thể.

(2): Giai đoạn 2 còn khắc nghiệt hơn nữa. Nhà sư chỉ còn tự nuôi sống bằng vỏ và rễ của cây thông. Như vậy, nhà sư đã tiêu hủy hết các chất mỡ và ngay cả cơ bắp cũng tan chảy. Thân xác chỉ còn lại bộ xương. Kết thúc giai đoạn hai này, cũng kéo dài khoảng 1.000 ngày, nhà sư bắt đầu uống một loại trà được chế biến công phu với nhựa của cây urushi, được mệnh danh là “vec-ni Nhật Bản”. Thức uống độc địa này giết chết dần nhà sư nhưng lại tẩm độc thân xác, bảo vệ thân xác khỏi bị côn trùng tấn công thi thể sau khi viên tịch.

(3): Khi đã trở thành “bộ xương” còn sống, nhà sư bắt đầu nhập thất, động thất chỉ có một lỗ thông hơi để lấy không khí. Nhà sư được trang bị một cái chuông để gõ mỗi ngày. Khi tiếng chuông không còn được nghe thấy nữa cũng có nghĩa là nhà sư đã viên tịch. Tức thì các đồng đạo bít kín hoàn toàn hang thất.

(4): Một ngàn ngày sau, hang thất được mở ra và các nhà sư ghi nhận xác ướp đã hoàn thành hay thất bại. Nếu thành công, xác nhà sư sẽ được khoác tảng bào và được an vị trong hòm bằng kính đặt trong đại điện. Thánh tích sẽ trở thành biểu tượng thiêng liêng cho các tín đồ chiêm bái. ■

(Nguồn: Science & Vie Junior, 9/2015)

Đạo và đời



HOÀNG TÁ THÍCH

Khi mới yêu nhau, họ là một cặp tình nhân lãng mạn nhất trên đời. Hai người lúc nào cũng quấn quýt nhau như đang sống trong mộng và tưởng như nếu phải xa rời nhau thì cả hai đều không ai có thể sống nổi. Họ cố gắng giữ gìn cho nhau để đến ngày chung sống với nhau, và mọi người chung quanh đều thấy họ đúng là một đôi tình nhân lý tưởng. Cuối cùng là đám cưới được tổ chức để họ kết chặt vào nhau suốt đời. Đám tiệc linh đình hoành tráng, khách khứa đông đúc, với những lời chúc phúc trăm năm đầu bạc, hạnh phúc muôn vàn. Tuần trăng mật lại càng cho họ nhiều kỷ niệm tuyệt vời hơn nữa. Chẳng hơn một năm sau họ có đứa con gái đầu lòng. Chàng thì mong muốn con trai, nàng thì không quan trọng chuyện trai hay gái. Thế là có chút vấn đề với nhau. Sau khi sinh, nàng phải ở nhà lo con, chỉ còn mình chàng đi làm việc để nuôi gia đình. Nàng ngày ngày phải vất vả với chuyện nuôi con chưa có chút kinh nghiệm nào, lại còn phải lo việc nhà cửa, nấu nướng, làm bữa chờ chồng về, nên nhan sắc cũng có phần hư hao. Việc chăn gối đôi chút xao lãng không được như lúc trước. Chàng cảm thấy bất mãn vì mong muốn có thêm một đứa khác và hy vọng là con trai. Nàng thấy đã có phần mệt mỏi vì mọi chuyện, nhất là vì chỉ một mình chàng đi làm việc, tài chánh không đủ để thuê người giúp việc. Nhà chẳng bao giờ có cái gọi là không khí ấm cúng gia

đình của đôi vợ chồng trẻ. Thế là dần dần, chàng thỉnh thoảng đi làm về trễ, bỏ bữa cơm nàng chờ ở nhà. Tránh không khỏi chuyện chàng có một người phụ nữ khác. Khi nàng biết ra thì bão tố nổi lên. Mới chỉ gần ba năm trôi qua, nhưng cuộc sống đối với chàng và nàng chẳng khác gì địa ngục, và ai cũng nghĩ là không thể nào tiếp tục sống chung với nhau nữa. Cuối cùng không tránh được phải bỏ nhau. Chuyện ly dị không có gì là rắc rối vì hai người không có bao nhiêu tài sản. Chàng chỉ phải chu cấp cho vợ một số tiền theo đồng lương đủ sống. Riêng đứa con thì vì chàng chẳng thiết gì con gái, nên để quyền nuôi con cho vợ một cách dễ dàng không có điều kiện gì. Ngày cầm tờ giấy ly dị trong tay, cả hai cảm thấy nhẹ nhõm như vừa thoát khỏi một cơn ác mộng. Cả hai hồi tưởng những ngày mới yêu nhau, thật lãng mạn tuyệt vời, nhưng đều có cùng suy nghĩ; hoá ra thực tế không phải là vậy.

Lại có một cặp vợ chồng khác, trước khi quyết định làm đám cưới, họ chỉ là một cặp tình nhân bình thường, không có gì lãng mạn cho lắm. Và vì muốn có cuộc sống chung nên cảm thấy lấy nhau, ăn ở lâu dài với nhau là chuyện tự nhiên. Đám cưới cũng được tổ chức bình thường. Một năm sau, họ có một đứa con gái đầu lòng. Cả hai đều sung sướng và không có ý kiến về chuyện con trai con gái. Nàng phải ở nhà nuôi con với những khó khăn không thể không có của một người

mẹ với đứa con đầu lòng. Ngoài ra còn phải lo việc bếp núc, dọn dẹp nhà cửa chờ chàng đi làm về. Cuộc sống nhìn vào có vẻ khó khăn, nhưng chẳng có gì khó khăn với chàng và nàng. Chàng thường về sớm, giúp vợ lo bữa ăn tối và chuyện con cái cùng chuyện nhà cửa trong khả năng của một người đàn ông.

Sáng sớm chàng đi làm, nàng vẫn có thì giờ pha một tách cà-phê đưa tiễn chồng ra cửa. Cuộc sống của họ thật hạnh phúc, có thể hơn cả trước khi lấy nhau. Dần dần, chàng được thăng chức, lương tiền khá hơn trước nhiều nên thuê được một người giúp việc đỡ đần cho nàng. Hai năm sau họ có thêm một đứa con trai. Mười tám năm sau, con gái đầu lòng vào đại học và bốn năm sau ra trường, có công việc vững chắc để giúp đỡ em trai đang học đại học. Bữa cơm tối nào vợ chồng và con cái cũng quây quần với nhau. Đúng là một gia đình hạnh phúc.

Bốn mươi năm sau, trong buổi lễ kỷ niệm bốn mươi năm ngày cưới, gia đình đã có thêm năm đứa cháu nội ngoại họp mặt cùng bạn bè thân thương. Chàng và nàng đều cảm thấy hạnh phúc và thảnh thọa nghĩ đến những ngày họ vừa yêu nhau, chẳng có gì gây ấn tượng vì hiện tại họ đang quá hạnh phúc.

Cuộc đời là thế. Yêu nhau là một chuyện, lấy nhau là một chuyện khác. Chia tay nhau hay ăn ở lâu dài với nhau không còn là số phận nữa, mà phần lớn đều là trách nhiệm của cả hai, nếu muốn cùng đồng tâm xây dựng hạnh phúc.

Chẳng khác gì người ta nói: “Khi chưa ngồi thiền thì sông là sông, núi là núi. Khi hành thiền thì sông không phải là sông, núi không phải là núi. Nhưng khi đã ngộ được thiền rồi thì sông vẫn là sông, núi vẫn là núi”. Sông là sông hay không phải là sông, núi là núi hay không phải là núi, cũng đều do tự mình mà ra. Sự thực thì sông lúc nào cũng là sông và núi lúc nào cũng vẫn là núi. Mơ ước hão huyền đến khi chạm với thực tế không được gì thì mới hay là mình đã ao ước quá nhiều. Có nhiều của cải trong tay, đến khi không mang theo được bên mình lúc nằm xuống mới thấy của cải cũng chẳng là gì.

Nhiều người vẫn cho rằng hành thiền là phải ngồi thiền. Ngồi thiền để nhập định và đi vào một cảnh giới khác. Trong “*Phép lạ của sự tỉnh thức*”, Thiền sư Nhất Hạnh nói về hành thiền một cách rộng rãi hơn. Hành thiền có thể bất cứ lúc nào, quán chiếu hơi thở và ý thức được những hành động mình đang làm. Đúng ra là sự Tỉnh thức. Rửa bát thì biết mình đang rửa bát. Ăn cơm thì ý thức là mình đang ăn cơm. Bây giờ có nhiều người đang ngồi trước những bữa ăn thật sang trọng, nhưng đôi khi họ chẳng biết mình đang ăn gì, vì cứ vài ba phút, lại phải dừng bữa để nghe điện thoại. Không phải là điện thoại để chuyện trò thăm hỏi vu vơ, mà là những cú điện thoại bạc triệu bạc tỷ không thể nào không nghe được. Cho đến khi được gọi là xong bữa

thì không những không cảm thấy no hay chưa, mà cũng chẳng biết là mình đã qua bữa; vì trong bụng lúc nào cũng chứa đầy công việc đang làm dở. Không những thế, ban đêm giấc ngủ cũng không tròn, không dám tắt điện thoại vì nhớ có cuộc gọi quan trọng bất ngờ. Không bao giờ được sống trong thực tại, rồi đến một lúc nào đó mới nhận ra là mình chưa hưởng thụ hết cuộc đời thì đã quá muộn.

Cả cuộc đời này cũng thế, chẳng khác gì câu chuyện “chàng và nàng” nói trên. Làm đám cưới, chung sống với nhau nhưng chẳng bao giờ sống trong thực tại cả thì không thể nào mang lại hạnh phúc cho nhau và cuối cùng là phải chia tay. Trái lại, ý thức được những khó khăn trong cuộc sống, trân quý từng phút giây bên nhau thì tuy sông có khi không phải là sông, núi có khi không phải là núi, nhưng cuối cùng núi vẫn là núi, sông vẫn là sông.

Người ta nói người già thường đi đứng dễ té ngã, ăn uống thường dễ cắn nhầm lợi, nhắm lưỡi, bởi vì cơ bắp và phản ứng của người có tuổi không phải như lúc còn thanh thiếu niên. Tuy nhiên, nếu có thể có được sự tỉnh thức ngay cả khi nhai cơm, ý thức là mình đang nhai, cảm nhận được thức ăn trong miệng thì vẫn có thể tránh được những cú cắn nhầm lợi nhắm lưỡi. Già rồi mà còn vừa nhai vừa nói chuyện ồn ào hay nghĩ chuyện đầu đầu thì không những không thấy thức ăn ngon mà còn dễ xảy ra những cú cắn nhầm gây đau đớn nữa là đằng khác.

Bất cứ trong lúc nào, trong trường hợp nào, nếu có thể ý thức việc mình đang làm thì cũng đều có thể tránh được những đáng tiếc xảy ra. Nhưng đây chỉ là nói chuyện sau khi những điều đáng tiếc đã xảy ra thôi, đâu phải ai cũng có thể dễ dàng làm được như thế. Cắn nhầm lưỡi rồi mới sực nhớ là mình vừa ăn vừa nghĩ đâu đâu thì đã muộn. Ai cũng biết hút thuốc có hại nhưng lúc còn trẻ, rất nhiều người vẫn không rời được điều thuốc lá. Đến khi thấy được thực sự tai hại của thuốc lá thì đã quá muộn màng.

Có nhiều đứa trẻ con nhà nghèo, nghèo đến “rớt mồng tơi”, nhưng cha mẹ luôn luôn vất vả với khó khăn trong cuộc sống để có thể giúp con cấp sách đến trường. Nhiều em bé sinh ra là đã bị khuyết tật nhưng vẫn phấn đấu với sự giúp đỡ của người thân để trở thành người bình thường. Những đứa trẻ đó luôn luôn thành công lúc trưởng thành. Trái lại có những đứa trẻ, con nhà giàu có được cha mẹ cưng chiều, thỏa mãn đủ điều nhưng lại lêu lổng và cuối cùng đi vào con đường sai trái mà tương lai chính là nhà tù lúc nào không hay.

Tự biết được việc mình làm và hậu quả của việc mình làm thì được an ổn hạnh phúc; ngược lại, thì sẽ bất an, khổ đau. Một bên là ý thức được mình, một bên là không như vậy. Ý thức về mình, biết mình nghĩ gì, làm gì; đó là sự tỉnh thức, tỉnh giác, là mục đích căn bản của Thiền vậy. ■



Văn hóa... ăn nhậu

THÀNH CÔNG

Ở Việt Nam, có thể nói chuyện ăn nhậu được liệt vào kỷ lục quốc gia, thậm chí là Guinness thế giới. Vì sao ư? Tại vì cứ hễ ra ngõ là gặp ăn nhậu. Một nửa của nhân loại, thậm chí là nửa còn lại cũng góp vui vào chuyện chén tạc chén thù, say túy lúy. Thành ra nhậu trở thành một “văn hóa đặc trưng” của người Việt – Văn hóa ăn nhậu.

Nhậu xuất hiện từ làng quê cho đến thành thị. Ở quê, mới sáng sớm là mấy cha ghiền rượu để đã “bắc mâm” và rủ rê bạn bè. Hồi trước thì chạy đi kêu, mất thời gian, bây giờ thì chỉ việc a-lô một tiếng là chạy qua liền. Mỗi mâm thì có cái chi dùng nấy. Hôm nào cất vó, đặt lờ, đặt trúm, đồ đầy... có con tôm, con tép,

con lươn thì để dành làm mồi. Đêm qua đi câu được con cá lóc, cá trê... thì rọng lu nước để sáng hôm sau làm mồi đãi bạn. Nói chung, mỗi mâm, rượu chè ở quê thì bao la. Sợ là không có sức để “chơi tới bến”. Hết mồi, chạy ra sau nhà hái trái mận, trái ổi chấm muối; hoặc kiếm mớ rau muống xào với tỏi... cũng đã thành mồi nhắm ngon lành. Dân nhậu mà, không có kén chọn, nhất là dân ghiền. Vào dịp nông nhàn, cánh đàn ông trong xóm không có việc để làm nên cái sự ăn nhậu càng trở nên rôm rả. Nhậu sáng mà kéo dài cho đến tối. Vừa nhậu vừa mang thau, nắp vung, xô... ra mà đánh trống ca nghêu ngao. Gần đây, do kinh tế có phần khá giả hơn nên mấy cha ở quê còn “sung ba khía”, hùn tiền lại, thuê ban nhạc sống về mặc tình mà



làm ca sĩ với các điệu múa tự chế. Chẳng những đàn ông mà nhiều bà sồn sồn có chồng, góa chồng cũng chịu chơi (chứ hổng có chơi chịu) tham gia nhậu riêng một nhóm hoặc chung với cánh đàn ông. Say rồi thì bắt đầu nhảy điệu “hầm bà lằng”, “múa lửa” hoặc khóc!

Ở thành thị, các đệ tử ma men lại “trăm phần trăm” vào ban đêm. Sau một ngày làm việc cật lực (có khi làm cho có), rất nhiều người kéo nhau đến quán làm vài chai, hoặc vào vũ trường, bar để “quây”. Đó là lý do ngày càng nhiều quán xá mọc lên như nấm. Thậm chí người ta chẳng cần thuê mặt bằng, chỉ tìm cái vỉa hè thông thoáng là đủ. Thế là nhiều nơi từ thanh bình, yên ắng trở nên nhộn nhịp (thậm chí đánh lộn ì xèo) khiến cho khách bộ hành không còn chỗ để đi, buộc phải xuống lòng đường. Mà như mọi người đều biết, người đi bộ mà xuống lòng đường để đi thì nguy cơ ra Bình Hưng Hòa rất rất là cao vì giao thông thời nay hỗn loạn kinh khủng. Đã vậy nhiều ông chủ, bà chủ còn thản nhiên lấy lề đường làm bãi giữ xe, thu với phí cắt cổ. Mà chẳng hiểu sao, đội thanh tra của công

an khu vực cứ đi tuần suốt, nhưng lòng đường vẫn bị chiếm dụng vô tội vạ. Dân thành thị thường nhậu bia là chính, bởi hôm sau còn phải đi làm. Vì nhậu rượu để dễ đau đầu, nằm ì trên giường cả ngày. Tùy vào mức lương mà người ta có thể uống Sài Gòn, Tiger, hay Heineken. Từ đó kéo theo một đội ngũ “tầm gửi” hết sức hoành tráng: bán vé số, xin ăn, hát rong, xiếc, ảo thuật... Dù đã có những quy định giờ giấc về việc kinh doanh quán ăn, nhưng cứ bước ra phố, ở các lề đường, nằm cặp vòng xoay... đều thấy ăn nhậu cho đến 2 - 3 giờ sáng. Ai cũng ra về trong tình trạng chẳng biết trời trăng mây gió là cái chi chi. Nhiều cô gái trẻ đẹp, lúc đến quán thì váy hoa, môi hồng, tóc nâu rực rỡ. Nhưng khi tàn cuộc thì hời ôi, biết bao điều đáng tiếc...

Dân công chức, cán bộ có nhiều cái nhậu hay hơn. Nhậu bất kể giờ giấc. Đang trong giờ làm việc, rảnh là kiểm soát ra ngoài có việc rồi đi nhậu. Gần đến giờ tan sở, mắt láo liên nhìn đồng hồ là vọt lẹ ra quán ngay, kéo bạn gọi liên tù tì. Có khi sau giờ tan ca, cả nhóm kéo nhau vào quán “bồng lai tiên cảnh” bù khú nhưng lại nói dối với vợ là đi ăn với đối tác, đi nhậu với khách hàng, hoặc tăng ca đột xuất. Thậm chí, mới sáng cũng có thể nhậu được (thường thấy ở sếp) hoặc có khi mang bia vào cơ quan, xuống căng-tin lai rai cho vơi bớt buồn... ngủ. Cái nhậu còn trở nên lên đời, nói nôm na là “dân nhậu là con Ngọc hoàng” khi mà ở một số địa phương, nhà hàng tận tâm phục vụ bằng việc lái xe ô tô đưa khách hàng uống bia say xỉn về nhà. Đây là một chiêu mới để làm hài lòng quý khách hàng. Cái chính của nhà hàng muốn tăng lên nguồn thu từ việc khai nắp bia, cho nên chẳng có gì phải ngạc nhiên khi họ phục vụ tận tình như vậy. Và đây cũng là cơ hội để mấy em chân dài cứ búng nắp bia liên tục. Mấy anh bụng bự hổng biết trời biết đất là gì cứ “dzô! dzô!” và rồi “phà chìm tại bến”. Hóa đơn ư! Lo gì! Cứ tính vào phí công tác, thế là xong! Lại có địa phương còn đem chuyện ăn nhậu vào “cuộc họp khẩn”, bắt buộc công chức phải uống đúng bia S., ai không uống thì phải làm tờ tường trình, kiểm điểm. Quá độc đi chứ!

Nói không ngoa chứ nước ta được thống kê là quốc gia uống bia “có vé” với thế giới lắm đấy. Theo thông tin ngày 7-5-2015 từ Cục Y tế Dự phòng (Bộ Y tế), Việt Nam ta uống bia đứng thứ ba châu Á và nhất Đông Nam Á. Trong khi mức thu nhập chỉ đứng thứ 8 Đông Nam Á. Người Việt uống bia “được” lên cả báo Pháp. Đáng cười mếu thay! Phía sau những câu “Dô! Dô! Dô!” đầy hân hoan, tràn cười thỏa mãn, có biết bao nhiêu chuyện tang thương xảy ra vì ăn nhậu. Gia đình tan vỡ, ra đường gây sự, tai nạn giao thông... ngày một nhiều hơn. Ấy là vì cái sự ăn nhậu của người Việt đã trở thành văn hóa. Mà đã gọi là văn hóa thì làm sao mà phá bỏ được cơ chứ! ■

Lang thang trong chữ

Đồng nghiệp gọi suy nghĩ

HỒ ANH THÁI

Trong công sở ngoại giao, tôi tránh chủ động nói chuyện văn chương, chỉ trừ khi bị đối phương lôi kéo vào cuộc chuyện trò khó lảng tránh. Đôi khi như vậy, tôi giật mình về ngôn từ mà họ sử dụng. Chính xác. Trúng đích. Gọi suy nghĩ.

Đạo ấy, tôi có cái truyện ngắn in trên tờ báo chuyên về vụ án an toàn trật tự xã hội. Tôi có nguyên tắc không gửi in bài ở những tờ báo như vậy, cũng như những nhà xuất bản mang cái tên uy hiếp như vậy. Nhưng rồi người làm trang văn học lúc ấy là một người không thân, ngược lại luôn có thái độ thiếu thiện chí với mình, thế mà khi cần bài anh ta bèn lên tiếng chào mời. Tình cảnh ấy, mình từ chối thì không khác nào chính thức tỏ thái độ thiếu thiện chí. Tôi bấm bụng gửi một truyện ngắn vậy. Hy sinh. Truyện in ra, anh bạn làm ngoại giao ở một vụ bên cạnh gặp tôi, cười cười: Nhà văn in truyện trên tờ báo ấy không ngại mất uy tín hay sao?

Bác Tô Hoài sẽ trả lời thế này: Không ngại, tôi là nhà văn, nghề của tôi cũng là nghề làm hàng, tôi có hàng, ai mua thì bán, hàng của tôi từ đồ đắt tiền cho đến đồ tầm tầm, tôi bày ra bán tất, ngồi bán ở chỗ nào cũng được, không ngại.

Tôi không phải bác Tô Hoài, tôi hơi sững người, chữ uy tín vốn quen dùng hàng chục năm dưới chế độ dân chủ cộng hòa, uy tín và mất uy tín. Mấy chữ ấy giờ phát ra từ miệng một nhà ngoại giao trẻ, hiểu biết, thích văn chương.

Một nhà ngoại giao khác làm quản lý ở cơ quan lãnh sự kể rằng thời anh, mà cũng là thời của tôi, viết bài tập làm văn mà tiện tay dùng chữ số, thế nào cũng bị cha mẹ hoặc thầy cô đánh gãy tay. Đánh gãy tay, nguyên văn chữ anh dùng là thế. Có lẽ chẳng phải chỉ là nghĩa bóng. Ví dụ viết: bạn học sinh này 15 tuổi, đã 3 lần đi thi học sinh giỏi toàn thành phố. Hai con số viết bằng số ấy là đủ để đánh cho gãy tay.

Bây giờ thì nhà văn nhà báo đều tràn lan sử dụng kiểu chữ số như vậy, gây ra bao nỗi vất vả ngậm ngùi cho biên tập viên báo chí và nhà xuất bản. Gây hại cho

bao người đọc vì nó khiến mắt họ nhìn con số thành nhòe thành quen.

Người ta vẫn có thể dùng con số chứ. Chẳng hạn khi nhà văn muốn gây ấn tượng nào đó về mặt số học. Chẳng hạn nhà văn muốn chơi số ghép số theo kiểu mỹ thuật sắp đặt. Chẳng hạn nhà báo muốn dùng con số để thể hiện những hình thức thống kê...

Đoạt, đạt, được

Trong một cuộc thi, ví dụ thi truyện ngắn của một tờ báo, thì các thí sinh phải giành giật nhau để đoạt giải, theo cái nghĩa tranh đoạt, không phải là đạt.

Nếu là yêu cầu một trình độ, ví dụ đòi hỏi tiếng Anh phải thông thạo, ta nói người ấy đạt đến trình độ thông thạo tiếng Anh.

Nếu là giải thưởng do hội đồng chủ động xét, bất kể các tác giả có ý định nhận giải hay không, ví dụ giải thưởng Nobel hàng năm, người nhận giải được gọi là người được giải Nobel. Ở một sắc độ khác, cũng có thể nói là nhà văn đã đoạt giải Nobel.

Trường hợp này, nói nhà văn nọ đạt giải Nobel là thiếu chính xác. Tất nhiên người viết tin có thể ngụ biện: ý tôi nói là ông ấy đạt đến tiêu chuẩn của giải Nobel. ■



Hoa dã quỳ Tây Nguyên

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Đã rất nhiều người viết về hoa dã quỳ, một loài hoa hoang dã của Tây Nguyên. Riêng tôi, sống ở cao nguyên từ thuở còn là một cậu học sinh mà chưa viết được chữ nào về loài hoa này. Nghĩ cũng tẻ thật! Song không phải thế. Hoa dã quỳ của riêng tôi, tự ngấm vào tôi thì phải chờ đợi cái giây phút “bật nở” của tâm hồn thênh thang nắng gió hoang nguyên, mới bắt được một thứ rung cảm nồng nàn, trọn vẹn nhất trong cái sắc mạ vàng ánh ảnh bầu khí hậu của tâm trí tôi.

Quả có thể. Riêng sắc rực vàng không thôi, thì tôi không đủ ngôn từ để diễn tả rồi. Chỉ biết rằng nó nao nao, xao xuyến một cách lạ kỳ, bằng khuâng bổng bồng bềnh một cách lạ kỳ. Và thương, và gọi bao điều từ mùi thơm hăng hắc hoang sơ. Dã quỳ không biết ai gọi tên từ bao giờ, và nó đến từ đâu tôi không hề để ý, nhưng tôi vẫn thấy loài hoa này là một thứ gì đó rất hoang dại, rất Tây Nguyên mà nếu thiếu nó sẽ mất đi cái khí sắc miền cao này. Người Tây Nguyên gọi nó là “hoa báo nắng”. Khi dã quỳ nở là dứt mưa, nắng vàng trời hanh lành lạnh, báo hiệu sắp hết năm, Tết đến xuân về...

Dã quỳ là loài cây phát tán mạnh mẽ, thân lá xanh đậm, vị đắng hắc mà hoa thì nồng ấm ngọt ngào. Nếu dã quỳ không có hoa sẽ chẳng ai nói đến. Hoa dã quỳ đối trị với cái hanh hao, se sắt của tiết trời âm u xám ngắt của mùa đông, khiến nó rực lên giữa cuộc sống hoang dã. Nó như những đóa hoa trời, những nàng tiên của Tây Vương Mẫu rắc xuống quanh sườn núi, đem lại ngọn lửa cho những ngày đông giá. Trẻ con Tây Nguyên, nhất là các nàng sơn nữ, thường giắt lên mái tóc loăn quăn, bông bông vài đóa dã quỳ trang điểm. Một nét đẹp đơn sơ giữa núi rừng, bên bờ suối trong veo rách quện với tiếng hát gọi tình sẽ là hình ảnh đẹp nhất mà thời nay khó bắt gặp. Vì những đặc điểm ấy mà dã quỳ vô hình trung đã trở thành nỗi nhớ trong tâm thức núi bao la. Nhớ nồn nao, nhớ thao thiết, và nhớ rừng rúc cõi lòng người xa núi xa rừng. Sao dã quỳ không nở ra màu gì khác, mà vàng rực thế kia? Màu hoa như chiếc áo du tăng trải bên đường tỉnh tọ, như dải nắng chiều còn sót lại trước hoàng hôn. Màu hoa còn như ngọn lửa thấp trong lòng những cư dân nghèo khổ, thiếu ăn thiếu mặc... Ôi cái màu cao sang mà dân dã, thứ màu gần gũi với bãi bờ,

ruộng nương luôn muốn tôn vinh con người và mặt đất!

Thử hỏi ai không yêu, không nhớ?

Dã quỳ là vậy đó. Là tâm trạng, là số phận một vùng đất. Người ta hái lá dã quỳ để tắm ghê cho trẻ con, người ta chặt thân cây để ủ mạ, làm phân bón vì một thứ nhiệt lượng ghê gớm tỏa ra từ nó. Và cuối cùng người ta ngấm nó để cân bằng âm dương, để thấy lòng ấm lại khi những đợt gió bắc thổi về làm se sắt bao nhiêu loài cây khác. Nó là niềm an ủi cho những ai cô đơn và bị ghê lạnh. Nó là chiếc áo mặc cho bao ngọn đồi trọc khỏi bị xói mòn khi bước chân du canh du cư vừa đi qua. Ngày nay, nó điểm xuyết cho những villa, biệt thự làm nên những thành phố trong rừng. Đẹp và thơ mộng một cách hoang dã, tự nhiên...

Nhưng cây dã quỳ cũng như cây đốt hoang dại, có nguy cơ bị tuyệt chủng bởi nạn phá rừng tràn lan. Ngày nào Tây Nguyên còn rừng thì còn hoa dã quỳ. Tuy nhiên, sẽ ngày càng ít đi những vật dã quỳ bạt ngàn vắt ngang những sườn núi, triển đồi Tây Nguyên. Cái đẹp đã bị lấn át một cách bạo liệt! Nhiều người yêu loài hoa dã quỳ đã lên tiếng cảnh báo. Vì sao vậy? Vì họ biết hoa dã quỳ là biểu tượng của Tây Nguyên, nếu mất hoa dã quỳ, Tây Nguyên sẽ chẳng còn gì để nói. Một loài hoa đẹp, mạnh mẽ và hoang dại, không mất tiền mua. Nhiều áng văn chương, hội họa, hình ảnh về dã quỳ đã làm đắm say lòng người, thì không lý gì hoa dã quỳ không được bảo vệ. Nó phải được bảo vệ một cách tự nhiên như nó đã từng có, cũng có nghĩa là phải bảo vệ những khu rừng nguyên sinh, những lá phổi của Tây Nguyên.

Tôi nghĩ, qua những nét đặc thù như vậy, hoa dã quỳ xứng đáng là loài hoa hoang dã bậc nhất, thân thiết với con người Tây Nguyên. Bởi nó là tâm hồn Tây Nguyên, nói gì thì nói, nó vẫn là một trong các loài hoa đẹp nhất Tây Nguyên, không đài các cao sang thì cũng là “đế vương dân dã”, có thể sánh ngang với nhiều loài hoa kiêu sa trong chậu kiểng nuôi trồng và bán lấy tiền.

Tây Nguyên mùa đông thiếu hoa dã quỳ như người nghèo không mặc áo. Thật đáng thương và tội nghiệp. Cũng may, đó chỉ là những dự báo trước cảnh tàn sát rừng dã man của những người kém hiểu biết. Tây Nguyên vẫn còn đầy hoa dã quỳ hoang dại, làm nức lòng bao du khách ghé thăm và ghi lại những kỷ niệm sâu sắc... ■

Ngày mưa

NGUYỄN THỊ SƯƠNG

Cô gái lặng lẽ ngắm mưa qua cửa sổ căn gác trọ, nỗi nhớ nhà dâng lên cồn cào trong trái tim. Những ngày này mưa không khi nào thôi rả rích, những giọt nước thấm ướt lay lắt trái tim đứa con xa quê, thoáng chút bối rối vì mái

ấm nghèo hiện lên trong tâm trí với biết bao thương nhớ.

Mưa thành phố ào ạt như những cơn gió đầu mùa; đến vội vã và đi nhanh cũng không kém. Cô gái phì cười thầm nghĩ không hiểu sao mưa mà cũng giống người như thế. Cuộc mưu sinh khiến con người ta đến đi gấp gáp đã đành, chứ can gì đến mưa mà mưa cũng chạy đua như tiếng còi tàu cuối sân ga. Mưa trút âm ỉ không một dấu hiệu báo trước rồi chỉ một nhaoáng thôi là mặt đường đã lênh láng nước, đoạn đường nào trũng thì nước ngập đến đầu gối, cao hơn thì nước cũng xâm xấp đến trên mắt cá chân, ướt và khó chịu như trẻ con dãi dầm. Lòng cô gái thấy xót xa cho những người phụ nữ tất tả mưu sinh dưới cơn mưa, bóng dáng cô ve chai cũng chính là hình ảnh mẹ và bà của cô. Tàn tảo, chịu thương, chịu khó đi qua mọi khó khăn cuộc đời... Cô gái đắm lòng chìm theo những giọt nước giá buốt để mình được trôi ngược ký ức với những mùa mưa xưa cũ khi còn sống ở quê với mẹ. Lặng yên nghe nhịp thở đều đặn của chính mình dần dần dập lên một cách tự nhiên. Ai rồi cũng thế, cứ nhắc đến nơi chôn nhau cắt rốn là lòng dâng lên niềm xúc động vô bờ, nỗi nhớ mẹ, nhớ nhà bao giờ cũng ấm áp. Chỉ cần nghĩ đến tình cảm thiêng liêng ấy là hạnh phúc dâng trên khóe mi.

Cô gái nhớ mùa mưa ở quê. Mưa hung hãn lắm, nước đổ ầm ầm rất dữ; tất nhiên cô chưa bao giờ thấy dễ chịu trước những cơn lũ đầu nguồn nơi cô sinh ra; đơn giản chỉ vì chúng gây nên nhiều nỗi đau hơn là mang lại cái đẹp, niềm vui. Nào mấy ai dành chỗ cho những mắt mát. Ngày còn ở nhà, cứ mỗi khi trời đổ mưa, cô lại cùng mẹ che chắn những chỗ dột, vác cuốc vét mương xung quanh nhà để những dòng nước ào ạt trong mưa không thể tràn vào. Chắc bây giờ quê nhà cũng đang mưa to, nhưng cô đã không thể ở bên mẹ như ngày xưa nữa. Nhà không có bàn tay đàn ông, ba đã chạy theo những phù phiếm ở nơi nào xa tít... Bao nhiêu gánh nặng áo cơm dồn hết lên vai mẹ. Thương mẹ là phụ nữ phải một mình

chống chèo nuôi các con; chỉ mẹ, mình mẹ oằn mình chống đỡ sự khắc nghiệt của tạo hóa để chị em cô được sống như bao nhiêu đứa trẻ khác. Lòng cô chất chứa nỗi nhớ nhà quay quắt, muốn về không phải để sà vào lòng mẹ nức nở vì cuộc sống thị thành khó khăn, về chỉ để gánh vác cùng mẹ những nhọc nhằn. Mẹ có tuổi rồi, đầu đủ dềo dai để mà chống chèo cho con mãi, các em thì còn thơ dại quá!

Nụ cười đôn hậu của mẹ đầu đủ trấn an lòng cô. Gần hai mươi năm sinh trưởng ở mảnh đất đá núi, cô hiểu đến tận cùng những nỗi cơ cực. Nặng lên thì rau cháo gì cũng dễ, mưa ào ạt thế kia ai dám ra đồng mưu sinh, đường tới rẫy thì lại bị chặn ngang bởi những cơn lũ hung tợn. Cái nghèo cái đói cứ bám dai dẳng, mưa cho nẫu ruột nẫu gan bà mẹ quê. Những năm xa nhà, thỉnh thoảng cô vẫn được nghe những mẩu tin nói về những người chết sông vì cuộc mưu sinh ngày lũ. Lòng quặn thắt trước những nỗi đau vô bờ bến. Khi nghèo người ta đâm ra liều, lũ lớn thế ấy mà vẫn cứ bươn mình vớt củi, vớt cá...

Mẹ vẫn hay nhắc gọi cô về những ngày nghỉ, lòng muốn được thỏa nỗi nhớ quê nhưng có bao giờ tình cảm kia chiến thắng được lý trí của cô con gái nhà nghèo. Cô sợ về nhà mẹ lại phải chật vật xoay cái này cái nọ cho con mang theo khi cô trở lại thành phố. Hơn nữa, ở lại thành phố, cô sẽ cố gắng làm thêm giờ, để dành tiền đến Tết về lại có thêm mà phụ giúp mẹ. Đôi lúc cô nghĩ, giá như mình không đi học, cứ ở nhà như ngày xưa, sáng đi làm, tối về bên mâm cơm nóng hổi dọn đầy khoai sắn cùng nôi cá đồng kho tiêu. Trời mưa thế này đối với con nhà nghèo ăn gì cũng ngon. Ngày thơ bé của cô trong những ngày mùa mưa có bao giờ biết đến gì ngoài nỗi mải kho quẹt ăn với cơm độn, một hạt cơm công tới mấy lần khoai mì. Bữa nào có thêm vài con cá đồng bốc khói nghi ngút là thỏa niềm mơ ước rồi.

Những ký ức nhọc nhằn nhưng tươi vui và trong trẻo quá! Trở về nhà sau kỳ thi căng thẳng, dư âm của những trận mưa vẫn còn làm mẹ lao đao. Về vào dịp thế này cô mới có cơ hội phụ giúp mẹ cho những nhọc nhằn với bát đi. Chợt nhận ra rằng hạnh phúc đơn giản thôi nhưng sẽ khó nắm bắt nếu con người ta không nhiệt thành. ■

Nong que yeu dau



BÙI SỸ CĂN

Tự nhiên, trong những ngày tháng Mười âm lịch tôi hay nghĩ về quê, về cánh đồng mùa gặt “bao giờ cho đến tháng Mười” với bao pháp phởng ngóng chờ, nhuộm bao nỗi niềm thân phận. Lúc đó thời tiết đã se se lạnh, đông thì chưa tới, thu lại chưa qua. Thỉnh thoảng từ phương Bắc, những cơn gió lạnh đầu mùa tràn về, trong bếp củi nhà nhà đều đỏ lửa. Mẹ tôi vẫn có thói quen vo gạo bằng rá, dùng dần sàng thúng mủng là những thứ đan bằng tre, vì hơi quê đã thấm dẫm trong tâm hồn mẹ. Mẹ bảo, vo gạo bằng rá thì cơm nấu lên ăn thơm hơn, bùi hơn, vì có tre thấm vào. Rồi mẹ còn nói, “Đồ nhựa là đồ tái sinh, nhuộm phần hóa học, con ạ. Đồ tái sinh thì làm gì mà sạch được!”

Giờ đây, ở quê tôi, chữ “sạch” được nâng niu trân trọng lắm. Rau sạch cho bao bữa cơm ngon sau mùa gặt, khi mồ hôi đổ từng giọt xuống đồng làng. Bến quê gột đi những lấm láp ngày mùa. Rồi chiếc giếng làng sạch sẽ, nước trong veo soi bóng mây trời. Vách giếng được xây bằng những tảng đá ong đã mọc rêu xanh, thứ rêu hút ẩm hút cạn, gạn đục khơi trong, trả lại nguồn mạch ngọt cho đời.

Nỗi nhớ quê quay quắt trong tôi. Tôi nhớ về phiên chợ quê họp nơi cuối làng, có lũy tre tỏa bóng trùm xuống chợ. Chợ quê bán những thứ người dân quê tôi làm ra, những vật được người dân nuôi trồng; từ con gà vằn vớ tứ vớ cánh phành phạch, con cá riếc còn tươi roi rói quẫy đành đạch trên tấm lá chuối tươi, đến mớ tép nhảy tanh tách trong rổ tre. Rồi quả bầu quả bí mới cắt từ ruộng mang về cuống còn ứa nhựa; gạo quê mới giã trắng xanh chảy rào rào giữa những ngón tay người

vốc lên thả xuống; hoa quả chín nức vườn, vỏ sù sì thô ráp, chín rầm bởi tình người, bởi thời gian của mạch sống đất đai. Trái cây tươi chậm chậm chín để thoang thoang hương và đậm đậm ngọt, ngọt từ đầu lưỡi, thấm vào cả tấm lòng thơm thảo thuận với lẽ tự nhiên. Chợ quê không bán hoa quả chín ép tức tưởi của hóa chất. Chợ quê bán một chào mười. Ăn một miếng trâu đậm chút vôi vừa để xua đi cái lạnh và vừa làm đỏ làn môi cần chỉ. Mẹ tôi bảo, “Muốn hiểu văn hóa làng, ra chợ sẽ thấy”. Đặc sản ẩm thực của làng quê cũng đơn giản, không cầu kỳ chứa bao nỗi phấp phỏng. Như bánh đa nhân vừng phải nướng bằng củi than mới tanh tách nổ, mới có vị bùi của gạo làng ta. Rồi những sàng bánh đúc lạc, bẻ ra chấm tương ăn vừa béo vừa bùi.

Tháng Mười, cánh đồng làng chỉ còn trơ gốc rạ; lũ trẻ trâu đi vớ rạ đốt đồng. Trong đồng tro than rừng rực ấy là những củ sắn mùi thơm nức mũi; để khi dong trâu về làng, đứa nào đứa nấy từ tóc tai đến quần áo đều còn ngai ngái mùi khói rạ, khói rơm.

Đồng quê yêu dấu khi vụ gặt đã qua đi, mẹ lại thông thả lên chùa, lại áo nâu sống tay lẫn tràng hạt. Mẹ thả hồn phiêu diêu theo tiếng mõ điểm cho tiếng tụng kinh, theo tiếng chuông trầm lắng. Hòa trong khói hương trầm thoang thoang là hương của hoa huệ trắng thơm lựng cả không gian chùa làng.

Chùa làng giữa đồng quê yêu dấu là nơi cất giữ bao kỷ niệm tháng năm và là nơi siêu thoát cõi tâm linh của bao kiếp người. Từ cổng chùa làng, mở ra cánh đồng bát ngát quê tôi, đến con sông, bến nước, sân đình, và đến những ngôi nhà bình dị của một thời xưa xa ngái. ■

Neak Tà

trong văn hóa Khmer Nam Bộ

Bài & ảnh: THẠCH BA XUYỀN



Đến vùng đất sinh hoạt của đồng bào Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long, trên đường vào phum sóc, người ta thường thấy những ngôi miếu nhỏ thờ một hình ảnh tượng trưng là những hòn đá hình bầu dục nhẵn bóng to nhỏ khác nhau, đó là miếu thờ Neak Tà. Việc thờ Neak Tà là một hình thái tín ngưỡng đặc trưng của người Khmer Nam Bộ, được cho rằng có nguồn gốc từ Bà-la-môn giáo. Quả thật, các Neak Tà Day Khmau, Neak Tà Kocohom được thờ cúng rất nhiều ở các vùng đồng bằng sông Cửu Long được người ta xem như những hóa thân của các thần Vishnou và Shiva trong các truyền thuyết xa xưa. Tuy nhiên, việc tìm hiểu thực tế cho thấy người Khmer phân biệt nhiều hình tượng Neak Tà khác nhau, có Neak Tà được thờ ngoài đường, có Neak Tà được thờ trong nhà, và có Neak Tà được coi là tổ nghề của những người chuyên trị rắn cắn.

Nói chung, mỗi khi ở địa phương có bệnh dịch, bị loạn lạc, nhất là khi hạn hán, người Khmer ở nơi đây đều làm lễ cầu khẩn Neak Tà. Dân gian tin là Neak Tà có quyền uy tối thượng khiến cho những kẻ làm ác phải kiêng dè. Truyền thuyết kể rằng: Xưa kia, Ông Tà được nhiều người mến mộ, cúng bái nhưng từ khi Ông Địa vào nhà, bao nhiêu đồ cúng đều về tay Ông Địa, Ông

Tà dần dần bị thất sủng, lại còn bị thỉnh ra ngồi dưới gốc cây hoặc bìa ruộng, bìa vườn. Vì vậy ông đã nhờ một vị thần phân xử.

Sau khi xem xét, vị thần ấy phán rằng: ông Địa suốt ngày cần mẫn chăm lo họa phúc cho dân tình nên được mọi người kính nể, còn như ông Tà thích rong chơi, hay ngao du sơn thủy, ít gần gũi xóm giềng nên người đời xao lãng, đó cũng là lẽ thường tình. Kể từ bây giờ, các người hãy siết chặt tay nhau, người nào việc nấy để cùng chăm lo cho dân lành theo sự phân công của ta: *Địa giữ nhà, Tà giữ ruộng*.

Thế là Neak Tà mãi nguyện, sẵn sàng ngụ ở bất cứ nơi nào, dù ngoài đồng, hay bờ ruộng. Nơi thờ cúng NeakTà thường là những ngôi miếu nhỏ, đơn sơ được làm bằng cây lá dựng ở khúc quanh con đường, ở ngã ba sông hay dưới gốc cây to, cũng có khi miếu thờ được xây to hơn bằng gạch được đặt trong khuôn viên chùa, hay ở một vị trung tâm nào đó trong phum sóc, gọi là NeakTà sóc. Trên bệ thờ mỗi miếu thường là những viên đá cuội bóng láng, người ta tin rằng đó là hóa thân của NeakTà, to gọi là Thmâr thom, nhỏ gọi là Thmâr tâch. Nếu đứa trẻ nào đó búống bình, cắc có ném ông xuống ruộng, thì nhất định vài hôm sau ông sẽ trở về chỗ cũ. Neak Tà rất thương trẻ con nên không bao giờ quả phạt dù chúng nghịch ngợm đùa cợt với mình.

Lễ cúng Neak Tà hằng năm được tổ chức trong khoảng tháng Ba đến tháng Tư theo âm lịch của người Việt, tức là trong vòng một tháng đầu mùa hạ trước khi làm đồng áng. Vào những ngày này, người Khmer họp nhau làm lễ theo từng sóc để cúng Neak Tà, và cũng để xin nước mưa làm ruộng rẫy trong năm. Người ta đến miếu Neak Tà để làm lễ. Các lễ vật cúng Neak Tà thường là đầu heo, gà, vịt luộc, rượu,... Các lễ vật này không chỉ dùng để cúng Neak Tà, mà nhân tiện người ta cũng cúng luôn các vị Thổ thần và cả ma quỷ ngoài đồng mà người ta quan niệm rằng đều là con cháu của Neak Tà. Các ma quỷ cũng được mời ăn uống, sau đó chúng sẽ dẫn nhau đi bảo vệ ruộng rẫy cho con người. Đến miếu làm lễ có Achar và những người mang lễ cúng và ban nhạc trong sóc. Họ vào đốt nhang, dẫn đầu là chủ lễ kế đó là mọi người đi quanh miếu ba lần theo chiều kim đồng hồ, cầu khẩn Neak Tà bảo vệ cho xóm làng được bình yên, cơm no áo ấm, nhà nhà đầy tiếng cười, và cầu cho được mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu.

Trong lúc làm lễ, nhạc cụ dân tộc, bài hát được cất lên để thỉnh mời các vị thần về thưởng thức. Sau đó, họ tổ chức đua ghe trên cạn gọi là um tuk lor kôk. Cũng có nhà bơi xuống vừa đánh trống, vừa ca hát. Buổi lễ chấm dứt ở đây.

Nếu lễ cúng miếu Neak Tà diễn ra rồi mà trời vẫn không mưa thì người ta tiếp tục làm thêm một lễ nữa gọi là Lễ xin nước mưa. Họ thỉnh mười nhà sư ra đứng phơi nắng tụng kinh để động lòng trời. Để một con cá lóc vào cái thau khô, hoặc vào một hố đất khô để ông Trời thấy con cá cũng như nông dân đều cần nước mưa để sống và làm ruộng nên sẽ ban nước mưa cho họ. Sự tích này có nguồn gốc từ Phật giáo. Kinh Sôphônôn có nói con cá lóc là tiền thân của Đức Phật Thích Ca, trong các kiếp luân hồi, sống trong một hồ thật lớn tên là Anôtlah. Từ khi ngài sinh ra không bao giờ sát sanh, chỉ biết ăn rong rêu và cây cỏ mọc để sống. Qua thời gian hạn hán 12 năm, mọi nơi đều khô cạn kể cả hồ Anôtlah. Mọi người và mọi sinh vật như tôm tép, cá lớn cá bé đều chết, muôn vàn tai họa đưa đến rất khủng khiếp. Cá lóc nghĩ từ sinh ra đến giờ nó không làm hại ai, chỉ biết trầm tư mặc niệm làm lành lánh dữ, tại sao trời nỡ sát hại muôn loài và sát hại cả bản thân mình. Cá nhô ra khỏi bùn kêu với trời xin hãy cứu lấy muôn loài dưới thế gian này bằng cách ban cho những giọt mưa lành. Tiếng kêu ấy động đến trời. Ngọc Hoàng nhìn xuống thấy cá lóc đúng là hiện thân của Phật Thích Ca tương lai, nên ban mưa xuống trần thế.

Đối với Neak Tà được thờ trong nhà, người Khmer đặt bàn ở góc giường, kê sát đất tại nơi tối nhất trong buồng ngủ. Mỗi khi chồng vợ xích mích người ta xây đồng gọi Neak Tà này lên để ông Tà phân xử. Ông Tà này chuyên nói tục, khai hết trước mọi người những chuyện kín đáo mà vợ chồng giấu giếm, rằng người vợ có ăn nằm với ai không, người chồng có dặt ai vào buồng không, mỗi đêm chồng vợ quan hệ nhau như thế nào... Học giả Vương Hồng Sển nghĩ rằng ông Tà này có quan hệ thế nào đó với các dân thần ở miền Bắc. Có điều ông Tà hay nói đến chuyện sinh hoạt vợ chồng một cách sống sượng, bằng những từ ít ai dám viết đủ ra trên văn bản. Và nếu người cầu ông Tà mắc cỡ nói trại đi, Tà sẽ uống rượu rồi... thăng! Món cúng Neak Tà này cũng khác thường. Ngoài nải chuối chín, đầu heo luộc, rượu trắng là thứ ngon ăn uống được, còn lại là huyết hư đàn bà (không có thì thay bằng huyết gà), tinh khí. Khi cúng thì không phải để nguyên mà phải ăn bớt, ví như chuối phải bẻ đi trước một hai trái, vì người ta cho rằng để nguyên thần có thuốc độc thần không ăn. Người cúng phải ăn trước cho thần vững bụng. Dân gian Khmer ở vùng đất này cho rằng kiếp trước của Tà thần vốn là nô dịch, hạ tiện, nên Tà mới có thói quen ăn nói như vậy.

Lại có Neak Tà được coi là tổ nghề của những người chuyên trị rắn cắn. Những thầy thuốc trị rắn cắn tôn



một Neak Tà làm tổ. Người theo nghiệp tổ phải thể độc ba điều sau đây và phải giữ nó suốt đời: Thứ nhất, phải chịu nghèo và không được lợi dụng nghề cứu nhân độ thế này để trục lợi, làm giàu. Người bị nạn được chữa lành muốn tạ ơn cũng không được nhận. Thứ hai, Không được thừa dịp người bị ngặt nghèo mà giở trò dâm ô với họ. Thứ ba, thầy trị bệnh phải biết nhẫn nại, chấp nhận nghe người cầu mình đi trị bệnh chửi rủa, chộc giận, có thể thì Neak Tà mới ban phước.

Bên cạnh những Neak Tà chính trực, còn có những vị Tà chuyên giúp bọn cờ bạc, trộm cắp, hại người vô cớ bị ốm đau để được cúng kiếng. Xem ra trong quan niệm dân gian Khmer, thế giới Neak Tà gần gũi và không khác thế giới loài người là bao.

Như vậy, ta có thể thấy tín ngưỡng thờ Neak Tà của đồng bào Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long dung hợp nhiều yếu tố thuộc nhiều tôn giáo khác nhau và đậm tính cách dân gian, là một sợi chỉ xuyên suốt tạo sự đoàn kết giữa những tộc người cộng cư trong vùng này, chứ không chỉ có nguồn gốc Bà-la-môn giáo. Tuy nhiên, trong việc gìn giữ và phát triển hình thức tín ngưỡng này, các cơ quan văn hóa cần chú trọng xóa bỏ những phần có tính cách mê tín. ■

Mẹ hiền Quán Thế Âm

TIẾN VÂN

Mẹ ơi! Mẹ của bao dung
Đưa tay dịu lồi trên từng bước đi
Mẹ ơi, mẹ của từ bi
Suối nguồn độ thoát những gì khổ đau
Cho con vui bớt nỗi sầu
Tu tâm dưỡng tánh một đời an vui
Mẹ như mây bốn phương trời
Như nguồn như nước trùng khơi thanh bình
Mẹ như cánh nắng lung linh
Như mưa gội mát tâm tình hòa chan
Mẹ dang tay giữa trần gian
Hóa thân nghìn mắt rờ ràng nghìn tay
Ôn mẹ mãi mãi từ đây!
Cho con thoát khỏi tháng ngày lênh đênh.

Đoản khúc chiều đông

VI ÁNH NGỌC

Ngày mưa nhòe ướt ca dao
Gió đông vắng tiếng lao xao... chợ đời
Xòe bàn tay với riêng tôi
Hình như ngày khê đánh rơi trái chiều.

Lạnh giòn sương khói liêu xiêu
Góc đường ai đứng ít nhiều rất thơ
Chợt gom những mảnh tình khờ
Góp mùa đông... trả hững hờ thơ ngày.

Mộng ngoan quên nhớ vui đầy
Tìm vui đoản khúc... hao gầy hư không
Rót gì trả lại chiều đông
Bài thơ phủ bụi phiêu bồng du hoang.

Xuống biển lên rừng

PHẠM ÁNH

Cha xuống biển mẹ lên rừng
Gió và sóng nổi liền khúc ruột
Rừng xanh bán làng thân tộc
Biển nghìn trùng nghiêng nắng xóm thôn.

Biển đảo ngàn đời là đất nước quê hương
Bờ cõi hiền nhiên như cháu con Âu Lạc
Vượt trùng dương An Tiêm thơm hạt
Sự sống sinh sôi xanh tận quê nhà.

Đất nước yên bình lắm lúc phong ba
Tắc đất ngọn rau hình sông dáng núi...
Tổ tiên ngàn đời giữ yên bờ cõi
Khí thế hào hùng theo sóng trào dâng.

Chuông chùa ngân vang từ biển đảo

TRƯỜNG KHÁNH

*Chùa mái cong cong giữa dòng biển lớn,
Tiếng chuông từ ngân - từng cuộn sóng về.
Lời kinh cầu - theo gió gọi hồn quê,
Biển rộng trùng xa vỗ về chuyển pháp.*

*Ói Song Tử Tây!! Chùa nghiêng bão táp,
Dáng đứng hóa thân - ngạo ngạt hương từ,
Những chuyến đi về, quên dấu vô dư,
Trời nước huyễn hư, vững lòng canh đảo.*

*Bao thế hệ truyền lưu, ngời ánh Đạo,
Phật giáo - quê hương thâm áo bao đời.
Mái chùa chở che - hồn Việt đầy vơi,
Hoàng - Trường Sa - muôn đời đất Hồng Lạc.*

*Ta có đảo - từ ngày đầu dựng nước,
Thấm máu cha ông, xuôi ngược canh bờ,
Đảo có chùa - có chuông vọng nhật thừa,
Tiếng mõ lời kinh - trượng thừa tình đạo.*

*Xin thăm nguyện với hồn thiêng biển đảo,
Đạo pháp - quê hương, thâm áo vô ngần,
Nghĩa Đạo tình đời bất khả qua phân,
Khi Tổ quốc cần - toàn dân đứng dậy.
Trường Sa - Hoàng Sa quê hương ta đấy,
Quần đảo chủ quyền - sóng dậy Việt Nam ơi!*

*Núi sông biển đảo đất trời,
Của dòng giống Việt muôn đời thủy chung,
Chùa còn vang vọng tiếng chuông
Tình dân ý đạo, tròn vuông đậm đà.*

Mùa thu lại về

ĐÀO PHƯỚC GIAO

Mùa thu
Lá rụng nữa rồi
Con chim thánh thót
Bên trời hừng đông
Chuông chùa vọng giữa mênh mông...

Nghe “tôi” chuyển động tâm thân mệt mỏi
Búp tay tưởng nhớ Như Lai
Não phiền tan biến tâm khai an bình
Nghe trong sâu thẳm con tim
Tiếng chuông thức tỉnh để mình tiến tu.

Giấc đông

KIM HOA

Vàng thoi mùa lá rụng
Tiết trời chớm sang đông
Chút se lạnh ngấm lòng
Buông khuâng ghim đáy mắt.

Nghe từ miền xa lắc
Gió khê khàng ru cây
Sương giăng lối cô gầy
Đêm về gieo thương nhớ.

Khúc tình ca đang dở
Gọi thầm giấc liêu trai
Chìm trong nỗi u hoài
Đắng lòng theo năm tháng.

Bước chân nào quên lãng
Cho tím cả vùng môi
Mắt nói không thành lời
Đông về...! Ai ru giấc ?

Thương nắng vào đông

TRÀ KIM LONG

Sáng nay trời nắng mây xanh
Mấy con chim hót trên cành liú lo
Lối vào xóm nhỏ quanh co
Tiếng người hàng xóm chuyện trò râm ran.

Ngồi trong cửa sổ nhìn sang
Vườn cây động lá khê khàng gió đưa
Lung linh mấy giọt nước thừa
Dư âm sót lại trận mưa đêm rồi.

Lần tay đếm thử tuổi đời
Mới hay đã thuộc vào thời lão nhiều
Ngọt bùi cay đắng cũng nhiều
Chưa quên hết được những điều ước mơ.

Hình như nơi cuối phương chờ
Cũng đang nắng trái đường tơ dịu dàng
Tiết trời vừa độ đông sang
Nhìn thương chút nắng muộn màng mới lên.

Về nơi ấm áp

TRƯƠNG ĐÌNH PHƯỢNG

C hiều. Những chiếc lá vàng lặng lẽ chao xuống vệ đường nằm trơ tấm thân da bọc xương, những bàn chân bước ngang qua dẫm tan tành xác lá. Một con chó ghê lê la đi tìm miếng ăn. Đã ba hôm rồi nó không có cái gì vào bụng. Tai nó vểnh lên chừng như nghe ngóng, hai chiếc mũi hểnh lên hít hít. Nó mon men vào quán phở. Buổi chiều khá thưa khách. Nó len dưới những gầm bàn mong tìm thấy chút thức ăn thừa. Một lão nhà giàu đang si soạn húp nước lèo trông thấy con chó ghê lão vội ngừng ăn xì xằng:

- Chó ghê... kinh quá!

Mụ chủ quán béo phúng phính vội vã chạy tới xin lỗi rồi rít và xách gậy xua đuổi con chó. Con chó ghê hốt hoảng cong chiếc đuôi nhóp nhách chạy trốn chết...

Khi cảm thấy đã an toàn nó dừng lại thở dốc. Một đám trẻ con đi học về trông thấy con chó liền hòa nhau lấy đá ném. Chưa kịp thở xong con chó lại một phen chạy thực mạng.

Một thằng bé cười hểnh hếch nói:

- Nhà tớ chả bao giờ nuôi chó. Cái giống ấy bố mẹ tớ bảo là chúa bẩn.

Một thằng khác tiếp lời:

- Nhà tớ thì có nuôi nhưng chỉ nuôi chó Nhật thôi. Chứ chó ta thì không, mà loại chó ghê lở như thế này thì cứ phải là "xử đẹp", bố tớ bảo thế...

Con chó cứ cắm đầu chạy cho tới khi lạc vào một con hẻm nhỏ. Trời càng lúc càng thấp xuống. Chiều mùa thu u uất như bãi đời hoang lạnh. Một lão ăn mày gầy guộc ngồi nép trong xó tường đang chuẩn bị ăn chiều. Bữa ăn của lão chỉ là bát cơm nguội xin được từ lúc trưa và hai con cá trích. Trông thấy con chó lão vội gọi "cúc cúc"; con chó ngược lên nhìn lão bằng ánh mắt dò xét. Không thấy có sự nguy hiểm, nó chậm chạp tiến lại gần. Lão ăn mày xén nửa "khẩu phần" của mình cho con chó. Nó cúi mồm ăn không kịp nhai. Nhìn nó ăn lão lắc đầu ái ngại, hai hạt lệ ứa ra khóe mi lão. Trước đây, khi còn ở đỡ ăn nhờ thằng con trai, lão cũng đã từng trải qua những lần đói rệu rã nên lão hiểu cái khổ của sự đói khát mà con

chó phải chịu đựng. Bây giờ đi ăn xin tuy không còn đến nỗi không có cái ăn, nhưng nếu lão lại dè dặt thêm con chó này nữa thì sao? Lão lắc đầu, khẽ thở dài. Con chó đã xơi sạch phần thức ăn. Lão dành luôn phần mình cho nó. Con chó không khách sáo ăn tuốt...

Đêm.

Thành phố ngập trong muôn ánh đèn và nhịp sống sầm uất. Con chó lẩn mò vào khu ổ chuột. Nó chỉ dám quần quanh ở khu này chứ chẳng dám lén phéng ra ngoài kia. Nó sợ những con người giàu có. Trước đây nó là con thú cưng của một vị đại gia nhưng từ khi nó bị ghê thì người ta đã đánh đập vứt bỏ nó.

Lúc chiều, nó quần quýt quanh lão ăn mày ý như xin ở lại; nhưng lão đã đuổi nó đi. Tuy là chó nhưng chừng như nó hiểu "lão nghèo khổ" quá nuôi cái thân lão chưa đủ nói gì nuôi cả nó...

Trời bắt đầu gieo mưa. Thứ mưa nhè nhẹ nhưng buồn náo nùng.

Có mấy gã thanh niên đi nhậu về. Đang phóng xe máy vù vù, thoáng thấy con chó chúng liền phanh gấp. Một thằng nhìn lũ bạn cười toe toét:

- Sao tụi mày? Kiếm tiền mai nhậu chứ?

Một thằng khác lắc đầu:

- Chó ghê thế này ai thèm mua?

Thằng kia xì một tiếng:

- Ôi dào, bọn khoái món "mộc tồn" chỉ biết cắm đầu ăn chứ làm quái gì biết được chó ghê hay chó chết. Mấy tay nhà hàng cũng chỉ biết thu lợi chứ đâu thèm quan tâm tới an với chả toàn.

Bọn thanh niên vội vàng mở cốp xe lấy đồ hành nghề ra. Con chó bất ngờ bị thít thông lọng vào cổ, hoảng vía nó cố giằng co mong thoát ra nhưng vô ích. Càng giằng càng bị thắt chặt. Bọn thanh niên lên xe. Con chó ghê bị kéo lê đi. Tiếng rên uất nghẹn của nó bị chặn ngang nơi cổ. Mưa ào xuống như trút. Sấm chớp đình đàng như muốn rạch nát màn trời... Tiếng rên thảm thiết của con chó và những tiếng cười man dại của bọn thanh niên nhỏ dần nhỏ dần rồi chìm hẳn vào màn mưa gió vô tình. Ngoài kia nhịp sống thành phố vẫn diễn ra như thường nhật chẳng ai hay biết

phía sau “cuộc sống xa hoa sầm uất” có một “sinh linh vô tội” vừa bị một đám người cướp đi sự sống...

Đang thiêu thiêu ngủ trong tiếng mưa đêm ào ào, lão ăn mày bất ngờ bị đánh thức bởi tiếng xe máy gầm rú. Lão ngồi hẳn dậy. Đập vào ánh mắt lơ mơ của lão là hình ảnh mấy tên thanh niên ngồi trên những chiếc xe “bụi” hả hê văng tục.

Con chó ghê nhìn thấy lão. Nó đưa ánh mắt thăm đăm đăm về phía lão, chừng như muốn gửi lời biết ơn về bữa cơm cuối cùng trong cuộc đời bé nhỏ của mình tới lão. Như một linh tính lão ăn mày cũng đã nhìn thấy nó. Con chó đáng thương như số phận của lão. Một sức mạnh tiềm tàng từ đâu trỗi dậy, lão tung chăn lao ra giữa đường chặn ngang bọn thanh niên. Một thằng hét toáng lên:

- Á. Lão già chết dẫm này, lão chán sống à.

Cả bọn dừng xe lại. Một thằng khác xắn tới nắm cổ áo lão:

- Này mắt mũi để đâu vậy, lão già! Chán đời cũng phải biết tìm nơi tìm chốn nhé.

Lão ăn mày bình tĩnh nói:

- Các anh thả con chó đó ra.

Một tên thanh niên xì mũi:

- Tại sao chúng tôi phải thả nó ra?

- Vì đây là con chó của lão. Xin các anh đừng bắt nó. Bây giờ tôi chỉ có mình nó bầu bạn thôi. Lão hạ giọng.

Một gã khác chen vào:

- Kệ xác lão. Chó của lão cũng đâu liên quan gì tới bọn này. Bèo bọt cũng bán được ba bốn trăm ngàn, thả nó ra mất mẻ bữa nhậu à.

Lúc này con chó đã hơi hoàn hồn. Nó ngược đôi mắt u buồn nhìn lão ăn mày miệng ư ử như muốn nói gì đó. Nếu biết tiếng người hẳn nó sẽ nói “Cảm tạ lòng tốt của ông. Nhưng cái phận tôi sống đã khốn nạn lắm rồi chết đi có khi lại là sự giải thoát. Xin ông đừng đôi co với bọn bất lương này nữa kéo gánh vạ vào thân”.

Lão ăn mày quay sang nhìn con chó, ánh mắt buồn rượi của nó rơi vào trái tim già nua của lão. Hai hạt lệ ứa qua khóe mi gầy. Trong phút chốc, một quyết định lóe lên trong tâm trí, lão lần lữa quần lấy ra một bọc nhỏ trao cho bọn thanh niên, nói:

- Đây là toàn bộ số tiền dành dụm của lão, xin các anh nhận lấy và tha cho con chó tội nghiệp của lão.

Một tên chừng như là thủ lĩnh của cả bọn “chộp” lấy túi tiền cười hi hi:

- Xem như lão biết điều. Rồi quay qua tên cầm thông lưng gã bảo: “giải phóng cho nó mày”.

Đám thanh niên rồ máy xe và phóng vào màn đêm tăm tối. Con chó thoát khỏi tay lũ tử thần, gắng gượng vẫy chiếc đuôi cẩu bần lê về phía lão ăn mày. Lão ôm nó vào lòng và òa khóc như một đứa trẻ. Trời đã dứt mưa, chỉ còn vài sợi gió buồn buồn bốn cột những tàng cây. Khu phố nghèo chìm trong giấc khuya bình thản.

Từ hôm đó con chó và lão ăn mày trở thành tri kỷ của nhau. Ban ngày, nó cùng lão lê la qua khắp thành phố xin ăn. Về đêm, nó nằm cạnh cạnh giấc ngủ cho lão. Bất kể mưa nắng, nóng lạnh, sáng tinh mơ người ta đã thấy một người một chó điu dắt nhau đi, tới một người ta mới thấy họ trở về “căn nhà bé nhỏ” của mình, một góc tường lở toác. Dẫu sống trong cảnh cơ hàn tăm tối ấy nhưng đêm nào người ta cũng nghe vẳng từ “chốn nghèo hèn ấy” tiếng hát của lão ăn mày và tiếng con chó ừ ừ phụ họa. Những bài hát của lão chẳng ra một hệ thống nào nhưng thấy đều chung một chủ đề đó là “sự tráo trở bạc đen của thói đời, sự ghê lạnh của tình người, sự bất hiểu vô ơn của con cháu đối với ông bà cha mẹ”. Chẳng biết con chó có hiểu gì không nhưng sau khi lão ngừng tiếng hát nó lại thoảng “thờ dài”, rồi như muốn an ủi lão, nó dụi dụi cái mõm trụi lơ vì ghê lở của mình vào tay lão. Lão vuốt ve thân thể gầy guộc của nó, thầm thì:

- Kiếp động vật như mày lại có tình hơn kiếp người như chúng tao.

Lão khóc. Tiếng khóc nghẹn lại nơi cổ. Lão ngược nhìn bầu trời đêm.

Những ánh sao nhấp nháy nhìn

lại lão. Lão nhớ có lần hỏi

lão còn trẻ lão đọc được

ở đâu đó đại thể: Một

sinh linh trên thế gian

này khi chết đi sẽ

hóa thành một



vì sao. Những kẻ ác thì thành những vì sao u ám và những ai có trái tim nhân ái sẽ thành những vì sao sáng chói trên bầu trời. Không biết sau này khi lão từ bỏ cõi trần bụi bặm này linh hồn lão có hóa thành những vì tinh tú xa xăm kia không? Và mây nữa, lão thầm nói với con chó, “Hy vọng mây cũng trở thành một vì sao sáng”. Lão cười. Lão thấy mình thật ngớ ngẩn. Thực tại kiêu miểu ăn còn chưa ra, ngồi đó mà mơ tưởng chuyện hảo huyền. Lão nằm xuống ôm con chó vào lòng, cả người và chó chậm chậm đi vào giấc ngủ. Lão mơ thấy mình và con chó bình yên dạo bước trong một vườn hoa rực rỡ, trên đầu đội một chiếc vòng chói ngời những vì tinh tú...

Lão ốm. Toàn thân nóng hầm hập như vôi nung. Suốt ba hôm liền lão không gượng dậy nổi. Con chó lang thang vào phía trong khu phố sầm uất. Nó sục sạo từ sáng tới tối mới kiếm được chút thức ăn, khi thì mẩu bánh, lúc cục xôi của những nhà giàu bỏ đi trong đám rác thải. Không ít lần nó bị người ta mang gậy đuổi trời chết vì cái tội lùnh sục vậy bần. Từ lâu giữa lão ăn mày và con chó ghẻ đã không còn sự phân biệt tầng lớp cấp cao hay hạ đẳng, người và chó như hai kẻ đồng cam cộng khổ nên những gì nó đưa về lão đều sẵn sàng ăn.

Vì không biết nói như người nên không thể mở miệng xin sự bố thí của người đời, và thức ăn thừa người ta quẳng đi cũng có giới hạn, nên có hôm con chó chẳng kiếm được gì; những buổi như thế chó và người phải nhịn đói. Lão ăn mày ngày càng ốm nặng thêm. Mọi bận lão chỉ ốm vài ba hôm, không hiểu sao lần này đã mười ngày trôi qua bệnh của lão không hề có dấu hiệu khả quan. Số tiền dành dụm cả đời ăn xin của lão, lão đã bỏ ra “chuyện mạng cho con chó”, nếu không lão đã gắng đi tìm hiệu thuốc mua thuốc uống.

Đêm nay lão ăn mày đã chìm sâu vào giấc ngủ sau một cơn ho sặc sụa. Con chó ghẻ gối đầu lên chân nghếch mõm nhìn sao trời. Tiếng gió mùa thu luồn qua những mái nhà tồi tàn tạo ra những âm thanh rất rượi buồn. Những chiếc lá vàng lìa cành buông xuống con ngõ dài hun hút không một ánh đèn, chốc chốc bị gió đùa bật ra những cung âm như tiếng thở dài của những mảnh đời quèn.

- Chó! Chó!!! Bắt lấy con chó. Cha mẹ nó đồ chó mất dạy.

Mụ bán thịt lợn
be be kêu lên
như rống.



Mọi người vội vàng đổ dồn ánh mắt về phía mụ. Một con chó ghẻ miệng ngoạm miếng thịt đang luồn qua những chân bàn tìm đường tẩu thoát. Một mụ đàn bà ăn mặc ra dáng sang trọng chạy lại hỏi giọng quan tâm:

- Chuyện gì vậy chị?

Mụ bán thịt nhăm nhặng:

- Tổ cha đứa nào nhà vô nhân thất đức bày dạy cho cả chó đi ăn cướp. Đồ đó con chó ấy đó, nó vừa ngoạm mất gần kilogam thịt của tôi.

Mụ nhà giàu nhìn nhanh theo con chó:

- Ái dà! Thời này còn nẩy nòi ra cái giống này nữa hả?

Dứt lời mụ ta đuổi theo cầm chiếc làn giăng luôn mấy phát vào đầu con chó, miệng la bài hải: “Bà con giúp tôi chặn lại giết quách con chó khốn nạn này cái”.

Những người xung quanh thấy không phải chuyện của mình nên chẳng ai thèm chen vào. Mụ nhà giàu và con chó ghẻ vờn nhau một lát, cuối cùng con chó cũng luồn ra khỏi những dây chân bàn nhăm thẳng hướng cổng chợ chạy bán sống bán chết. Về tới “nhà” con chó buông miếng thịt xuống thở dốc. Hồn nhập lại xác, nó tiến về phía lão ăn mày. Chừng như lão đang ngủ. Nó ghé mình nằm xuống cạnh lão. Lát lão dậy nó và lão sẽ “dùng bữa”. Lạnh lẽo. Nhịp thở của lão ăn mày hình như không còn nữa. Con chó vùng dậy. Nó ngoạm áo lão day day. Im lặng. Nó liếm mắt lão, miệng ứng ứng kêu. Im lặng... Tất thảy lúc này chỉ còn sự im lặng đáng sợ bao trùm...

Lão ăn mày đã chết. Lão chết vì viêm phổi cấp. Khi lão sống không ai thèm ngó ngang tới lão nhưng khi lão chết “người ta không thể để xác lão nằm đó bốc mùi”, khu phố nghèo hùn nhau tích góp mua cỗ áo quan và đưa lão đi chôn ngoài khu nghĩa trang dành cho tầng lớp bình dân. Không kèn không trống. Không lời phúng điếu, không một tiếng khóc gọi là sự sưởi ấm linh hồn kẻ xấu số. Người ta chôn lão như chôn một con chó con mèo, chỉ sang trọng hơn nhờ có cỗ quan tài rẻ tiền.

Bangayliên người ta thấy một con chó ghẻ nằm trước mộ lão ăn mày, cạnh nó là một miếng thịt đã bốc mùi hôi thối. Trước lúc lão ra đi về nơi cuối cùng của niềm đau, nó và lão chưa kịp ăn với nhau bữa ăn cuối cùng. Sang ngày thứ tư. Ngày thứ năm... Hơn mười ngày tiếp theo sau một đêm mưa gió toer bời, sáng sớm ra người ta nhìn thấy xác con chó nằm co quắp bên ngôi mộ. Nó đã chết vì mưa và giá lạnh. Cái giá lạnh u buồn cuối mùa thu. Nó từ giã sự băng giá của cõi người để tìm về sự ấm áp bên cạnh con người khốn khổ đã cứu mang và xem nó là bạn, đã đối xử với nó bằng tình yêu thương...

Ngày mai đã là mùa đông. Cả thành phố lại rợp màu sắc sắc sỡ của hàng trăm loại áo khoác người ta khoác lên người để chắn che cái khắc nghiệt của thời tiết. Nhưng phía sau những tấm áo lòe loẹt kia, nơi sâu thẳm trái tim mỗi con người có thật sự ấm chẳng? ■

Khói bếp quê

TRẦN DUY ĐỨC

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.*

Hai câu ca dao ấy tôi được mẹ ru từ thuở còn nằm nôi, lớn lên lại nghe mẹ giải thích, đó là nỗi nhớ quê mẹ của người xa quê, nhất là những cô gái mới về nhà chồng, khi mỗi chiều về nhìn làn khói mỏng bay lơ lửng quẩn quýt trên mái tranh làng trên, xóm dưới sau những khóm tre già thấp thoáng và tiếng chuông chùa ngân vang lúc mặt trời lặn, rải những tia vàng nhạt trên dòng sông quê. Cha mẹ tôi đều cùng làng, nhà ngoại cách nhà nội có một quãng đồng, vậy mà cứ chiều về thì mẹ tôi nhớ ngoại, nhớ các cậu các dì, nhớ nhà bếp của ngoại cũng đang có lửa cười rất rộ và khói cũng bay lan tỏa mái tranh, nỗi nhớ cứ dậy lên da diết; mẹ tôi nói thế. Mẹ tôi không nhiều chữ nghĩa, nhưng tôi tin là mẹ nói rất thật lòng, nói từ tâm trạng của người con gái mới về nhà chồng, từ tâm trạng của người mẹ hiền hậu, chân chất như hạt lúa, củ khoai, sinh ra và lớn lên từ đồng quê gốc rạ, hết lòng vì chồng, vì con.

Bây giờ, tuổi tôi cũng đã lên chức ông, nhưng mỗi khi đi đâu nhìn thấy màu khói bếp lam chiều từ mái nhà ai

tỏa ra, là liên tưởng đến bữa cơm chiều ở đó dù không cao lương mỹ vị, chỉ đậm bạc mắm rau nhưng hẳn là đầm ấm, vui vẻ như nhà tôi ở quê mấy mươi năm trước, khi tôi còn mẹ, còn bà nội. Và, dù ăn uống không còn bao nhiêu nhưng cơn đói ủa đến y như hồi còn nhỏ mỗi chiều lúc đi học về hoặc lúc lừa bò về gần đến ngõ.

Ngày nay, về vùng nông thôn cũng hiếm khi thấy những vệt khói lam mỏng manh hòa vào cơn gió nhẹ thổi tan dần lên mái rạ, chẳng mấy khi “nghe” được mùi cơm lúa mới, mùi rơm rạ ấm nồng để đoán rằng trong gian bếp bữa cơm chiều quê vừa bắt đầu. Không khí đầm ấm của gia đình không còn được nhen lên từ những làn khói mỏng như thế.

Tôi chợt nhớ lại những hình ảnh xưa kia. Bao đời người dân nghèo quê tôi đều sống dưới những mái tranh mái rạ, ẩn hiện dưới lũy tre làng đêm ngày đu đưa kéo kệt miệt mài ngày qua ngày; mấy chục năm rồi mà tôi cứ tưởng như mới đây. Làng quê nghèo với những con người lam lũ từ đời này qua đời khác, vậy mà nay đã đổi thay đến ngỡ ngàng. Nhà tranh vách đất đã xóa bỏ, những lũy tre làng thưa dần, thưa dần, thay vào đó là những hàng cây ăn quả, vườn hoa cây cảnh, những hàng tre bờ sông cũng trực gốc thay vào

đó bằng bờ kè chống xói lở, trông sao mà nó trống trơn vào mùa đông, khô khốc vào mùa hạ.

Thời ấy, nhà nào ở quê cũng có cái bếp nhỏ lợp tranh, vách xây hoặc trét đất, nền đất nện láng, diện tích chừng mười lăm, mười sáu mét vuông, có nhà rộng hơn, không chỉ để nấu nướng, dọn cơm ăn, mà dung chứa nhiều thứ nào cối xay, cối giã, giã, sàng, thúng mùng, quang gánh, đòn ngói... rồi lại trấu, than củi, rơm lá... để làm chất đốt. Nhà ở nông thôn thời ấy thường cất theo kiểu mái chái, nhà bếp nằm ở cuối phía sau, hướng về phía gian nhà chính, giữa nhà chính với nhà bếp có một khoảnh sân cát, còn gọi là sân nhỏ hay sân sau, để tạo ra ánh sáng và thoáng khí trong bếp; trên khoảnh sân này, có nhà trồng giàn hoa lý hay hoa giấy, nhà nào khá giả thì làm hòn non bộ; đây cũng là khoảng trống để khói trong nhà bếp thoát ra ngoài.

Nhà bếp được xây hoặc trét ba mặt, vách phía Tây có cửa sổ là nơi kê bàn ăn, vách phía sau bít kín, vách phía Đông có cửa đi thông ra vườn rau nơi có xây một cái giếng để lấy nước, phía Nam trống nhìn ra sân cát. Góc sân cát gần bếp có đặt vò nước, nắp đầy bằng cái vung cũng bằng đất nung hoặc chỉ là một cái nón mê cũ, bên cạnh treo một cái gáo dừa có cán. Nước từ giếng đá ong xách lên trong veo chứa trong vò đất mát lạnh, trong nhà ai đi đâu về đang khát, uống một gáo nước, lấy nón phẩy phẩy ráo mồ hôi là thấy khỏe.

Nơi đặt ông Táo được nâng cao hơn nền nhà bếp chừng vài ba tấc, để cao ráo hơn, để nhúm bếp. Ông Táo là ba viên gạch đen thui đen thui chụm vào nhau, dần dần được thay bằng ông vua bếp đất nung, tiến bộ hơn là ông kiếng sắt ba chân. Lúc trời nắng chẳng sao, chứ gặp mưa phùn gió bắc, củi ướt thì đúng là khói bếp un, đun bếp chứ không phải là nấu bếp; nấu nướng cho xong bữa cơm thì mặt mày lợ lem, khói cay nước mắt nước mũi chảy, tóc tai rối bù, mà không dễ có nổi cơm ngon, không khê sống thì cũng bị nhão... Làn khói un nồng nặc tỏa ra căn bếp đen sịt những lớp bồ hóng dày đặc bám lên cột kèo rui mè nhà bếp nên không hề bị mối mọt. Thời xưa thuốc men khan hiếm, ông nội tôi thường bóc ổ nhện nhện trắng như bông nằm trong lớp bồ hóng làm thuốc cầm máu mỗi khi có đứt tay.

Nếu nói gia đình là tế bào của xã hội thì cái bếp là hơi ấm của tế bào đó; nhà bếp là hơi thở của gia đình, nó ít khi ngưng hoạt động, đúng với chức năng cái bếp Việt ở mọi miền. Ngoài nấu nướng cho bữa cơm chính, thì bếp cũng luôn nhúm ít trấu cho giữ lửa cả đêm ngày, để lúc thối lên, khi thì luộc khoai lang, củ mì, rang bắp, nướng bánh tráng, sao thuốc rê, nấu nước trà, khi chụm nồi cháo heo... Đó là chưa nói đến những ngày giỗ kỵ, đám tiệc, tết tư là nhà bếp hoạt động hết "công suất", củi lửa, nồi niêu, bát đĩa, dao thớt nhiều hơn và cả tiếng nói cười cũng nhiều hơn. Đến khi gần hết gạo trong thùng ảng, thì mẹ tôi bắt cái cối xay lúa quay ừ... ừ, tiếng chày giã gạo ỳnh... ỳnh, giã sàng khởi động...

để có gạo cho những bữa ăn tiếp theo. Hối ấy đèn dầu leo lét gió thổi là tắt, ngọn lửa bếp bập bùng phát ra ánh sáng cho cả nhà ngồi ăn cơm hoặc làm những việc dọn dẹp vặt vãnh, có lúc còn là ánh sáng soi chữ cho lũ trẻ chúng tôi học đến ngủ gà ngủ gật bên bếp lửa.

Bao cuộc đời, bao số phận cũng dần lớn lên và trưởng thành từ cái bếp, nơi tỏa ra những làn khói lam mỏng mảnh. Và, những cái bếp lợ lem này chính là cái lò đào tạo, mà người thầy chính là người mẹ hiền dạy con gái nết na, giỏi giang nấu nướng, bánh trái để cho gái cung hội đủ "tứ đức", khi về nhà chồng, cha mẹ được yên lòng.

Ngày nay, đất nước ta đã và đang trên đà đổi mới, hội nhập và phát triển, nhịp sống thời công nghiệp đang gõ cửa từng nhà ở mọi vùng miền. Không chỉ ở thị thành mà cả vùng quê cũng dần phát triển đô thị hóa nông thôn, phụ nữ được giải phóng khỏi căn bếp đen kịt những làn khói đặc sánh. Gần như nhà nào cũng đã sắm tủ lạnh, nồi cơm điện, bếp gas, khá hơn là bếp từ, lò vi sóng... vừa nấu cơm, vừa có thể đọc báo, xem tivi hoặc làm công việc khác.

Cuộc sống bon chen, tất bật ở các đô thị, các khu công nghiệp đã làm cho cái bếp của nhiều gia đình vốn chật hẹp trong nhà tầng, nhà ống trở nên lạnh lẽo, không còn ấm áp như xưa. Quy mô hộ gia đình nhỏ, chỉ vợ chồng và một đến hai con, đứa con lớn theo học ở thành phố, đứa nhỏ gửi nhà trẻ, hai vợ chồng đi làm mỗi người mỗi nơi cách xa, phần ai nấy ăn, có thể ăn cơm hộp tại nhà máy hoặc cơ quan. Đến tối mới ăn chung tại nhà, nhưng chưa hẳn đã có thời gian nấu nướng nên đành mua cơm về nhà ăn. Tôi có người bạn, hai vợ chồng làm việc ở hai thành phố cách nhau gần ngàn cây số, đứa con duy nhất học ở nước ngoài, vậy là cái bếp và phòng ăn sang trọng luôn vắng chủ, để ông Táo ngồi chơi. Ở nhiều nhà, những thành viên trong gia đình thường không bao giờ đông đủ trong mâm cơm, mỗi người mỗi việc, ai xong việc trước thì ăn trước, chứ ít khi chờ đông đủ mới ăn chung. Người xưa có câu: "Vắng đàn ông quanh nhà, vắng đàn bà quanh bếp", thời nay có những gia đình không vắng đàn bà mà bếp vẫn nguội lạnh, không hiếm phụ nữ chẳng còn mặn mà với chuyện bếp núc.

Tôi chợt nhớ lời ru của mẹ, nhớ đến cái căn bếp nhà tôi năm xưa năm xưa bập bùng khói và bồ hóng, mẹ tôi cứ quanh quẩn ngày này qua ngày khác để giữ hơi ấm cho cả gia đình. Tôi lại càng nhớ những bữa cơm đoàn tụ ấm cúng sau làn khói bếp và hình ảnh của bà nội, của má tôi bên bếp lửa bập bùng vào mỗi sớm, mỗi chiều trong những tháng hè nóng bức, mùa đông mưa dầm gió bắc. Còn ngày nay, rất hiếm thấy đâu còn những sợi khói lam chiều tỏa ra từ mái tranh quê. Dù không tiếc cái bếp quê lợ lem, nhưng vẫn nhớ hoài, vẫn động mãi trong tôi ký ức khói lam chiều. Đó là hình ảnh quê nghèo thời chưa xa lắm:

Khói lam chiều, khói lam chiều

Vừa thương vừa nhớ vừa yêu vừa buồn. ■



Hỏi Tôi là một Phật tử. Tôi cảm thấy buồn khi Phật giáo, một tôn giáo hiền hòa có giáo lý thâm sâu và trong sáng, lại không có số tín đồ đông đảo như số tín đồ của một vài tôn giáo khác. Xin cho biết ý kiến.

(Phạm Việt Hùng, phố Quán Sứ, Hà Nội)

Đáp Nỗi buồn của bạn không có cơ sở vững. Một tôn giáo có số tín đồ đông không hẳn là tôn giáo nổi trội so với các tôn giáo khác về nhiều phương diện. Hướng chỉ, con số thống kê chưa hẳn là đúng và chỉ là trong giai đoạn hiện tại; trong khi sự thăng trầm của một tôn giáo diễn biến, thay đổi theo từng giai đoạn, thời đại... Niềm tin vào một tôn giáo không nên dựa vào số tín đồ đông hay ít của tôn giáo ấy.

Theo thống kê hiện nay, số tín đồ các tôn giáo chính như sau: Thiên Chúa giáo 2,1 tỷ người; Hồi giáo 1,5 tỷ; Ấn giáo 900 triệu; Tôn giáo dân gian Trung Quốc 394 triệu; Phật giáo 365 triệu và từ 1,2 tỷ đến 1,6 tỷ không chính thức. Các tôn giáo còn lại ngoài các tôn giáo kể trên có số tín đồ ít hơn nhiều. Như vậy, Phật giáo đang được xem là một trong những tôn giáo có số tín đồ lớn nhất trên thế giới. Các thống kê khác cũng cho biết số tín đồ cũng như các hoạt động của Phật giáo đang gia tăng khá nhiều ở khắp các nước. Ví dụ ở Úc, trong vòng 5 năm kể từ 1986 đến 1991, tín đồ Phật giáo từ 80.387 người đã tăng lên đến 200.000 người. Ủy ban Tôn giáo Liên Hiệp Quốc cho biết vào năm 2005, số Phật tử tại Hoa Kỳ là 1.527.000 người. Các trung tâm, tự viện Phật giáo càng ngày càng nhiều. Tại Ý, trong vòng 15 năm qua, số Phật tử tăng 4,5 lần; sinh hoạt tại 5 trung tâm Phật giáo, 4 ngôi chùa, 2 tu viện, 35 thiền viện, 18 trung tâm văn hóa Phật giáo và 3 tờ báo Phật giáo. Một ấn tượng của Phật giáo Việt Nam là Hệ phái Khất sĩ Việt Nam hiện có 298 tịnh xá tại Hoa Kỳ, 76 tại châu Âu, 45 tại Canada, 42 tại Úc và 16 tại châu Á.

Có nhiều lý do khiến Phật giáo chưa được phát triển và phổ biến tương xứng với tầm quan trọng của tôn giáo này. Sau đây là một số lý do cơ bản:

1. Phật giáo phát xuất từ Ấn Độ và du nhập gần khắp châu Á. Nhưng một số triều đại phong kiến ở một số nước châu Á từng ngăn chặn sự phát triển của Phật giáo. Đáng kể nhất là ở Ấn Độ. Vào thế kỷ thứ VI, vua Hung-nô là Mihirakula ủng hộ Bà-la-môn giáo, đã ngăn chặn sự phát triển của Phật giáo, san bằng 1.600 tự viện. Vào thế kỷ thứ VII, vua Suddhanvan xứ Ujjain ủng hộ Bà-la-môn giáo đã ra lệnh giết tất cả tín đồ Phật giáo, ai không theo lệnh sẽ bị xử tử. Đến thế kỷ thứ XII, Hồi giáo xâm nhập Ấn Độ, quân đội của Muhamad Churi đã giết cả chục ngàn Tăng sĩ Phật giáo. Thế là Phật giáo gần như mất hẳn tại xứ sở của Đức Phật.

2. Giáo lý của Phật giáo thâm áo, không dễ gì lĩnh hội đầy đủ vì chính Đức Phật sau khi Đại Chứng ngộ đã từng e ngại người đời khó hiểu được Phật pháp. Quả thực, Phật giáo là tôn giáo của trí tuệ và những người có trí tuệ để thông hiểu Phật pháp thì không nhiều.

3. Bản chất của Phật giáo là hiền thiện, nhu hòa, từ bi. Phật giáo không dụ dỗ hay đe dọa, xâm hại, ép buộc những người không phải Phật giáo phải theo đạo Phật. Phật tử không như một số tín đồ của một vài tôn giáo khác theo chân thực dân triết phá, giết hại những người không theo tôn giáo của mình. Đây là tình trạng của các quốc gia bị xâm chiếm trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc được người phương Tây phát triển trong các thế kỷ XVI đến XIX; tại các thuộc địa, tín ngưỡng, văn hóa, kiến trúc, và cả tôn giáo truyền thống đều bị triệt hạ và tôn giáo mới của thực dân cứ thế mà phát triển trên khắp các xứ bị xâm lược.

4. Phật giáo chỉ được người phương Tây biết đến cách đây vài ba thế kỷ qua các nhà truyền giáo của họ và qua các quan chức trong hệ thống cai trị của thực dân. Các nhà nghiên cứu giới thiệu các tác phẩm, các bản dịch kinh điển Phật giáo chỉ cách đây hơn một thế kỷ; trong khi Thiên Chúa giáo phát triển tại châu Âu hơn mười thế kỷ và ở các nước châu Mỹ, châu Phi cũng khoảng năm thế kỷ nay.

5. Về mặt tổ chức và hoạt động, Phật giáo chưa có một hệ thống chặt chẽ, không có giáo quyền, không có trung tâm lãnh đạo quốc tế; việc giảng pháp, thực hiện hoạt động xã hội chỉ là tùy tiện. Số giảng sư cũng là tùy tiện, không được cơ quan, tổ chức nào giao nhiệm vụ. Trong khi đó, Thiên Chúa giáo La Mã có Tòa thánh Vatican tấn phong và điều khiển 415.348 linh mục, 693.575 nữ tu (theo tinvui.net ngày 24-11-2015).

Mặc dầu với những trở ngại nêu trên, Phật giáo vẫn có số tín đồ đông đảo, được xem là một tôn giáo có truyền thống cổ xưa, là một trong vài tôn giáo quan trọng nhất hiện nay. Phật giáo lại đang trên đà phát triển và có thể không lâu nữa số tín đồ sẽ tăng lên nhiều. Nhưng vấn đề không phải là số tín đồ nhiều hay ít như đã nói trên. Người Phật tử không có bốn phận để khiến người không tôn giáo hay có tôn giáo khác trở thành tín đồ Phật giáo. Người Phật tử có bốn phận tự tu và làm sao để giúp mọi người sống hiền thiện, với khổ đau, giảm thiểu tham sân si... phù hợp với giáo lý của Đức Phật.

Bàng Ân

THÔNG BÁO

V/v tổ chức cuộc thi Văn, chủ đề “ĐẠO PHẬT, SUỐI NGUỒN YÊU THƯƠNG”

Hướng tới kỷ niệm 18 năm ngày Tập san VÔ ƯU ra mắt bạn đọc (Vu Lan 1998 – Vu Lan 2016). Được sự nhất trí của Thường trực Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Dak Lak, Ban Thông tin Truyền thông và Ban Biên tập Tập san Vô Ưu tổ chức cuộc thi Văn, với chủ đề “**Đạo Phật, suối nguồn yêu thương**”, với các nội dung sau:

I/ THỂ LOẠI:

- 1/ **Truyện ngắn** (Bài viết dài không quá 2.000 từ)
- 2/ **Tùy bút** ()

II/ ĐỐI TƯỢNG DỰ THI:

- Tất cả nhà văn chuyên hoặc không chuyên, Tăng Ni, Phật tử, độc giả trong và ngoài nước, không phân biệt tuổi tác, nam nữ, sắc tộc.
- Một tác giả có thể gởi từ 1 đến 2 tác phẩm dự thi.
- Tác phẩm dự thi phải là sáng tác mới, chưa tham gia dự thi bất cứ cuộc thi nào, hoặc đã đăng tải trên các báo, đài, trang mạng trong và ngoài nước.
- Tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung và bản quyền tác phẩm dự thi của mình.

III/ THỜI GIAN GỎI BÀI DỰ THI:

- Từ ngày ra thông báo này đến hết ngày **15/8/2016** (13.7.Bính Thân)
- Bài dự thi được đánh vi tính trên khổ giấy A4, font chữ Times New Roman 13. Ghi rõ họ và tên thật, bút danh, địa chỉ, số phone và email (trên 1 tờ giấy riêng).
- Có 2 cách gởi bài dự thi:

1/ gởi qua email: noisanvouu@gmail.com

2/ gởi qua đường bưu điện: **Tạ Nam Trân, Hộp thư 29 Bưu điện Trung tâm TP.Buôn Ma Thuột-Dak Lak** và ghi câu “**Truyện ngắn hoặc Tùy bút dự thi**”

IV/ CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG:

- Mỗi thể loại có 5 giải thưởng: Nhất-Nhì-Ba và 2 Khuyến khích, gồm:
- Một Giải nhất 5.000.000đ – Một Giải nhì 4.000.000đ – Một Giải ba 3.000.000đ và 2 giải Khuyến khích mỗi giải 1.000.000đ.

V/ BAN GIÁM KHẢO:

- Ban Tổ chức sẽ mời chư tôn đức Tăng Ni và cư sĩ Phật giáo là những nhà văn, nhà nghiên cứu văn học có uy tín trên văn đàn. Danh tánh sẽ được công bố sau.

VI/ LỄ TỔNG KẾT VÀ TRAO GIẢI:

- Dự kiến sẽ tổ chức vào trung tuần tháng 8 năm Bính Thân (2016), nhân dịp Họp mặt kỷ niệm 18 năm ngày Tập san VÔ ƯU ra mắt bạn đọc.

Kính mời chư tôn đức Tăng Ni, thiện hữu tri thức Phật giáo, văn nghệ sĩ, Phật tử và độc giả trong và ngoài nước yêu thích văn thơ hoan hỷ gởi bài tham gia cuộc thi; đồng thời góp phần xiển dương giáo lý Từ bi, Trí tuệ, Vô ngã, Vị tha của đạo Phật trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

TRƯỞNG BAN THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG

Kiểm Chủ nhiệm Tập san VÔ ƯU

Cư sĩ Thiện Thông TẠ NAM TRÂN

Thông báo về giai phẩm

Xuân Bính Thân - 2016

Giai phẩm Xuân Bính Thân - 2016 của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo dự kiến phát hành trước ngày 25/1/2016 (nhằm ngày 16 tháng Chạp năm Ất Mùi). Với nội dung phong phú, hình ảnh đẹp, trình bày trang nhã và là món quà mang đậm nét văn hóa để tặng cho đồng đạo, bạn hữu, người thân nhân dịp xuân về.

Trân trọng kính mời chư tôn thiện đức Tăng Ni, quý Phật tử, các vị doanh nhân và quý độc giả xa gần tham gia: Đăng thiệp chúc Tết, quảng cáo sản phẩm và viết PR giới thiệu về hoạt động từ thiện và các hoạt động phục vụ của doanh nghiệp trong mùa xuân cũng như đăng ký mua giai phẩm Xuân ủng hộ nhiệt tình cho Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Giá bán giai phẩm Xuân: 44.000đ/cuốn.

Giá đăng quảng cáo:

Bìa 2, bìa 3, bìa 4 đã có khách đăng ký

- Trang ruột:

- 1 trang: 5 triệu,
- 1/2trang: 2.500.000đ,
- 1/4 trang: 1.250.000đ,
- 1/8 trang - thiệp chúc Tết: 500.000đ

Vui lòng liên hệ đăng ký: Từ nay đến ngày 15/1/2016

Quảng cáo: Pháp Tuệ, ĐD: 0913 8100 82

Phát hành: Ngô Văn Thông, ĐD: 0906 934 252

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

THÔNG BÁO

Chiêu sinh Lớp Sơ cấp Phật học

Q.Gò Vấp khóa VIII (NK. 2016 – 2018)

Nhằm nối tiếp sự nghiệp giáo dục đào tạo Tăng Ni có đủ căn bản Phật học cho con đường tu tập, Ban Chủ nhiệm Lớp Sơ cấp Phật học Q.Gò Vấp quyết định chiêu sinh, và xin phép BGH Trường Trung cấp Phật học chiêu sinh khóa VIII. NK: 2016 – 2018.

Đối tượng được theo học dành cho các vị xuất gia ở chùa có năng lực kiến thức tiếp nhận, đạo đức oai nghi tốt, được thầy Bỏ sư cho phép và được BTS GHPGVN quận – huyện nơi cư trú chấp thuận.

Trình độ văn hóa lớp 6 trở lên và không quá 50 tuổi.

Thời gian phát và nhận Đơn xin nhập học kể từ ngày ra thông báo đến hết tháng 01. 2016.

Ngày khai giảng nhập học sẽ thông báo cùng Tăng Ni lúc nhận hồ sơ nhập học.

Tất cả chi tiết về việc nhập học xin liên hệ

- Văn phòng Lớp Sơ cấp Phật học Q.Gò Vấp: Chùa Huỳnh Kim, 10/6 A, Quang Trung, P.11, Q.Gò Vấp.

ĐT: 08 3895 9923 hoặc thầy Minh Đăng: 0909 776 870

- Chư Ni hệ phái Khất sĩ xin liên hệ tịnh xá Ngọc Phương, phường 01, Q.Gò Vấp – ĐT: 08 3985 2759. NS.Thích nữ Tín Liên: 0906 722 787.

TM.Ban Chủ nhiệm

Chủ nhiệm

HT.Thích Nhật Lang



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhân dật tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com



KÍNH MỜI ĐẶT MUA *Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO* - NĂM 2016

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử và bạn đọc gần xa hoan hỷ đặt mua *tạp chí Văn Hóa Phật Giáo* – năm 2016.

+ Quý khách có thể chọn đặt mua:

- 12 số đầu năm: 316.000đ
 - 12 số cuối năm: 316.000đ
 - Trọn năm 2016: 604.000đ (ưu đãi: chiết khấu 5%)
- (Ưu tiên quý khách đăng ký sớm sẽ được tặng lịch 2016).

+ Phương thức thanh toán:

Quý khách hoan hỷ trả tiền theo một trong những phương thức sau đây:

- Đóng trực tiếp tại tòa soạn – Ban Phát hành.
- Thanh toán tại địa chỉ độc giả đăng ký (chỉ áp dụng đối với quý độc giả lớn tuổi tại các quận nội thành TP.HCM).
- Thông qua đường bưu điện.
- Chuyển khoản: **Tài khoản Tạp chí VHPG - Ban Văn hóa. Số 1131297 Ngân hàng VP Bank, chi nhánh TP. HCM**

Quý khách hoan hỷ đăng ký với Ban Phát hành bằng điện thoại: (84-8) 3848 4335 hoặc điền chi tiết vào phiếu thông tin dưới đây và cắt gởi về: Ban Phát hành – Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM.

THÔNG TIN ĐẶT MUA BẢO DÀIL HẠN – 2016 *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo*

Họ và tên:

Địa chỉ:

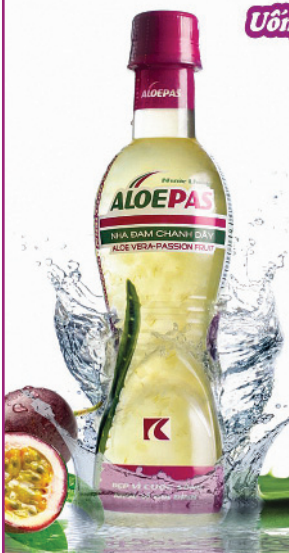
Điện thoại:

Thời hạn đặt mua và phương thức thanh toán:

Ký tên



Điền Khắc Gồ, THIÊN PHÚ THẢO
43/2N, Nhà Vườn, Mỹ Hòa 1, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM
08.37 13 13 13 - 01 666 000 666 - 01 222 999 666
WWW: thiephuthao.com - dieukhaogo.vn - Email: dieukhaogo@gmail.com

KHÂM TÍN

Nước Uống ALOEPAS

Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn

- Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.
- Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam** **Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.

Sản phẩm của : **CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN**
Số : 284/11 Cò Bắc, Phường, Cò Giang, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH
SXT Nhà máy : **CN NHADAM VINA - CTY TNHH TM DV KHÂM TÍN**
Số 2 Lô A, Cù Xá PHÚ LÂM D, P. 10, Q. 6, TP. HCM, VIỆT NAM
Website : www.khamtin.vn Email : khamtin1668@gmail.com



ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG - KHỎE VÌ GIA ĐÌNH



pháp uyển

DHARMA GARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM **QUANG NGHỆ**
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"




THỰC PHẨM DƯỠNG SINH

CHÂN NGUYÊN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel.: 08 22422951
Facebook: chan nguyen
Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh
Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành



Restaurant

Chay
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhả và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



DIỆU TƯỚNG AM NAM KỲ
382B NAM KỲ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0906 955 663

DIỆU TƯỚNG AM 3/2
212 BA THẮNG HẢI, P. 12, Q. 10
ĐT: (08) 38 684 913 - HOTLINE: 0902 848 363

DIỆU TƯỚNG LƯU LY QUANG (NGỌC LƯU LY)
382G NAM KỲ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: 0938 959 503

www.dieutuongam.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com



Hoà Tiên

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

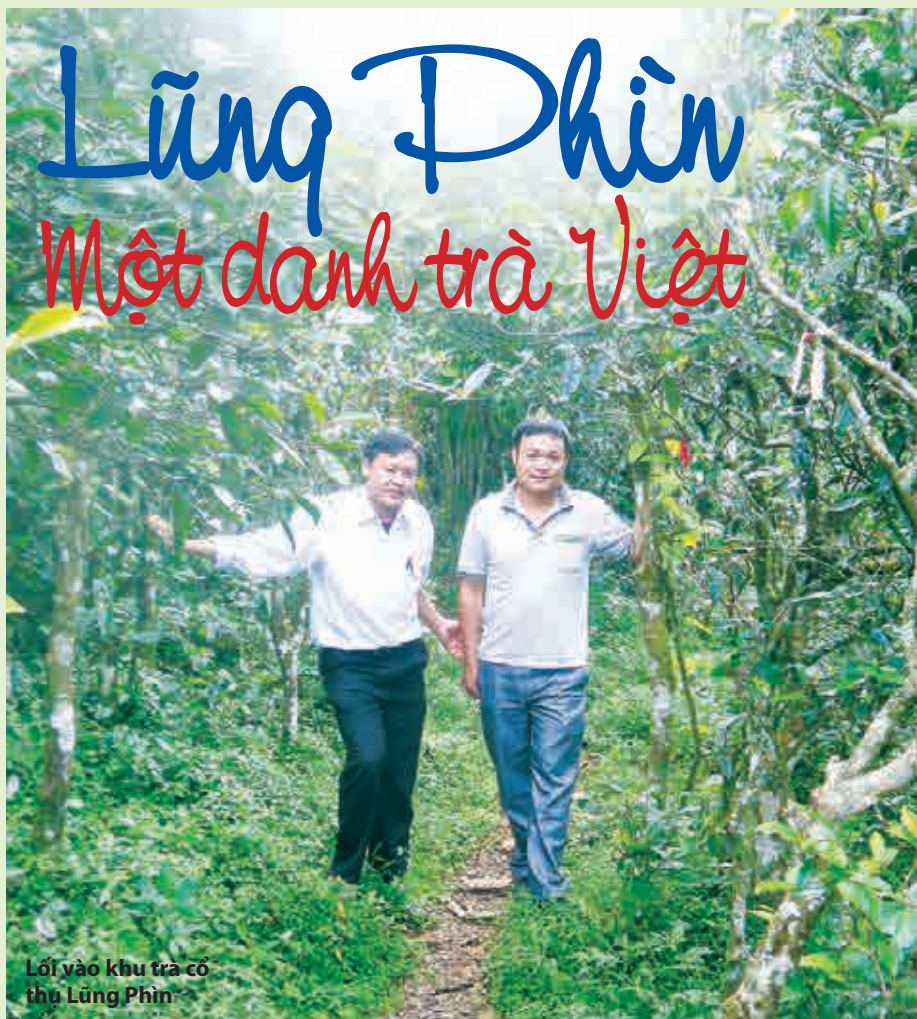
Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin



TÂM KHOA

Các dãy núi trùng trùng điệp điệp tựa như lưng rồng uốn khúc vây quanh vùng đất tương đối phẳng tựa như mặt hồ tạo nên cảnh quan vô cùng đẹp được gọi là hồ cạn của Rồng ở - Lũng Phìn.

Lũng Phìn là xã thuộc huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang nằm ở miền cực Bắc của nước ta, được bao quanh bởi các dãy núi trùng điệp có đỉnh Tây Côn Lĩnh cao 2419m và ngọn Kiều Liên Tí 2.402m. Khí hậu ở đây thuộc nhiệt đới ẩm nhưng do có địa hình cao nên thời tiết mang sắc thái ôn đới.

Chè Lũng Phìn là chè cổ thụ cao niên, cây chè ở đây mọc dọc theo thung lũng có khe suối chảy trên cao nguyên có độ cao khoảng 1.800m trong ba bề núi đá

bao phủ và mây mù phủ suốt bốn mùa. Ánh nắng mặt trời chỉ đi qua khe núi vào giờ ngọ nên cây chè cổ thụ quanh năm nằm trong sương mù chỉ đón nắng chính ngọ - tinh khí của trời và được hấp thụ tinh khí của đất - chất đất đỏ lẫn với đá cao nguyên qua hàng trăm năm cứ thế lớn dần cho ra những lá trà màu xanh non lấp lánh tuyết trắng. Cánh trà cổ thụ Lũng Phìn có đặc điểm rất nhỏ, nhẹ và tôm trà cũng rất bé.

Trong tiết trời thu, được anh Li Mí Pó,

chủ tịch xã Lũng Phìn dẫn đi thăm các gốc trà cổ mới thấy được món quà vô giá mà thiên nhiên ban tặng cho mảnh đất này. Và cuối cùng chúng tôi tới vườn trà cổ thụ tại thôn Cán Pẩy Hở A nằm ngay trong vườn nhà của ông Sùng Sung Xá - một gia đình người Mông có ba thế hệ ở cùng một nhà và là nhà chế biến trà cổ thụ Lũng Phìn nổi tiếng trong vùng. Ba đứa trẻ được chỉ dẫn hái là trà buổi sáng, hai vợ chồng ông Sùng cùng sao trà còn người ông mới thật là linh hồn cho những mẻ trà ra lò, nhìn ông ngồi im đôi mắt tinh tường theo dõi ngọn lửa, nhìn màu của cánh trà sấy để quyết định cho chất lượng.

Phương pháp sấy trà vẫn là thủ công hoàn toàn, nhưng khác biệt với dưới xuôi người ta dùng lửa củi, dùng gas, điện thì ở đây chỉ dùng cây ngô (lá ngô, lõi ngô) phơi khô để lấy lửa sấy trà.

Và còn thú vị hơn khi được uống một ấm trà cổ thụ Lũng Phìn ngay tại nhà ông Sùng. Hương trà thanh nhẹ tỏa khắp căn nhà nhỏ, tôi thấy được hương của sương mùa quện trong lá trà, màu trà xanh tươi có chút vàng nhẹ của nắng. Đặc biệt nước trà kích thích tuyến nước bọt rất tốt làm cho buổi trò chuyện kéo dài mà không thấy khô cổ. Ước gì trà này tới được với nhà giáo.

Tôi tin chắc những người sành trà đều yêu hương vị và cái sắc màu của trà cổ thụ cao niên Lũng Phìn.

Hiện nay cây chè cổ thụ cao niên cũng không còn nhiều. Năm 2010, Viện Nghiên cứu chè Phú Hộ cũng đã có chương trình bảo tồn cây chè Lũng Phìn, cây chè cổ cao niên được đánh số và giao cho từng hộ dân chăm sóc, khai thác và bảo tồn. Và Viện cũng đã thành công trong việc nhân giống cây chè Lũng Phìn để tăng diện tích trồng giống chè quý giá này.

Bên cạnh đó còn phải bảo vệ thương hiệu trà Lũng Phìn cao niên vang tiếng một thời mà Vua Mèo chỉ dùng làm quan hệ giao bang và truyền rằng các bậc quân vương uống trà Lũng Phìn cổ thụ là cách để giữ ngai vàng được trường tồn.





TÔN HOA SEN

Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ĐỂ MUA ĐÚNG SẢN PHẨM TÔN HOA SEN

Quan sát dòng in trên mặt dưới sản phẩm được thể hiện rất rõ ràng và cụ thể các thông tin về sản phẩm và thông số về tiêu chuẩn chất lượng như sau:

68M – TÔN HOA SEN – THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA – TÔN LẠNH MÀU – 15/5 μ m

a

b

c

d

e

0.40mmTCT – 3.57kg/m (± 0.09) – ISO 14001:2004 – OHSAS 18001:2007 – TML 15111869 – 13/11/15 14:27

f

g

h

i

j

k

a : Số mèl

b : Tôn Hoa Sen

c : Thương hiệu quốc gia

d : Loại sản phẩm (Tôn kẽm, Tôn kẽm màu, Tôn lạnh, Tôn lạnh màu)

e : Độ dày lớp sơn mặt trên và mặt dưới (đối với trường hợp sản phẩm là tôn màu)

f : Độ dày của sản phẩm (dung sai)

g : Tỷ trọng lý thuyết (dung sai)

h : Tiêu chuẩn ISO

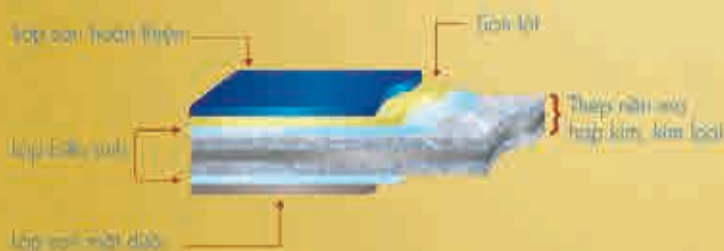
i : Tiêu chuẩn OHSAS

j : Mã số cuộn

k : Ngày giờ sản xuất

• Minh họa cấu tạo tấm Tôn Hoa Sen

• Sử dụng thiết bị đo Palmer để đo độ dày



CAM KẾT BÀN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG
- ĐƯỢC BẢO HÀNH

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN KHÁCH HÀNG



1800 1515

Miễn phí cuộc gọi

www.hoasengroup.vn